Tiếng Nước Tôi

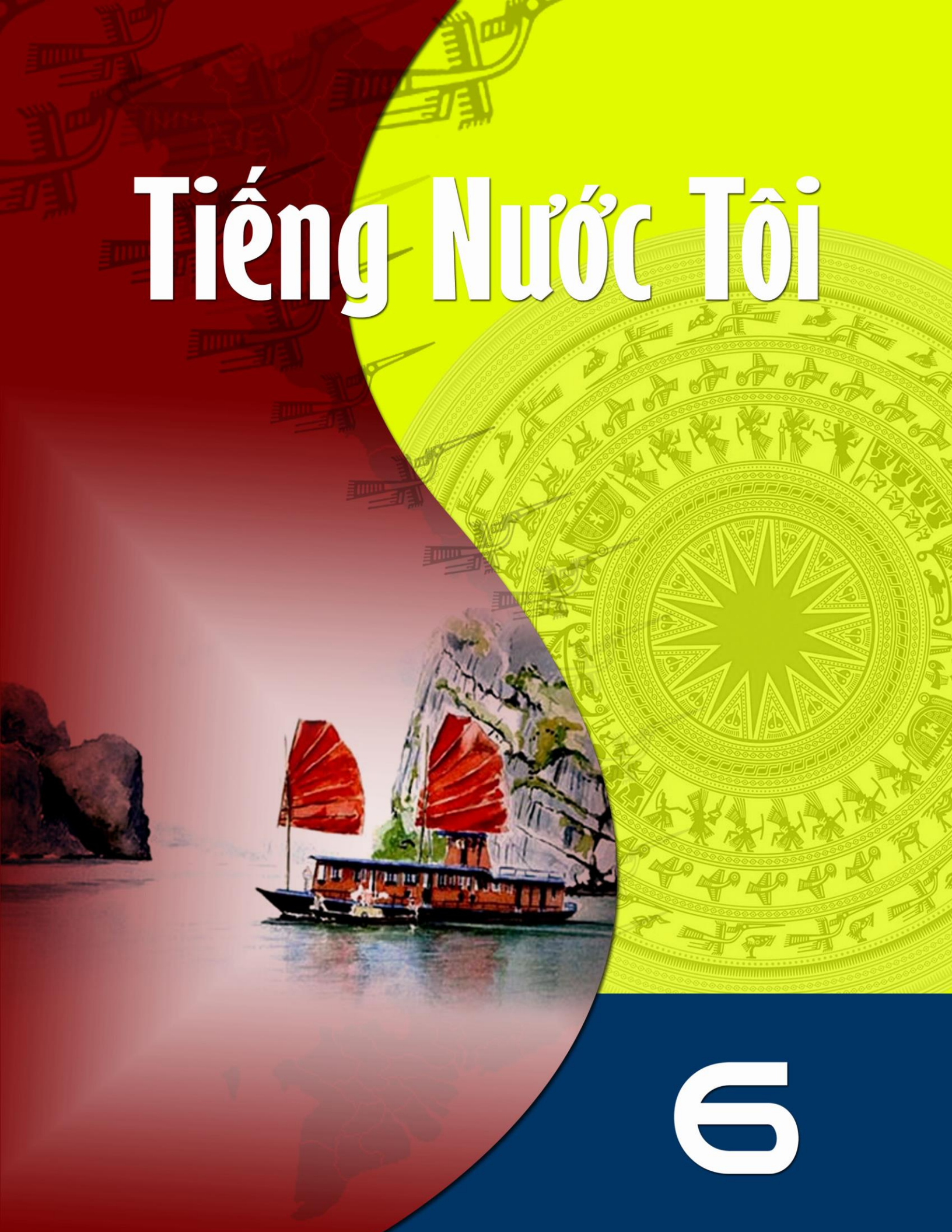

6

Tiếng Nước Tôi

Lớp 6

Họ và Tên: _____

Thầy/Cô: _____

Niên Khóa: _____

Trường Thánh Tôma Thiện
Giáo Xứ Thánh Giuse
Grand Prairie, Texas
www.tomathien.org

Phiên Bản 2016

Lời Ngỏ

Bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa Việt là một trong những ước mơ của phần lớn các gia đình Việt Nam ở hải ngoại.

Việc dạy và học tiếng Việt đã trở thành công việc không thể thiếu trong hầu hết các cộng đồng người Việt. Để đáp ứng nhu cầu đó, các thầy cô trường Thánh Tôma Thiện qua bao năm tháng ấp ủ đã biên soạn một bộ sách giáo khoa ***Tiếng Nước Tôi***.

Các bài học trong tập sách này được các thầy cô góp nhặt từ những sách giáo khoa Việt văn được xuất bản trước năm 1975 tại miền Nam Việt Nam và tại các trung tâm Việt Ngữ tại hải ngoại.

Một số bài trong bộ sách này được trích từ những tác phẩm của các nhà giáo, nhà văn, nhà thơ, mà vì hoàn cảnh chúng tôi không thể trực tiếp xin phép được. Kính mong quý vị, vì lợi ích của việc bảo tồn tiếng Việt và cũng vì lòng quảng đại xin cho chúng tôi được mạn phép làm công việc này.

Bộ sách này được biên soạn với rất nhiều nỗ lực của các thầy cô, nhưng chắc chắn cũng không tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi mong muốn các nhà trí thức, nhà giáo, hay các bậc cha mẹ vui lòng bỏ qua. Chúng tôi sẵn sàng lắng nghe những phê bình, góp ý của quý vị.

Ban Biên Soạn
Trường Thánh Tôma Thiện

Mục Lục

Bài 1 : Nước Việt Nam 1
Bài 2: Quốc Hiệu..... 13
Bài 3: Họ Hồng Bàng..... 21
Bài 4: Nước Văn Lang 29
Bài 5: Nước Âu Lạc 39
Bài 6: Nhà Triệu..... 49
Bài 7: Trưng Nữ Vương..... 57
Bài 8: Bà Triệu 65
Bài 9: Lý Nam Đế 73
Bài 10: Mai Hắc Đế 87
Bài 11: Bố Cái Đại Vương..... 95
Bài 12: Khúc Thừa Dụ 109
Bài 13: Ngô Quyền 117
Bài 14: Đinh Bộ Lĩnh..... 129
Bài 15: Lê Đại Hành 137
Bài 16: Lý Công Uẩn 147
Bài 17: Lý Thường Kiệt..... 153
Bài 18: Hà Nội – Ngàn Năm Văn Vật 165
Bài 19: Cố Đô Huế..... 175
Bài 20: Sài Gòn – Hòn Ngọc Viễn Đông..... 191

Bài 1 : Nước Việt Nam

Đông Nam:	*Southeast*	**Châu Á:**	*Asia*
Diện tích:	*area*	**Tiểu bang:**	*state*
Quan trọng:	*important*	**Thương cảng:**	*port, harbor*

Nước Việt Nam ở miền Đông Nam châu Á, hình cong như chữ S và diện tích ước khoảng 330.000 km2, với dân số hơn 80 triệu người. Diện tích của nước Việt Nam tương đương 4/5 diện tích của tiểu bang California.

Phía Bắc giáp nước Trung Hoa, phía Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Đông giáp Thái Bình Dương (còn gọi là biển Đông) với hơn 2200 km bờ biển, phía Tây giáp Ai Lao và Cam Bốt.

Nước Việt Nam chia ra làm ba miền: miền Bắc, miền Trung, và miền Nam. Miền Bắc bắt đầu từ ải Nam Quan cho đến hết tỉnh Ninh Bình. Miền Trung bắt đầu từ Thanh Hóa cho đến Bình Thuận.

Miền Nam bắt đầu từ Phước Long đến mũi Cà Mau.

Các thành phố quan trọng của miền Bắc gồm có: Hà Nội, Hải Phòng, và Nam Định. Miền Trung gồm có: Huế, Đà Nẵng, và Nha Trang. Miền Nam gồm có: Sài Gòn, Biên Hòa, và Cần Thơ.

Các thương cảng quan trọng của Việt Nam là Hải Phòng, Đà Nẵng, và Sài Gòn.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Nước Việt Nam nằm về phía nào ở châu Á? Diện tích ước khoảng bao nhiêu km^2?

_____

_____

_____

2. Việt Nam tiếp giáp với những quốc gia và biển nào?

_____

_____

_____

3. Việt Nam được chia làm mấy miền?

_____

_____

_____

4. Hãy kể các thành phố quan trọng của miền Bắc, miền Trung, và miền Nam?

_____

_____

_____

5. Hãy kể các thương cảng quan trọng của Việt Nam?

_____

_____

_____

Sapa ▲

▼ Fansipan: Ngọn núi cao nhất Việt Nam

Vịnh Hạ Long ▼

Chùa Một Cột (Hà Nội) ▼

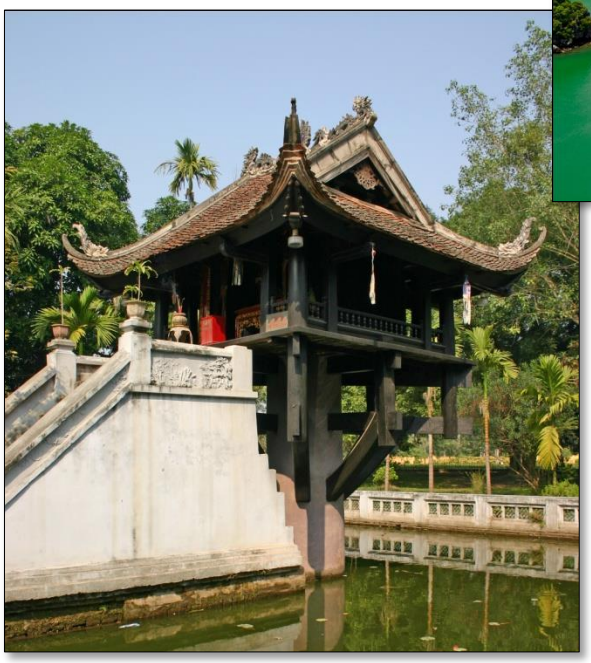

Hồ Hoàn Kiếm (Hà Nội) ►

▲ *Đền Vua Đinh Tiên Hoàng (Ninh Bình)*

Thành Tây Đô (Thanh Hóa): Còn gọi là Thành Nhà Hồ, kinh đô nước Đại Ngu (quốc hiệu Việt Nam thời nhà Hồ). ▼

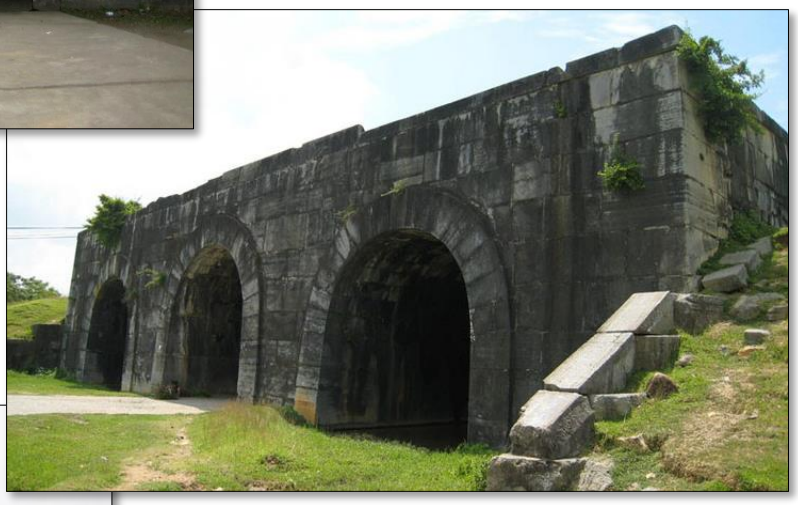

▼ *Đền Vua Quang Trung (Nghệ An)*

Sông Lam, Núi Hồng (Hà Tĩnh): Theo truyền thuyết Kinh Dương Vương đã chọn núi Hồng Lĩnh làm kinh đô. ►

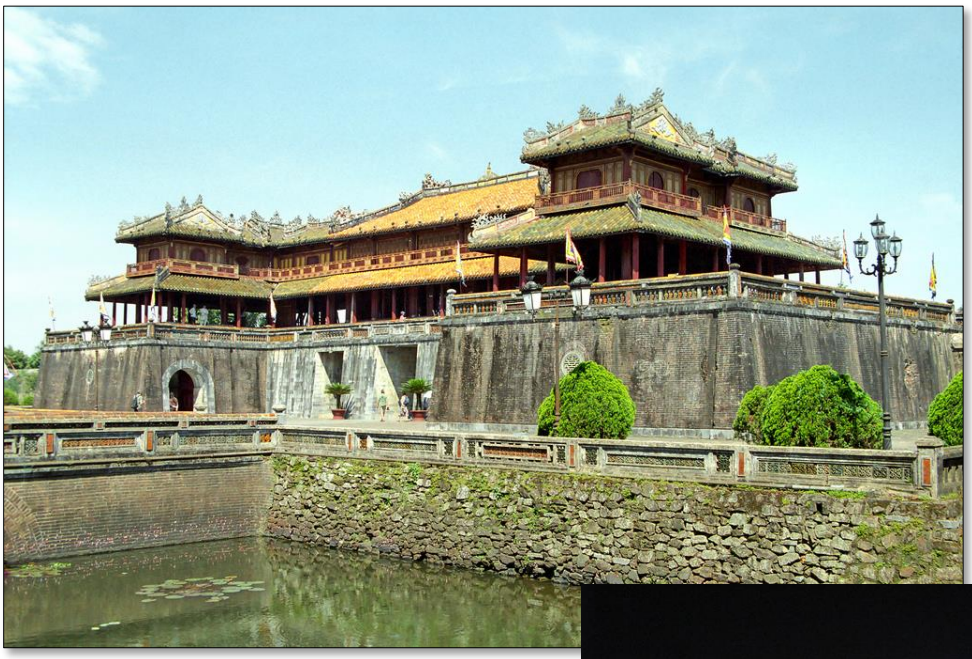

▲ *Cố Đô (Huế)*

Cầu Sông Hàn (Đà Nẵng) ►

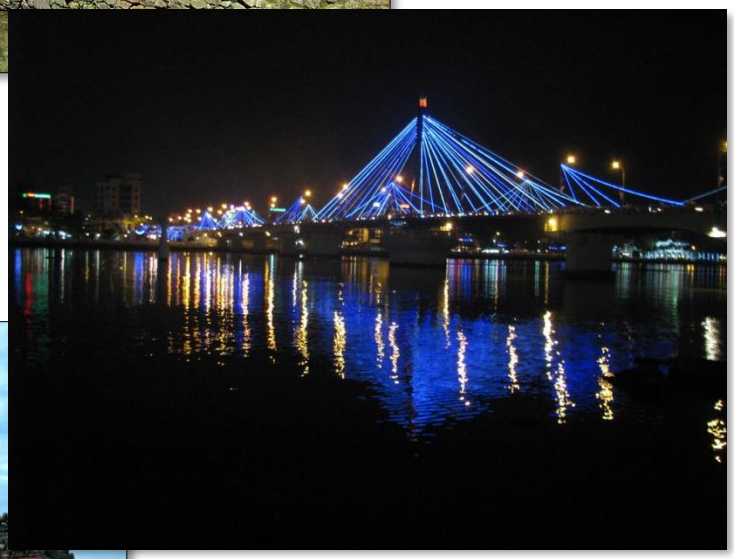

▲ *Cầu Nhật Bản (Hội An)*

Ghềnh Ráng (Quy Nhơn) ►

▲ *Tháp Chàm (Phan Rang)*

Bãi biển Nha Trang ▼

Đồi cát (Phan Thiết) ▼

▼ *Thành Phố Sài Gòn*

Giăng lưới (Cà Mau) ►

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Nước Việt Nam ở miền Đông Nam châu Á, hình cong như chữ S và diện tích ước khoảng 330.000 km2, với **dân số** hơn 80 triệu người. Từ "**dân số**" có nghĩa là:

   - *Số người.*
   - *Số nhà cửa.*
   - *Số xe cộ.*

2. Diện tích của nước Việt Nam **tương đương** 4/5 diện tích của tiểu bang California. Từ "**tương đương**" có nghĩa là:

   - *Gần bằng nhau.*
   - *Lớn hơn.*
   - *Nhỏ hơn.*

3. Phía Bắc **giáp** nước Trung Hoa, phía Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Đông giáp Thái Bình Dương. Từ "**giáp**" có nghĩa là:

   - *Cách xa nhau.*
   - *Đối diện nhau.*
   - *Sát với nhau, cùng một ranh giới.*

4. Nước Việt Nam chia ra làm ba **miền**: miền Bắc, miền Trung, và miền Nam. Từ "**miền**" có nghĩa là:

   - *Thành phố.*
   - *Khu vực lớn có đặc điểm riêng.*
   - *Xóm làng.*

5. Các thành phố **quan trọng** của miền Bắc gồm có: Hà Nội, Hải Phòng, và Nam Định. Từ "**quan trọng**" có nghĩa là:

   - *Lớn, có ảnh hưởng.*
   - *Nhỏ, tầm thường.*
   - *Ở xa.*

6. Các **thương cảng** quan trọng của Việt Nam là Hải Phòng, Đà Nẵng, và Sài Gòn. Từ "**thương cảng**" có nghĩa là:

   - *Bến tàu, nơi tụ họp để buôn bán.*
   - *Bến đò, nơi đón ghe qua sông.*
   - *Trạm xe, nơi đón xe buýt.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Nuoc Viet Nam o mien Dong Nam Chau A, hinh cong nhu chu S.

Phia Bac giap nuoc Trung Hoa, phia Nam giap vinh Thai Lan, phia Dong giap Thai Binh Duong.

Nuoc Viet Nam chia ra lam ba mien: mien Bac, mien Trung va mien Nam.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Miền Bắc bắc đầu thừ ải Nam Quan cho đến hết tĩnh Ninh Bình. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Các thươn càng quan trọng cũa Việt Nam là Hải Phòng, Đà Nẵng, và Sài Gòn. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tập Làm Văn – Ở Đâu?

Để câu văn được rõ ràng và mạch lạc hơn người ta thường thêm vào đó những chi tiết về nơi chốn bằng cách đặt các câu hỏi như:

Ở đâu? *Tại đâu*? *Nơi nào*? *Chỗ nào*? ...

Thí dụ:

Mẹ chở Mai và Tú đi mượn sách.

Câu trên đã đầy đủ ý nhưng muốn nó rõ ràng hơn với những chi tiết về nơi chốn chúng ta đặt câu hỏi như sau:

Mẹ chở Mai và Tú đi mượn sách ở đâu? ở thư viện

Ráp lại, chúng ta sẽ có câu như sau:

Mẹ chở Mai và Tú đi mượn sách *ở thư viện*.

Bảng Từ

ở siêu thị *(at the supermarket)*	**ở thư viện** *(at the library)*
ở rạp phim *(at the movie theater)*	**ở bưu điện** *(at the post office)*
ở công viên *(at the park)*	**ở bệnh viện** *(at the hospital)*
ở quán ăn *(at the restaurant)*	**ở tiệm sách** *(at the bookstore)*
ở sở thú *(at the zoo)*	**ở văn phòng bác sĩ** *(at the doctor's office)*
ở phi trường *(at the airport)*	**ở bãi đậu xe** *(at the parking lot)*
ở thương xá *(at the mall)*	**ở sân vận động** *(at the stadium)*
ở nhà thờ *(at church)*	**ở trường học** *(at school)*
ở nhà *(at home)*	**ở phòng ngủ** *(in the bedroom)*
ở phòng khách *(in the living room)*	**ở phòng bếp** *(in the kitchen)*
ở phòng ăn *(in the diningroom)*	**ở phòng vệ sinh** *(in the restroom)*

Muốn thêm chi tiết về nơi chốn chúng ta phải chú ý đến các giới từ như:

Ở, trên, dưới, trong, ngoài, cạnh, trước, sau, tại, v.v..

Thí dụ:

Bố thích uống trà và đọc báo.

Chúng ta tự hỏi:

Bố thích uống trà và đọc báo ở đâu?

Chúng ta có thể trả lời câu hỏi trên như sau (chú ý tới những giới từ):

ở	***ở*** *công ty*	***cạnh***	***cạnh*** *hồ cá*
trên	***trên*** *lầu*	***trước***	***trước*** *nhà*
dưới	***dưới*** *bếp*	***sau***	***sau*** *vườn*
trong	***trong*** *phòng khách*	***tại***	***tại*** *phi trường*
ngoài	***ngoài*** *sân*	**...**	...

Trong trường hợp này chúng ta chọn: "***trong*** *phòng khách*".

Ráp lại chúng ta sẽ có câu như sau:

Bố thích uống trà và đọc báo ***trong*** *phòng khách***.**

Chúng ta có thể dùng giới từ "***ở***" chung với các giới từ chỉ nơi trốn như: ***ở*** *trên*, ***ở*** *dưới,* ***ở*** *trong*, ***ở*** *ngoài*, ***ở*** *cạnh,* ***ở*** *trước,* ***ở*** *sau*, ***ở*** *tại*, *v.v..*

Bài Tập – Tập Làm Văn (Ở Đâu?)

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn vào những câu sau.)

1. Vào lúc năm giờ sáng mỗi ngày, bố mẹ Hòa thức dậy để chạy bộ.

_____

_____

_____

2. Tôi đứng nhìn bầy trẻ tung tăng nô đùa.

_____

_____

_____

3. Chúng tôi ngồi nghe bà kể chuyện cổ tích.

_____

_____

_____

4. Thỏ chạy thi với rùa.

_____

_____

_____

5. Tôi ngồi im lắng nghe tiếng gió thổi vi vu.

_____

_____

_____

Bài 2: Quốc Hiệu

Tranh đấu:	*struggle, fighting*	**Đô hộ:**	*rule, conquer*
Độc lập:	*independent*	**Thời đại:**	*era*
Chủng tộc:	*race*	**Cơ nghiệp:**	*empire*

Sau một thời gian dài tranh đấu liên tục từ thời Hai Bà Trưng để thoát khỏi sự đô hộ của Trung Hoa, nước ta chính thức độc lập khi Ngô Quyền đánh đuổi quân Nam Hán năm 938. Tuy nhiên, quốc hiệu của nước ta chưa được đặt cho đến khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua năm 968. Sau đây là quốc hiệu của nước ta trải qua các thời đại:

Quốc Hiệu	Năm	Người Đặt
Đại Cồ Việt	968	Đinh Tiên Hoàng
Đại Việt	1054	Lý Thánh Tông
Đại Ngu	1400	Hồ Quý Ly
Đại Việt	1428	Lê Thái Tổ
Việt Nam	1804	Gia Long
Đại Nam	1838	Minh Mạng
Việt Nam	1945	Bảo Đại

Đại Cồ Việt: Quốc hiệu này là một danh từ ghép. ***Đại*** có nghĩa là lớn; **Cồ** có nghĩa là một loại chim ưng lớn mắt sáng; ***Việt*** là từ ngữ để chỉ chủng tộc Việt trong nhóm Bách Việt. ***Đại Cồ Việt*** có thể hiểu một cách đơn giản là "*nước Việt có chim ưng lớn mắt sáng*" hay "*nước Việt lớn có loại chim ưng mắt sáng*".

Đại Việt: ***Đại*** có nghĩa là lớn. ***Đại Việt*** có nghĩa là nước Việt lớn.

Đại Ngu: ***Đại*** là lớn**.** ***Ngu*** là tên một triều đại xưa của Trung Hoa. Dưới thời nhà Ngu, nước Trung Hoa rất thịnh vượng. Có lẽ Hồ Quý Ly có ý muốn nước ta được thịnh trị như Trung Hoa dưới thời nhà Ngu khi xưa nên đặt tên nước ta là ***Đại Ngu***.

Việt Nam: ***Nam*** là An Nam, tên của vua Tống (Trung Hoa) đặt cho nước ta khi xưa. ***Việt*** là Việt Thường. Hùng Vương, con của Lạc Long Quân và bà Âu Cơ, khi xưa chia nước Văn Lang ra thành 15 bộ. Việt Thường là tên của một bộ trong 15 bộ này.

Đại Nam: ***Đại*** là lớn. ***Nam*** là vì Chúa Nguyễn khi xưa dựng nên cơ nghiệp ở phía Nam. Đại Nam đơn giản có nghĩa là nước Việt lớn ở phía Nam.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Nước ta chính thức độc lập khi nào?

_____

_____

_____

2. Đại Cồ Việt có nghĩa là gì?

_____

_____

_____

3. Ai đã đặt quốc hiệu Đại Cồ Việt cho nước ta?

_____

_____

_____

4. Nước Văn Lang được chia ra thành bao nhiêu bộ?

_____

_____

_____

5. Quốc hiệu Việt Nam được đặt ra vào những năm nào?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Sau một thời gian dài tranh đấu **liên tục** từ thời Hai Bà Trưng để thoát khỏi sự đô hộ của Trung Hoa... Từ "**liên tục**" có nghĩa là:

   - *Bị gián đoạn.*
   - *Không bị gián đoạn.*
   - *Mạnh mẽ.*

2. ...nước ta chính thức **độc lập** khi Ngô Quyền đánh đuổi quân Nam Hán năm 938. Từ "**độc lập**" có nghĩa là:

   - *Bị đô hộ.*
   - *Bị tiêu diệt.*
   - *Tự mình làm chủ.*

3. Tuy nhiên, **quốc hiệu** của nước ta chưa được đặt cho đến khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua năm 968. Từ "**quốc hiệu**" có nghĩa là:

   - *Tên của một người.*
   - *Tên của một nước.*
   - *Tên của một tỉnh.*

4. Dưới thời nhà Ngu, nước Trung Hoa rất **thịnh vượng**. Từ "**thịnh vượng**" có nghĩa là:

   - *Đông người.*
   - *Giàu có.*
   - *Nghèo đói.*

5. ...Chúa Nguyễn khi xưa dựng nên **cơ nghiệp** ở phía Nam. Từ "**cơ nghiệp**" có nghĩa là:

   - *Cung đình nguy nga.*
   - *Quân đội mạnh mẽ.*
   - *Sự nghiệp to lớn, lâu dài.*

6. Đại Nam **đơn giản** có nghĩa là nước Việt lớn ở phía Nam. Từ "**đơn giản**" có nghĩa là:

   - *Dễ quên.*
   - *Không rắc rối, dễ hiểu.*
   - *Rắc rối, khó hiểu.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Nuoc ta chinh thuc doc lap khi Ngo Quyen danh duoi quan Nam Han nam 938.

Quoc hieu cua nuoc ta chua duoc dat cho den khi Dinh Bo Linh len ngoi vua nam 968.

Hung Vuong, con cua Lac Long Quan va ba Au Co, khi xua chia nuoc Van Lang ra thanh 15 bo.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Đại Cồ Việt có thể hiểu một các đơn giãn là "nước Việt có chim ưng lớn, mắt sáng" hai "nước Việt lớn có loại chim ưng mắt sáng". (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Việt Thường là tên cũa một bộ chong 15 bộ nài. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tập Làm Văn – Khi Nào?

Để giúp cho người đọc hiểu rõ hơn, ngoài chi tiết về nơi chốn, người ta còn thêm chi tiết về thời gian bằng cách đặt các câu hỏi như:

Khi nào? *Lúc nào*? *Hồi nào*? ...

Thí dụ:

Mẹ mua thức ăn và quà bánh cho cả nhà.

Để cho câu này rõ ý hơn chúng ta đặt những câu hỏi về thời gian như sau:

Mẹ mua thức ăn và quà bánh cho cả nhà khi nào? mỗi sáng Thứ Bảy

Ráp lại, ta sẽ có câu như sau:

Mỗi sáng Thứ Bảy, mẹ mua thức ăn và quà bánh cho cả nhà.

Bảng Từ

Chúa Nhật *(Sunday)*	**Thứ Hai** *(Monday)*
Thứ Ba *(Tuesday)*	**Thứ Tư** *(Wednesday)*
Thứ Năm *(Thursday)*	**Thứ Sáu** *(Friday)*
Thứ Bảy *(Saturday)*	**mỗi ngày** *(every day)*
mỗi tuần *(every week)*	**mỗi tháng** *(every month)*
mỗi năm *(every year)*	**buổi sáng** *(morning)*
buổi trưa *(noon)*	**buổi chiều** *(afternoon, evening)*
buổi tối *(night)*	**hôm qua** *(yesterday)*
hôm nay *(today)*	**ngày mai** *(tomorrow)*

Muốn thêm chi tiết về thời gian chúng ta phải chú ý đến các giới từ chỉ thời gian như:

Khi, lúc, hồi, vào, từ khi, trước khi, sau khi, đến khi, v.v..

Thí dụ:

Ông thích uống trà.

Chúng ta tự hỏi:

Ông thích uống trà khi nào?

Chúng ta có thể trả lời câu hỏi trên như sau (chú ý tới những giới từ):

khi	***khi*** *đọc báo*	***từ khi***	***từ khi*** *về hưu*
lúc	***lúc*** *trước*	***trước khi***	***trước khi*** *đi ngủ*
hồi	***hồi*** *xưa*	***sau khi***	***sau khi*** *ăn xong*
vào	***vào*** *buổi sáng*	***tới khi***	***tới khi*** *tan tiệc*

Trong trường hợp này chúng ta chọn: "***vào*** *buổi sáng*".

Ráp lại chúng ta sẽ có câu như sau:

Ông thích uống trà ***vào*** *buổi sáng*.

Bài Tập – Tập Làm Văn (Khi Nào?)

(Cho các em thêm chi tiết về thời gian vào những câu sau.)

1. Bé Mai khóc đòi theo mẹ đi chợ.

_____

_____

_____

2. Các bạn học cười nói vui vẻ ngoài sân.

_____

_____

_____

3. Anh Tâm chở mẹ ra phi trường để về Việt Nam.

_____

_____

_____

4. Anh Hùng ăn điểm tâm.

_____

_____

_____

5. Gia đình tôi về quê thăm bà nội.

_____

_____

_____

Bài 3: Họ Hồng Bàng

Tục truyền:	*oral tradition*	**Tuần thú:**	*travel the country to determine the needs*
Nối ngôi:	*succeed to the throne*	**Con trưởng:**	*first-born*
Quốc hiệu:	*nation's name*	**Dòng dõi:**	*descendant*

Lạc Long Quân

Cứ theo tục truyền thì vua Đế Minh là cháu ba đời của vua Thần Nông, đi tuần thú phương Nam đến núi Ngũ Lĩnh (thuộc tỉnh Hồ Nam bây giờ) gặp một nàng tiên, lấy nhau, sinh ra người con tên là Lộc Tục. Sau Đế Minh truyền ngôi lại cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc, và phong cho Lộc Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương, quốc hiệu là Xích Quỷ. Bờ cõi nước Xích Quỷ bấy giờ phía bắc giáp Động Đình Hồ (Hồ Nam), phía nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía tây giáp Ba Thục (Tứ Xuyên), phía đông giáp bể Nam Hải. Kinh Dương Vương làm vua nước Xích Quỷ vào quãng năm 2879 trước Công Nguyên và lấy con gái Động Đình Quân là Long Nữ sanh ra Sùng Lãm, nối ngôi làm vua, xưng là Lạc Long Quân.

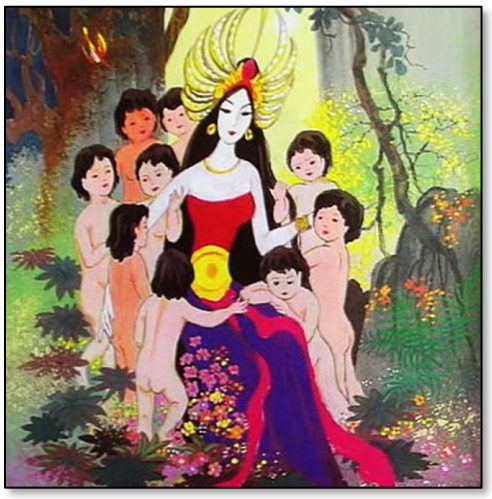

Âu Cơ

Lạc Long Quân lấy con gái vua Đế Lai tên là Âu Cơ, sanh một lần được một trăm người con trai. Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng: "*Ta là dòng dõi Long Quân, nàng là dòng dõi thần tiên, ăn ở lâu với nhau không được; nay được trăm con thì nàng đem 50 đứa lên núi, còn 50 đứa ta đem xuống bể Nam Hải.*"

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vua Đế Minh có quan hệ gì với vua Thần Nông?

_____

_____

_____

2. Lộc Tục được phong làm vua, lấy danh hiệu là gì và đặt quốc hiệu là gì?

_____

_____

_____

3. Lạc Long Quân tên thật là gì và là con của ai?

_____

_____

_____

4. Lạc Long Quân lấy ai làm vợ?

_____

_____

_____

5. Vì sao vợ chồng Lạc Long Quân chia tay?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Cứ theo **tục truyền** thì vua Đế Minh là cháu ba đời của vua Thần Nông... Từ "**tục truyền**" có nghĩa là:

   - *Bịa đặt ra.*
   - *Theo dân gian kể lại.*
   - *Theo sách lịch sử kể lại.*

2. ...vua Đế Minh là cháu ba đời của vua Thần Nông, đi **tuần thú** phương Nam đến núi Ngũ Lĩnh gặp một nàng tiên... Từ "**tuần thú**" có nghĩa là:

   - *Đi các nơi để kiếm tiền.*
   - *Đi các nơi để xem xét tình hình.*
   - *Đi các nơi để vui chơi.*

3. Sau Đế Minh truyền ngôi lại cho **con trưởng** là Đế Nghi làm vua phương Bắc... Từ "**con trưởng**" có nghĩa là:

   - *Con đầu lòng.*
   - *Con thứ hai.*
   - *Con út.*

4. ...**phong** cho Lộc Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương... Từ "**phong**" có nghĩa là:

   - *Được ban cho.*
   - *Giáng xuống làm dân.*
   - *Thưởng quà vì giỏi.*

5. ...Lộc Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương, **quốc hiệu** là Xích Quỷ. Từ "**quốc hiệu**" có nghĩa là:

   - *Tên của một người.*
   - *Tên của một nước, quốc gia.*
   - *Tên của một thành phố.*

6. Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng: "Ta là **dòng dõi** Long Quân, nàng là dòng dõi thần tiên..." Từ "**dòng dõi**" có nghĩa là:

   - *Anh em.*
   - *Bạn bè.*
   - *Con cháu.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Vua De Minh di tuan thu phuong Nam den nui Ngu Linh gap mot nang tien, lay nhau, sinh ra nguoi con ten la Loc Tuc.

Kinh Duong Vuong lay con gai Dong Dinh Quan la Long Nu sanh ra Sung Lam, noi ngoi lam vua, xung la Lac Long Quan.

Lac Long Quan lay con gai vua De Lai ten la Au Co, sanh mot lan duoc mot tram nguoi con trai.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Đế Minh phong cho Lộc Tục làm vua phươn Năm, sưng là Kinh Dương Vương. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Ta là dòng dỏi Long Quân, nàng là dòng dõi thần tiêng, ăn ở lâu với nhau không đượt. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tập Làm Văn – Tại Sao?

Để người đọc dễ hiểu hơn người ta thường thêm vào câu văn những chi tiết về lý do bằng cách đặt câu hỏi như:

Tại sao? *Vì sao*? *Để làm gì*? ...

Thí dụ:

Mỗi sáng Thứ Bảy mẹ mua thức ăn và quà bánh cho cả nhà. Mẹ cất thức ăn vào tủ lạnh.

Bây giờ chúng ta thử đặt câu hỏi:

Tại sao mẹ lại đi chợ mỗi sáng Thứ Bảy? vì hằng ngày mẹ phải đi làm

Mẹ cất thức ăn vào tủ lạnh để làm gì? để chúng tươi và ngon hơn

Ráp lại, ta sẽ có câu như sau:

Vì hằng ngày mẹ phải đi làm cho nên mỗi sáng Thứ Bảy mẹ mua thức ăn và quà bánh cho cả nhà. Mẹ cất thức ăn vào tủ lạnh *để chúng tươi và ngon hơn*.

Khi tìm hoặc thêm chi tiết về lý do chúng ta phải chú ý đến các giới từ chỉ lý do như:

Vì, tại vì, để, để cho, vì ... cho nên ..., v.v..

Thí dụ:

Chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi.

Chúng ta tự hỏi:

Vì sao chị Nga chăm học? vì muốn bố mẹ được vui

Dùng câu trả lời trên, chúng ta có thể viết những câu như sau:

Chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi ***vì*** *muốn bố mẹ được vui*.

Chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi ***tại vì*** *muốn bố mẹ được vui*.

Chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi ***để*** *bố mẹ được vui*.

Chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi ***để cho*** *bố mẹ được vui*.

Vì *muốn bố mẹ được vui* ***cho nên*** chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi.

Chúng ta có thể thay đổi vị trí của câu trả lời trong một số câu như sau:

Vì *muốn bố mẹ được vui*, chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi.

Tại vì *muốn bố mẹ được vui*, chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi.

Để *bố mẹ được vui*, chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi.

Để cho *bố mẹ được vui*, chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi.

Bài Tập – Tập Làm Văn (Tại Sao?)

(Cho các em thêm chi tiết về lý do vào những câu sau.)

1. Hương đi ngủ sớm.

_____

_____

_____

2. Ông nội của Sơn tuy già nhưng vẫn còn khỏe mạnh.

_____

_____

_____

3. Bác Hòa xin vào làm ở bưu điện Grand Prairie.

_____

_____

_____

4. Bà ngoại của Khang trông già yếu đi rất nhiều.

_____

_____

_____

5. Em thích nhất mùa hè.

_____

_____

_____

Bài 4: Nước Văn Lang

Phong:	*confer, bestow*	**Đóng đô:**	*set up the capital at*
Quyền chính trị:	*political power*	**Cống:**	*pay tribute*
Thông ngôn:	*translator*	**Sứ:**	*ambassador*

Lạc Long Quân phong cho người con trưởng làm vua nước Văn Lang, xưng là Hùng Vương. Hùng Vương đóng đô ở Phong Châu (bây giờ ở vào địa hạt huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên), đặt tướng văn gọi là Lạc Hầu, tướng võ gọi là Lạc Tướng, con trai vua gọi là Quan Lang, con gái vua gọi là Mỵ Nương, các quan nhỏ gọi là Bồ Chính. Quyền chính trị thì cứ cha truyền con nối, gọi là phụ đạo.

Về đời bấy giờ, sử Tàu có chép rằng năm 1109 trước Công Nguyên, đời vua Thành Vương nhà Chu, có nước Việt Thường, ở phía nam xứ Giao Chỉ sai sứ đem chim bạch trĩ sang cống. Nhà Chu phải tìm người làm thông ngôn mới hiểu được tiếng, và ông Chu Công Đán lại chế ra xe chỉ nam để đem sứ Việt Thường về nước. Có lẽ đất Việt Thường và đất Giao Chỉ là đất của Hùng Vương lúc bấy giờ.

Họ Hồng Bàng làm vua được 18 đời, đến năm 158 trước Công Nguyên thì bị nhà Thục lấy mất nước.

18 Đời Vua Hùng Vương
Kinh Dương Vương
(Lục Dục Vương)
Lạc Long Quân
(Hùng Hiền Vương)
Hùng Lân
(Hùng Quốc Vương)
Hùng Việt Vương
Hùng Hi Vương
Hùng Huy Vương
Hùng Chiêu Vương
Hùng Vị Vương
Hùng Định Vương
Hùng Uy Vương
Hùng Trịnh Vương
Hùng Vũ Vương
Hùng Việt Vương
Hùng Anh Vương
Hùng Triều Vương
Hùng Tạo Vương
Hùng Nghị Vương
Hùng Duệ Vương[1]

Giỗ Tổ Hùng Vương

[1] Có nơi chép Hùng Vương 18 là Hùng Tuấn Vương hiện nay còn ở làng Cổ Tích, phủ Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (Bắc phần).

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Lạc Long Quân nhường ngôi lại cho ai?

_____

_____

_____

2. Vua Hùng Vương đóng đô ở đâu?

_____

_____

_____

3. Con trai vua gọi là gì?

_____

_____

_____

4. Con gái vua gọi là gì?

_____

_____

_____

5. Có bao nhiêu đời Hùng Vương?

_____

_____

_____

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng Ba

▲ *Đền Hùng Vương (Sài Gòn)*

Tượng Vua Hùng (Suối Tiên). ▲

Lăng Vua Hùng (Việt Trì, Phú Thọ): ► *Tương truyền là mộ của Vua Hùng Vương thứ 6. Sau khi Thánh Gióng đánh giặc Ân, bay lên trời, Vua Hùng đã hóa ở đây.*

Lễ Hội Đền Hùng (Sài Gòn). ►

▼ *Gói bánh*

Giã gạo ▲

▲ *Lễ phẩm: bánh dày, bánh chưng*

◄ *Đánh trống đồng*

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Hùng Vương **đóng đô** ở Phong Châu... Từ "**đóng đô**" có nghĩa là:
   - *Chọn đặt nơi điều khiển một nước.*
   - *Chọn đặt nơi khiêu chiến.*
   - *Chọn đặt nơi xây cất.*

2. **Quyền chính trị** thì cứ cha truyền con nối, gọi là phụ đạo. Từ "**quyền chính trị**" có nghĩa là:
   - *Quyền điều khiển một nước.*
   - *Quyền điều khiển một thành phố.*
   - *Quyền điều khiển một xóm làng.*

3. ...Giao Chỉ sai **sứ** đem chim bạch trĩ sang cống... Từ "**sứ**" có nghĩa là:
   - *Người bị đày đi nước khác.*
   - *Người đi đánh nước khác.*
   - *Người đi giao tiếp với nước khác.*

4. ...Giao Chỉ sai sứ đem chim bạch trĩ sang **cống**... Từ "**cống**" có nghĩa là:
   - *Dâng nộp lễ vật cho nước khác.*
   - *Nhận lễ vật của nước khác.*
   - *Xin viện trợ từ nước khác.*

5. ...nhà Chu phải tìm người làm **thông ngôn** mới hiểu được tiếng. Từ "**thông ngôn**" có nghĩa là:
   - *Dịch tiếng nước khác.*
   - *Học tiếng nước khác.*
   - *Nói tiếng nước khác.*

6. ...ông Chu Công Đán lại **chế** ra xe chỉ nam để đem sứ Việt Thường về nước. Từ "**chế**" có nghĩa là:
   - *Làm ra, tạo ra cái mới.*
   - *Sửa lại cái cũ.*
   - *Vất cái cũ đi.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Lac Long Quan phong cho nguoi con truong lam vua nuoc Van Lang, xung la Hung Vuong.

Co le dat Viet Thuong va dat Giao Chi la dat cua Hung Vuong luc bay gio.

Ho Hong Bang lam vua duoc 18 doi, den nam 158 truoc Cong Nguyen thi bi nha Thuc lay mat nuoc.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Hùng Vương đón đô ỡ Phong Châu, đặt tướng vănh gọi là Lạc Hầu, tướng võ gọi là Lạc Tướng. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Quyền chính trị thì cữ tra truyền con nối, gợi là phụ đạo. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tập Làm Văn – Ở Đâu? Khi Nào? Tại Sao?

Để có một câu văn hay và đầy đủ ý nghĩa hơn, người ta thường thêm những chi tiết về nơi chốn, thời gian và lý do. Vậy khi muốn viết một câu văn có đầy đủ những chi tiết về nơi chốn, thời gian, và lý do trước tiên chúng ta nên đặt các câu hỏi như: "*Ở đâu?*", "*Khi nào?*" và "*Tại sao?*" Rồi sau đó dùng những câu trả lời, chúng ta ráp lại thành một câu văn đầy đủ ý nghĩa và hay hơn.

Thí dụ:

Mẹ hứa sẽ chở Linh đi coi voi.

Chúng ta tự hỏi:

Mẹ hứa sẽ chở Linh đi coi voi ở đâu?	ở sở thú
Sở thú ở tại đâu?	tại Dallas
Mẹ hứa sẽ chở Linh đi coi voi khi nào?	Thứ Bảy tuần tới
Lúc nào trong ngày Thứ Bảy?	sáng
Vì sao mẹ lại hứa sẽ chở Linh đi coi voi?	vì Linh ngoan

Bây giờ chúng ta ráp tất cả các câu trả lời trên thành câu:

Vì *Linh ngoan* ***nên*** mẹ hứa sẽ chở Linh đi coi voi ***ở*** *sở thú* ***tại*** *Dallas* ***vào*** *sáng Thứ Bảy tuần tới*.

Bài Tập – Tập Làm Văn (Ở Đâu? Khi Nào? Tại Sao?)

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn, thời gian và lý do vào những câu sau.)

1. Mẹ đi chợ mua cặp bánh chưng.

_____

_____

_____

2. Gia đình Tân đi tắm biển.

_____

_____

_____

3. Thái đang tập lái xe.

_____

_____

_____

4. Anh Hải và bé Huy mua một bó hoa hồng để tặng mẹ.

_____

_____

_____

5. Bố mua cho bé Nam một chiếc máy bay bằng nhựa.

_____

_____

_____

Cơ cấu tổ chức thời Hùng Vương ►

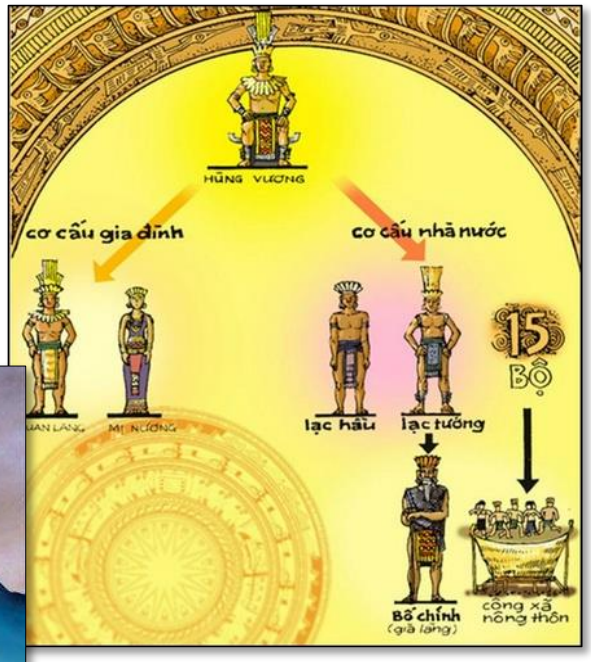

▼ Vua Hùng Vương và lạc hầu, lạc tướng

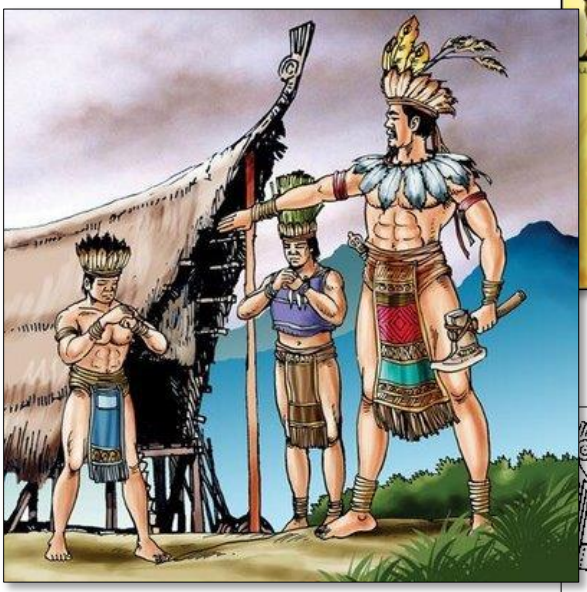

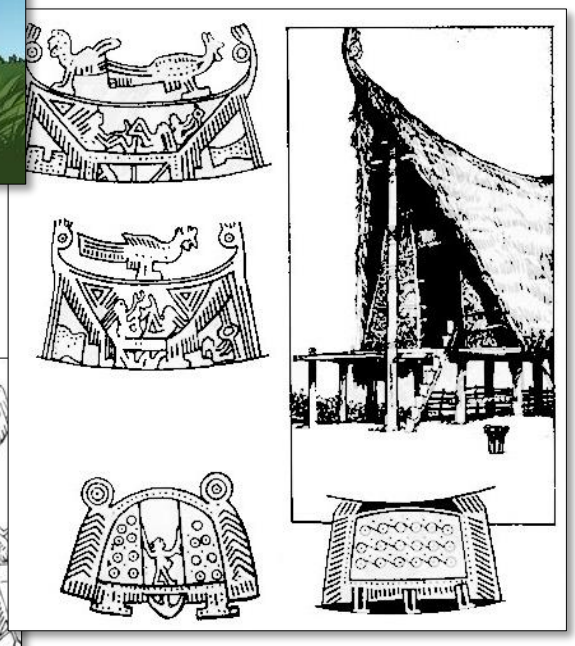

Nhà cửa thời Văn Lang ▲

◄ Trang phục nam nữ thời Văn Lang

Bài 5: Nước Âu Lạc

Tức giận:	*angry*	**Báo thù:**	*revenge*
Binh cường tướng dũng:	*strong army, brave general*	**Tự tử:**	*suicide*
Cải:	*change*	**Dấu tích:**	*remains, vestige*

Sử chép rằng Thục Vương hỏi con gái của Hùng Vương thứ 18, là Mỵ Nương không được, trong bụng lấy làm tức giận, dặn con cháu ngày sau đánh báo thù lấy nước Văn Lang. Hùng Vương bấy giờ cậy mình có binh cường tướng dũng, bỏ trễ việc nước, chỉ lấy rượu chè làm vui thú. Người cháu Thục Vương tên là Phán, biết tình thế ấy, mới đem quân sang đánh lấy nước Văn Lang. Hùng Vương thua chạy, nhảy xuống giếng mà tự tử.

An Dương Vương chém yêu tinh gà trắng.

Năm 275 trước Công Nguyên, Thục Phán dẹp yên mọi nơi rồi, xưng là An Dương Vương, cải quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (nay thuộc huyện Đông Anh, tỉnh Phúc An). Hai năm sau là năm 255 trước Công Nguyên, An Dương Vương xây Loa Thành. Thành ấy cao và từ ngoài vào thì xoáy trôn ốc, cho nên mới gọi là Loa Thành. Hiện nay còn dấu tích ở làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc An.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vì sao Thục Vương lại căm hận Hùng Vương?

_____

_____

_____

2. Tại sao Hùng Vương lại mất nước?

_____

_____

_____

3. Thục Phán lên ngôi, xưng hiệu là gì và lấy quốc hiệu là gì?

_____

_____

_____

4. Sau khi lên ngôi, Thục Phán đóng đô ở đâu?

_____

_____

_____

5. Ai đã xây Loa Thành? Vì sao thành ấy được gọi là Loa Thành?

_____

_____

_____

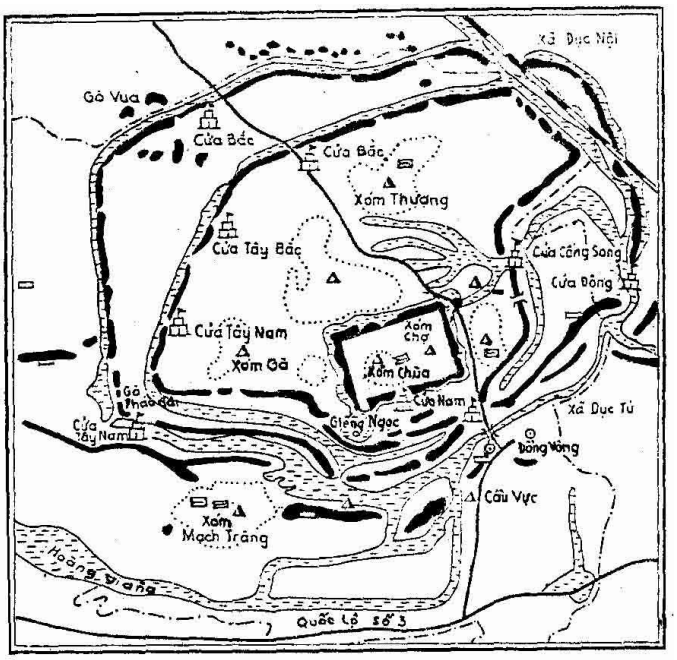

◄ ***Thành Cổ Loa:*** *Thành được xây dựng kiểu vòng ốc (nên gọi là Loa thành) tương truyền có tới 9 vòng, dưới thành ngoài là hào sâu ngập nước thuyền bè đi lại được. Ngày nay ở Cổ Loa còn lại 3 vòng thành đất: thành ngoài (chu vi 8km), thành giữa (hình đa giác, chu vi 6,5km) và thành trong (hình chữ nhật, chu vi 1,6km).*

Cổng tam quan Loa Thành ▼

▼ Đình làng Loa Thành

◄ ***Mái ngói đình làng***

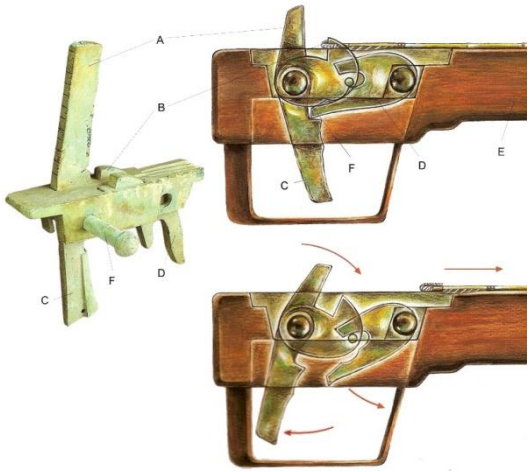

◄ *Lẫy nỏ Cổ Loa* ▲

Mũi tên đồng Cổ Loa ▼

▲ *Trống đồng Cổ Loa*

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Sử chép rằng Thục Vương hỏi con gái của Hùng Vương thứ 18, là Mỵ Nương không được, trong bụng lấy làm tức giận, dặn con cháu ngày sau đánh **báo thù** lấy nước Văn Lang... Từ "**báo thù**" có nghĩa là:

   - *Làm bạn với kẻ lạ.*
   - *Trả ơn kẻ đã giúp mình.*
   - *Trừng trị kẻ đã hại mình.*

2. Hùng Vương bấy giờ **cậy** mình có binh cường tướng dũng, bỏ trễ việc nước... Từ "**cậy**" có nghĩa là:

   - *Không lo lắng.*
   - *Sợ sệt.*
   - *Ỷ vào thế mạnh.*

3. Hùng Vương bấy giờ cậy mình có binh cường tướng dũng, **bỏ trễ** việc nước... Từ "**bỏ trễ**" có nghĩa là:

   - *Biếng nhác, không chịu lo công việc.*
   - *Chăm chỉ.*
   - *Hoàn tất mọi việc.*

4. Hùng Vương thua chạy, nhảy xuống giếng mà **tự tử**. Từ "**tự tử**" có nghĩa là:

   - *Bị người khác bắt.*
   - *Bị người khác giết.*
   - *Tự giết mình.*

5. Năm 275 trước Công Nguyên, Thục Phán **dẹp yên** mọi nơi rồi, xưng là An Dương Vương. Từ "**dẹp yên**" có nghĩa là:

   - *Bị thua không đánh trả được.*
   - *Đánh thắng, đem lại sự ổn định.*
   - *Rút quân về không đánh nữa.*

6. Hiện nay còn **dấu tích** ở làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc An. Từ "**dấu tích**" có nghĩa là:

   - *Cất đi ở một chỗ kín đáo.*
   - *Ghi chép lại cho đời sau.*
   - *Vết cũ còn lại từ xưa.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Hung Vuong bay gio cay minh co binh cuong tuong dung, bo tre viec nuoc, chi lay ruou che lam vui thu.

Nam 275 truoc Cong Nguyen, Thuc Phan dep yen moi noi roi, xung la An Duong Vuong, cai quoc hieu la Au Lac, dong do o Phong Khe.

Thanh ay cao va tu ngoai vao thi xoay tron oc, cho nen moi goi la Loa Thanh.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Người cháu Thục Vương tênh là Phán, biết tình thế ấy, mời đem quân sang đánh lấi nước Văn Lang. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Hùng Vương thua trạy, nhãy xuống giến mà tự tử. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Văn Phạm – Chủ Ngữ, Vị Ngữ

Một câu hoàn chỉnh phải có ít nhất hai thành phần: *chủ ngữ* và *vị ngữ*.

Chủ Ngữ

Chủ ngữ là danh từ hoặc nhóm danh từ biểu thị đối tượng được nói đến trong câu. Để tìm kiếm chủ ngữ của câu, chúng ta có thể tự đặt các câu hỏi: *Câu này nói về ai? ...cái gì? ...con gì? ...sự gì?, v.v..*

Thí dụ:

Hòa chơi bóng rổ.	***Ai?***	Hòa
Con thuyền đậu bên bờ sông.	***Cái gì?***	con thuyền
Chim đại bàng bay lượn trên trời.	***Con gì?***	chim đại bàng
Đức kiên nhẫn là một đức tính tốt.	***Sự gì?***	đức kiên nhẫn

Những danh từ *Hòa*, *con thuyền*, *chim đại bàng*, và *đức kiên nhẫn* là chủ ngữ của những câu trên. Như đã nói trên, chủ ngữ cũng có thể là một nhóm danh từ.

Thí dụ:

Các em học sinh lớp bảy chơi bóng rổ.	***Ai?***	các em học sinh lớp bảy
Con thuyền mang tên Yết Kiêu đậu bên bờ sông.	***Cái gì?***	con thuyền mang tên Yết Kiêu

Những nhóm danh từ "*các em học sinh lớp bảy*" và "*con thuyền mang tên Yết Kiêu*" là chủ ngữ của những câu trên.

Vị Ngữ

Vị ngữ là nhóm từ trong một câu nói rõ về hoạt động, tính chất, trạng thái của chủ ngữ. Để tìm vị ngữ trong câu, chúng ta có thể đặt các câu hỏi: *...làm gì? ...như thế nào? v.v..*

Thí dụ:

Hòa *chơi bóng rổ*.	***Hòa làm gì?***	chơi bóng rổ
Bình *rất giỏi tiếng Việt*.	***Bình như thế nào?***	rất giỏi tiếng Việt

Nhóm từ "*chơi bóng rổ*" và "*rất giỏi môn toán*" là vị ngữ nói rõ về chủ ngữ *Hòa* và *Bình*. **Lưu ý:** Trong tiếng Việt, một câu hoàn chỉnh không nhất thiết phải có động từ. Tĩnh từ hoặc nhóm tĩnh từ có thể thay thế động từ hay nhóm động từ để nói về tính chất của chủ ngữ.

Bài Tập – Văn Phạm (Chủ Ngữ, Vị Ngữ)

(Giúp các em tìm chủ ngữ và vị ngữ trong những câu sau.)

1. Chiếc thuyền nhỏ đang bập bềnh trên sóng nước.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

2. Em tôi có gương mặt trái xoan thật xinh xắn.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

3. Trinh cố gắng nói tiếng Việt ở nhà.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

4. Con chó ngoạm cục xương và nhai ngồm ngoàm.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

5. Bác Hai trố đôi mắt nhìn đoàn con vui đùa.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

Bài 6: Nhà Triệu

Sáp nhập:	*merge, integrate*	**Trị vì:**	*reign over, to rule*
Thế kỷ:	*century*	**Diệt:**	*destroy, exterminate*
Chống cự:	*resist, defend*	**Cai trị:**	*rule*

Năm 207 trước Công Nguyên, Triệu Đà đánh được An Dương Vương rồi sáp nhập nước Âu Lạc vào quận Nam Hải, lập thành một nước gọi là Nam Việt, tự xưng làm vua, tức là Vũ Vương, đóng đô ở Phiên Ngung, gần thành Quảng Châu bây giờ.

Nhà Triệu trị vì được gần một thế kỷ, qua năm đời vua, thì bị nhà Hán diệt, và năm ông vua nhà Triệu như sau:

Triệu Vũ Vương (tức Triệu Đà)

Triệu Văn Vương

Triệu Minh Vương

Triệu Ai Vương

Triệu Dương Vương

Triệu Dương Vương mới lên làm vua được độ một năm thì vua Vũ Đế nhà Hán sai Phục Ba Tướng Quân là Lộ Bác Đức và Dương Bộc đem 5 đạo quân sang đánh lấy Nam Việt. Quan Thái Phó Lữ Gia ra chống cự không nổi, phải đem Dương Vương chạy. Quân nhà Hán đuổi theo bắt được, vua tôi đều bị hại cả. Năm ấy là năm 111 trước Công Nguyên. Nước Nam bị người Tàu chiếm lấy, cải là Giao Chỉ Bộ, chia ra làm 9 quận, và đặt quan cai trị như các châu quận bên Tàu vậy.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Triệu Đà đánh An Dương Vương năm nào?

_____

_____

_____

2. Sau khi lên ngôi, Triệu Đà đã sáp nhập nước Âu Lạc với quận nào và lấy quốc hiệu gì?

_____

_____

_____

3. Nhà Triệu truyền được bao nhiêu đời?

_____

_____

_____

4. Nước Nam bị quân nhà Hán chiếm vào năm nào?

_____

_____

_____

5. Nhà Hán đã làm gì sau khi chiếm được nước Nam?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Năm 207 trước Công Nguyên, Triệu Đà đánh được An Dương Vương rồi **sáp nhập** nước Âu Lạc vào quận Nam Hải, lập thành một nước gọi là Nam Việt... Từ "**sáp nhập**" có nghĩa là:

   - *Chia ra từng mảng.*
   - *Gộp lại thành một.*
   - *Giữ như cũ.*

2. Triệu Đà đánh được An Dương Vương rồi, sáp nhập nước Âu Lạc vào quận Nam Hải, **lập thành** một nước gọi là Nam Việt... Từ "**lập thành**" có nghĩa là:

   - *Đổi tên.*
   - *Hủy đi, bỏ đi.*
   - *Tạo ra, xây dựng nên.*

3. Nhà Triệu **trị vì** được gần một thế kỷ. Từ "**trị vì**" có nghĩa là:

   - *Cai trị đất nước.*
   - *Sửa sang.*
   - *Thay đổi.*

4. Nhà Triệu trị vì được gần một thế kỷ, qua năm đời vua, thì bị nhà Hán **diệt**... Từ "**diệt**" có nghĩa là:

   - *Bị bắt.*
   - *Làm cho không còn tồn tại nữa.*
   - *Làm cho vững mạnh hơn.*

5. Quan Thái Phó Lữ Gia ra **chống cự** không nổi, phải đem Dương Vương chạy. Từ "**chống cự**" có nghĩa là:

   - *Bỏ chạy.*
   - *Đánh trả lại.*
   - *Thắng trận.*

6. ...nước Nam bị người Tàu chiếm lấy, **cải** là Giao Chỉ Bộ... Từ "**cải**" có nghĩa là:

   - *Giữ như cũ.*
   - *Phân chia ra.*
   - *Thay đổi.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Nam 207 truoc Cong Nguyen, Trieu Da danh duoc An Duong Vuong roi sap nhap nuoc Au Lac vao quan Nam Hai, lap thanh mot nuoc goi la Nam Viet.

Nha Trieu tri vi duoc gan mot the ky, qua nam doi vua, thi bi nha Han diet.

Nuoc Nam bi nguoi Tau chiem lay, cai la Giao Chi Bo, chia ra lam 9 quan.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Triệu Dương Vương mới lênh làm vua được độ một năm thì vua Vũ Đế nhà Hán say Phục Ba Tướng Quân là Lộ Bác Đức và Dương Bộc đem 5 đão quân sang đánh lấy Nam Việt. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Quan Thái Phó Lữ Gia ra trống cự khôn nổi, phải đem Dương Vương chại. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Văn Phạm – Mệnh Đề

Mệnh đề là một nhóm từ gồm có hai thành phần: *chủ ngữ* và *vị ngữ*.

Mệnh Đề Chính

Mệnh đề chính có thể đứng riêng một mình mà vẫn diễn tả được đầy đủ ý tưởng. Mệnh đề chính không lệ thuộc vào mệnh đề nào khác. Nó có thể đi chung với những mệnh đề chính khác, mệnh đề phụ hoặc nhóm từ để hoàn thành một câu.

Thí dụ:

Tôi mua một quyển sách.

Chủ ngữ: *tôi*

Vị ngữ: *mua một quyển sách*

Mệnh Đề Phụ

Mệnh đề phụ không thể đừng riêng một mình vì không diễn tả được trọn ý. Mệnh đề phụ luôn luôn phải đi chung với mệnh đề chính để hoàn thành một câu.

Thí dụ:

Trong khi mẹ uống cà-phê, tôi mua quyển sách.

Câu này chúng ta có 2 mệnh đề khác nhau: "*trong khi mẹ uống cà-phê*" và "*tôi mua quyển sách*".

Mệnh đề thứ nhất:

Trong khi mẹ tôi uống cà phê.

Khi chúng ta đọc câu này ngay lập tức chúng sẽ có câu hỏi trong đầu rằng: "*Chuyện gì xảy ra trong khi mẹ tôi uống cà phê?*" Và câu trả lời sẽ là: "*Trong khi mẹ tôi uống cà phê, tôi mua quyển sách.*"

Như vậy mệnh đề thứ nhất là mệnh đề phụ vì nó không thể đứng một mình. Nó cần phải có thêm một mệnh đề nữa đi chung thì mới đủ nghĩa.

Mệnh đề phụ thường được nối với mệnh đề chính bằng các giới từ *(từ khi, trước khi, sau khi, mặc dù, nếu như, bởi vì, trong khi, như vậy, v.v.*).

Bài Tập – Văn Phạm (Mệnh Đề)

(Hãy cho biết những mệnh đề sau là mệnh đề chính hay mệnh đề phụ. Nếu là mệnh đề phụ, dùng mệnh đề phụ đó viết thành một câu hoàn chỉnh.)

1. Hùng vừa xách dép vừa chạy.

_____

_____

_____

2. Dưới gốc cây ở trước sân nhà.

_____

_____

_____

3. Chú mèo con đang nằm sưởi ấm dưới ánh nắng sớm.

_____

_____

_____

4. Từ khi Như còn nhỏ.

_____

_____

_____

5. Lúc Đức bị vấp ngã.

_____

_____

_____

6. Ngoài trời đêm nay vắng ánh trăng.

_____

_____

_____

7. Khi mặt trời lên tới đỉnh đầu.

_____

_____

_____

8. Bà nội tôi năm nay đã sáu mươi tuổi.

_____

_____

_____

9. Trước cổng nhà của Việt.

_____

_____

_____

10. Bé Hằng rất lễ phép mỗi khi trả lời điện thoại.

_____

_____

_____

Bài 7: Trưng Nữ Vương

Tham lam:	*greedy*	**Tàn bạo:**	*cruel*
Oán giận:	*resent*	**Căm hờn:**	*hate deeply*
Mưu tính:	*scheming, planning*	**Khởi nghĩa:**	*revolt*

Hai Bà Trưng đánh Tô Định.

Năm 34, nhà Đông Hán sai Tô Định sang làm Thái Thú quận Giao Chỉ.

Tô Định là người tham lam tàn bạo. Dân chúng vô cùng oán giận; Lạc Hầu, Lạc Tướng cũng căm hờn. Con Lạc Tướng huyện Châu Diên là Thi Sách mưu tính việc chống quân Tàu. Tô Định hay được bèn bắt giết đi. Vợ Thi Sách là Trưng Trắc nổi lên đánh Tô Định để báo thù cho chồng, rửa hận cho nước.

Trưng Trắc là con gái Lạc Tướng Mê Linh. Bà cùng em là Trưng Nhị phất cờ khởi nghĩa thì các Lạc Tướng và dân chúng hưởng ứng rất đông. Chẳng bao lâu, quân hai bà tràn đi khắp nơi, chiếm được 65 thành trì. Tô Định chống cự không lại trốn chạy về Tàu.

Hai bà lên ngôi vua, lấy hiệu là Trưng Nữ Vương, đóng đô ở Mê Linh (năm 40).

Trưng Nữ Vương trị vì được hơn một năm thì nhà Đông Hán sai danh tướng là Mã Viện đem binh sang đánh. Quân của Mã Viện là quân thiện chiến, quân ta thì mới nhóm lên, nhưng nhờ sự dũng cảm quân ta thắng được mấy trận đầu. Quân giặc phải rút về đóng ở vùng Lãng Bạc (tức gần Hồ Tây ở Hà Nội bây giờ). Sau, Mã Viện được thêm viện binh, dùng mưu lừa quân ta kéo lên mạn thượng du rồi đánh úp. Hai bà thua to rút binh về giữ Mê Linh.

Mùa thu năm 43, Mã Viện đem binh vây đánh thành Mê Linh. Quân ít, thế cùng, hai bà phải bỏ chạy. Mã Viện xua quân đuổi theo. Hai bà nhảy xuống sông Hát (chỗ sông Đáy đổ ra Hồng Hà) trầm mình để khỏi sa vào tay giặc.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Chồng của Trưng Trắc là ai?

_____

_____

_____

2. Tại sao hai chị em bà Trưng Trắc lại nổi lên đánh Tô Định?

_____

_____

_____

3. Trưng Trắc tự xưng làm vua, lấy hiệu là gì và đóng đô ở đâu?

_____

_____

_____

4. Trưng Trắc trị vì được bao nhiêu năm?

_____

_____

_____

5. Để khỏi sa vào tay giặc, hai bà Trưng đã làm gì sau khi bị thua?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Tô Định là người **tham lam** tàn bạo. Từ "**tham lam**" có nghĩa là:
   - *Chia sẻ cho người khác.*
   - *Làm ơn cho người khác.*
   - *Muốn lấy hết làm của mình.*

2. Dân chúng vô cùng **oán giận**... Từ "**oán giận**" có nghĩa là:
   - *Căm hận và uất ức.*
   - *Vui mừng.*
   - *Sợ hãi.*

3. Con Lạc tướng huyện Châu Diên là Thi Sách **mưu tính** việc chống quân Tàu. Từ "**mưu tính**" có nghĩa là:
   - *Đầu hàng.*
   - *Sắp đặt, lên kế hoạch.*
   - *Tham gia.*

4. Bà cùng em là Trưng Nhị phất cờ khởi nghĩa thì các Lạc tướng và dân chúng **hưởng ứng** rất đông. Từ "**hưởng ứng**" có nghĩa là:
   - *Bỏ trốn.*
   - *Đánh nhau.*
   - *Ủng hộ, đáp lại lời kêu gọi.*

5. Chẳng bao lâu, quân hai bà **tràn** đi khắp nơi, chiếm được 65 thành trì. Từ "**tràn**" có nghĩa là:
   - *Bỏ chạy.*
   - *Lan ra.*
   - *Rút về.*

6. ...nhờ **sự dũng cảm** quân ta thắng được mấy trận đầu. Từ "**sự dũng cảm**" có nghĩa là:
   - *Gan dạ, không sợ nguy hiểm.*
   - *Nhút nhát, sợ hãi.*
   - *Mạnh mẽ.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Con Lac Tuong huyen Chau Dien la Thi Sach muu tinh viec chong quan Tau.

Vo Thi Sach la Trung Trac noi len danh To Dinh de bao thu cho chong, rua han cho nuoc.

Hai ba nhay xuong song Hat tram minh de khoi sa vao tay giac.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Bà cùng em là Trưng Nhị phất cờ khởi ngĩa thì các Lạc Tướng và dân chũng hưởng ứng rấc đông. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Trưng Nữ Vương chị vì được hơn một năm thì nhà Đông Hán say danh tướng là Mã Viện đem binh sang đãnh. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Văn Phạm – Câu Kép

Câu là một nhóm từ diễn tả một ý tưởng trọn vẹn và phải có ít nhất một mệnh đề chính. Khi câu chỉ có một mệnh đề chính, ta gọi câu đó là câu đơn. Khi câu có hai mệnh đề chính được nối với nhau bởi một liên từ, ta gọi đó là câu kép.

Để nối hai mệnh đề chính thành một câu kép, ta dùng liên từ. Những liên từ thông dụng gồm: *và, nhưng, nên, hoặc, v.v..*

- Liên từ *và* – *Và* được dùng khi hai mệnh đề nối tiếp nhau.

  Thí dụ:

  Thiên xin phép mẹ đi chơi. Mẹ đã cho phép.

  Ta dùng liên từ *và* để nối hai câu đơn thành một câu kép như sau:

  Thiên xin phép mẹ đi chơi, *và* mẹ đã cho phép.

- Liên từ *nhưng* – *Nhưng* được dùng để nối hai mệnh đề chính có ý nghĩa trái ngược nhau.

  Thí dụ:

  Thiên xin phép mẹ đi chơi. Mẹ đã không cho phép.

  Ta dùng liên từ *nhưng* vì hai câu này có ý nghĩa trái ngược nhau:

  Thiên xin phép mẹ đi chơi, *nhưng* mẹ đã không cho phép.

- Liên từ *nên* – *Nên* được dùng khi có sự quan hệ điều kiện: mệnh đề sau là kết quả của mệnh đề trước.

  Thí dụ:

  Học sinh nói chuyện ồn ào. Cô giáo phạt không cho ra ngoài chơi.

  Ta dùng liên từ *nên* vì mệnh đề sau là kết quả của mệnh đề trước:

  Học sinh nói chuyện ồn ào, *nên* cô giáo phạt không cho ra ngoài chơi.

- Liên từ *hoặc* – *Hoặc* được dùng khi có sự lựa chọn giữa hai mệnh đề.

  Thí dụ:

  Em có thể trả sách lại cho thư viện. Em có thể tiếp tục mượn.

  Ta dùng liên từ *hoặc* để nối hai câu đơn thành một câu kép như sau:

  Em có thể trả sách lại cho thư viện, *hoặc* em có thể tiếp tục mượn.

Chú ý: Các liên từ luôn đứng sau dấu phẩy, ngoại trừ những câu rất ngắn không cần dấu phẩy.

Bài Tập – Văn Phạm (Câu Kép)

(Giúp các em nối những câu sau thành một câu kép.)

1. Lễ nhường chỗ ngồi trên xe buýt cho bà cụ. Mọi người khen Lễ ngoan.

_____

_____

_____

2. Chú Đăng thích đi cắm trại. Cô Thương sợ bị muỗi chích.

_____

_____

_____

3. Anh Sinh thích giúp đỡ mọi người. Chị Thúy luôn ủng hộ anh ấy.

_____

_____

_____

4. Ông tôi năm nay đã sáu mươi lăm tuổi. Khi đọc sách ông phải đeo kính.

_____

_____

_____

5. Biển có lúc hung hăng dữ tợn. Biển cũng có lúc thật hiền hòa.

_____

_____

_____

Hai Bà Trưng

Bài 8: Bà Triệu

Khởi binh:	*organize an army to revolt*	**Ác nghiệt:**	*cruel, spiteful*
Chí khí:	*strong will*	**Mưu lược:**	*strategies*
Chiêu mộ:	*recruit, enlist*	**Can đảm:**	*brave*

Bà Triệu đánh nhà Ngô.

Năm 248, ở quận Cửu Chân có người đàn bà tên là Triệu Thị Chinh khởi binh đánh nhà Ngô. Sử ta chép rằng bà Triệu là người huyện Nông Cống bấy giờ. Thuở nhỏ cha mẹ mất cả, ở với anh là Triệu Quốc Đạt, đến độ 20 tuổi gặp phải người chị dâu ác nghiệt, bà ấy bỏ nhà vào ở trong núi. Bà ấy là một người có sức mạnh, lại có chí khí và lắm mưu lược. Khi vào ở trong núi chiêu mộ hơn 1.000 tráng sĩ để làm thủ hạ. Người anh thấy thế mới can bà, thì bà bảo rằng:

Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tràng kình ở bể Đông chứ không thèm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng để làm tì thiếp người ta.

Năm 248 vì quan lại nhà Ngô tàn ác, dân gian khổ sở, Triệu Quốc Đạt mới khởi binh đánh quận Cửu Chân. Bà đem quân ra đánh giúp anh; quân sĩ của Triệu Quốc Đạt thấy bà làm tướng có can đảm, bèn tôn lên làm chủ. Khi bà ra trận thì cưỡi voi và mặc áo giáp vàng, được gọi là Nhụy Kiều Tướng Quân.

Thứ Sử Giao Châu là Lục Dận đem quân đi đánh, bà chống nhau với nhà Ngô được năm sáu tháng. Nhưng vì quân ít thế cô, đánh mãi phải thua, bà đem quân chạy đến xã Bồ Điền (nay là xã Phú Điền thuộc huyện Mỹ Hóa) thì tự tử. Bấy giờ mới 23 tuổi.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Bà Triệu tên họ là gì?

_____

_____

_____

2. Vì sao bà bỏ nhà vào ở trong núi?

_____

_____

_____

3. Khi người anh khuyên can bà, để tỏ chí khí của bà, bà đã nói câu gì?

_____

_____

_____

4. Các quân sĩ vì kính nể sự can đảm của bà đã tặng danh hiệu gì cho bà?

_____

_____

_____

5. Bà cầm cự với quân nhà Ngô được bao lâu?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...Triệu Thị Chinh **khởi binh** đánh nhà Ngô. Từ "**khởi binh**" có nghĩa là:
   - *Chia quân ra đánh.*
   - *Dấy quân lên để đánh.*
   - *Rút quân để bảo tồn lực lượng.*

2. ...đến độ 20 tuổi gặp phải người chị dâu **ác nghiệt**, bà ấy bỏ nhà vào ở trong núi. Từ "**ác nghiệt**" có nghĩa là:
   - *Dễ dãi, thoải mái.*
   - *Độc ác, khắt khe.*
   - *Hiền từ, nhân hậu.*

3. Bà ấy là một người có sức mạnh, lại có **chí khí** và lắm mưu lược. Từ "**chí khí**" có nghĩa là:
   - *Có chí lớn, không chịu khuất phục.*
   - *Có sức lực mạnh.*
   - *Mưu mô, xảo quyệt.*

4. Bà ấy là một người có sức mạnh, lại có chí khí và lắm **mưu lược**. Từ "**mưu lược**" có nghĩa là:
   - *Kế sách, cách tổ chức.*
   - *Sự thành thật.*
   - *Sự xảo quyệt.*

5. Khi vào ở trong núi **chiêu mộ** hơn 1.000 tráng sĩ để làm thủ hạ. Từ "**chiêu mộ**" có nghĩa là:
   - *Đánh đuổi.*
   - *Mời gọi và tụ tập nhiều người.*
   - *Sai người đi đánh giặc.*

6. Nhưng vì **quân ít thế cô**, đánh mãi phải thua... Từ "**quân ít thế cô**" có nghĩa là:
   - *Được nhiều người giúp.*
   - *Lực lượng yếu, ít người giúp.*
   - *Có nhiều binh lính.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Nam 248, o quan Cuu Chan co nguoi dan ba ten la Trieu Thi Chinh khoi binh danh nha Ngo.

Ba ay la mot nguoi co suc manh, lai co chi khi va lam muu luoc.

Khi ba ra tran thi cuoi voi va mac ao giap vang, duoc goi la Nhuy Kieu Tuong Quan.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Thuở nhỏ cha mẹ mấc cả, ở với anh là Triệu Quốc Đạt, đến độ 20 tuỗi gặp phảy người chị dâu ác nghiệt, bà ấy bỏ nhà vào ở trong núi. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tôi muốn cưỡi cơn gió mặnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tràn kình ở bể Đông chứ không thèm bắc chước người đời cúi đầu cong lưng để làm tì thiếp người ta. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Văn Phạm – Câu Phức

Câu phức có một mệnh đề chính được nối với một hoặc nhiều mệnh đề phụ. Để nối các mệnh đề phụ với mệnh đề chính, ta dùng giới từ như: *sau khi, mặc dù, bởi vì, nếu như, khi, trong khi, để, cho nên, v.v..*

Thí dụ 1:

Gia đình ăn cơm xong. Tí phụ giúp thu dọn chén đĩa.

Ta dùng giới từ *sau khi* để biến mệnh đề đầu thành một mệnh đề phụ và nối hai câu này thành một câu phức như sau:

Sau khi gia đình ăn cơm xong, *Tí phụ giúp thu dọn chén đĩa*.

Thí dụ 2:

Cô đã dặn nhiều lần. Tí vẫn quên không mang theo bút vào lớp.

Ta dùng giới từ *mặc dù* để nối hai câu này thành một câu phức như sau:

Mặc dù cô đã dặn nhiều lần, Tí vẫn quên không mang theo bút vào lớp.

Thí dụ 3:

Tí không làm bài. Cô phạt không cho Tí ra chơi.

Ta dùng giới từ *bởi vì* để nối hai câu này thành một câu phức như sau:

Bởi vì Tí không làm bài, Cô phạt không cho Tí ra chơi.

Ta có thể đảo vị trí của các mệnh đề trong những câu phức trên như sau:

Tí phụ giúp thu dọn chén đĩa *sau khi* gia đình ăn cơm xong.

Tí vẫn quên không mang theo bút *mặc dù* cô đã dặn nhiều lần.

Cô phạt không cho Tí ra chơi *bởi vì* Tí không làm bài.

Khi chủ ngữ của các mệnh đề phụ và mệnh đề chính là một, ta có thể loại bỏ chủ ngữ của những mệnh đề phụ.

Thí dụ:

Tí thức dậy. Tí đánh răng, rửa mặt rồi ăn sáng.

Chủ ngữ của hai câu này đều là Tí. Ta có thể loại bỏ chủ ngữ cho mệnh đề phụ như sau:

Sau khi thức dậy, Tí đánh răng, rửa mặt rồi ăn sáng.

Bài Tập – Văn Phạm (Câu Phức)

(Giúp các em nối những câu đơn sau thành một câu phức.)

1. Tôi đi học về. Ông đón tôi tại sân nhà.

_____

_____

_____

2. Chúng tôi ngồi xung quanh bếp lửa. Chúng tôi nghe bà kể chuyện cổ tích.

_____

_____

_____

3. Bố em rất quý hoa lan. Bố chăm sóc cây lan thật chu đáo.

_____

_____

_____

4. Bố đào đất. Mẹ trồng hoa.

_____

_____

_____

5. Hiền làm xong bài tập. Hiền coi ti-vi.

_____

_____

_____

Bà Triệu

Bài 9: Lý Nam Đế

Tổ tiên:	*ancestor*	**Người bản xứ:**	*natives*
Sửa sang:	*reform*	**Lập nghiệp:**	*build an empire*
Rút quân:	*retreat*	**Binh quyền:**	*military power*

Lý Nam Đế đánh nhà Lương.

Năm 541 là năm Đại Đồng thứ 7 đời vua Vũ Đế nhà Lương, ở huyện Thái Bình có một người tên là Lý Bôn, tài kiêm văn võ, thấy nước mình, trong thì quan lại Tàu làm khổ, ngoài thì người Lâm Ấp cướp phá, bèn cùng với những người nghĩa dũng nổi lên, chiếm giữ lấy thành Long Biên. Lý Bôn, có người gọi là Lý Bí, vốn dòng dõi người Tàu. Tổ tiên ở đời Tây Hán phải tránh loạn chạy sang Giao Châu, đến lúc bấy giờ là bảy đời, thành ra người bản xứ. Khi chiếm giữ được đất Giao Châu rồi, ông sửa sang mọi việc, định lập nghiệp lâu dài. Qua 543 quân Lâm Ấp lại sang phá quận Nhật Nam; Lý Bôn sai tướng là Phạm Tu vào đánh ở Cửu Đức (Hà Tĩnh); người Lâm Ấp thua chạy về nước.

Năm 544, ông Lý Bôn tự xưng là Lý Nam Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, niên hiệu là Thiên Đức, rồi phong cho Triệu Túc làm thái phó, Tinh Thiều làm tướng văn, và Phạm Tu làm tướng võ.

Năm 545 vua nhà Lương sai Dương Phiêu sang làm thứ sử Giao Châu và sai Trần Bá Tiên đem quân sang đánh Nam Việt. Lý Nam Đế thua phải bỏ thành Long Biên chạy về giữ thành Gia Ninh (huyện Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên). Trần Bá Tiên đem quân lên vây thành Gia Ninh, Lý Nam Đế chạy về giữ thành Tân Xương, tức là đất Phong Châu cũ thuộc tỉnh Vĩnh Yên bây giờ.

Nhà Lương lại tiến lên đuổi đánh, Lý Nam Đế thấy thế mình yếu, chống không nổi, mới rút quân lên đóng ở động Khuất Liêu (thuộc đất Hưng Hóa), để đợi thu xếp được quân sĩ lại ra đánh. Được non một năm, Lý Nam Đế đem hai vạn quân ra đánh nhau với Trần Bá Tiên ở hồ Điển Triệt, lại thua. Lý Nam Đế bèn giao binh quyền lại cho Tả Tướng Quân Triệu Quang Phục chống nhau với quân nhà Lương rồi trở về Khuất Liêu.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Lý Bôn là người ở huyện nào?

_____

_____

_____

2. Tổ tiên của Lý Bôn là người của nước nào?

_____

_____

_____

3. Lý Bôn lên ngôi vào năm nào, lấy danh hiệu là gì?

_____

_____

_____

4. Lý Bôn đánh nhau với nhà nào bên Tàu?

_____

_____

_____

5. Lý Nam Đế giao binh quyền lại cho ai?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...cùng với những người nghĩa dũng nổi lên, **chiếm giữ** lấy thành Long Biên... Từ "**chiếm giữ**" có nghĩa là:

   - *Đem cho người khác.*
   - *Lấy từ người khác.*
   - *Giữ giùm người khác.*

2. Lý Bôn, có người gọi là Lý Bí, vốn **dòng dõi** người Tàu. Từ "**dòng dõi**" có nghĩa là:

   - *Bạn bè.*
   - *Cha ông từ thế hệ trước.*
   - *Con cháu ở thế hệ sau.*

3. **Tổ tiên** ở đời Tây Hán phải tránh loạn chạy sang Giao Châu... Từ "**tổ tiên**" có nghĩa là:

   - *Bạn bè.*
   - *Cha ông từ thế hệ trước.*
   - *Con cháu ở thế hệ sau.*

4. Tổ tiên ở đời Tây Hán phải tránh loạn chạy sang Giao Châu, đến lúc bấy giờ là bảy đời, thành ra **người bản xứ**. Từ "**người bản xứ**" có nghĩa là:

   - *Người cùng họ.*
   - *Người địa phương.*
   - *Người ngoại quốc.*

5. Trần Bá Tiên đem quân lên **vây** thành Gia Ninh... Từ "**vây**" có nghĩa là:

   - *Bao quanh không cho thoát.*
   - *Cứu thoát.*
   - *Phòng thủ, chống chọi.*

6. Lý Nam Đế bèn giao **binh quyền** lại cho Tả Tướng Quân Triệu Quang Phục... Từ "**binh quyền**" có nghĩa là:

   - *Quyền chỉ huy quân đội.*
   - *Quyền lợi của binh lính.*
   - *Quyền lợi của dân.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Khi chiem giu duoc dat Giao Chau roi, ong sua sang moi viec, dinh lap nghiep lau dai.

Nam 544, ong Ly Bon tu xung la Ly Nam De, dat quoc hieu la Van Xuan, nien hieu la Thien Duc.

Nam 545 vua nha Luong sai Duong Phieu sang lam thu su Giao Chau va sai Tran Ba Tien dem quan sang danh Nam Viet.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Lý Bôn xai tướng là Phạm Tu vào đán ở Cửu Đức; người Lâm Ấp thua chại về nước. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Lý Nam Đế thấy thế mìn yếu, chống không nổi, mối rút quân lên đóng ở động Khuất Liêu, để đợi thu xếp đượt quân sĩ lại ra đánh. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tập Làm Văn – Đoạn Văn

Chúng ta có thể viết một đoạn văn để tả một cảnh trí, tả người, tả đồ vật hay loài vật, kể một câu chuyện, diễn tả một sự việc, hoặc trình bày một kế hoạch, v.v..

Thông thường một đoạn văn gồm có ba phần:

- **Chủ Đề** – Câu mở đầu giới thiệu đến người đọc một chủ đề hoặc ý chính của một câu chuyện hay một sự việc.
- **Chi tiết** – Những câu văn diễn tả hoặc kể lại những diễn tiến, những sự việc xảy ra trong từng giai đoạn.
- **Câu Kết** – Câu cuối, kết thúc của một đoạn văn, viết về cảm nghĩ, ý tưởng, hoặc nhận xét của mình.

Để viết một đoạn văn chúng ta dựa trên chủ đề và hoàn tất những giai đoạn:

1. Viết ra những ý chính của chủ đề.
2. Mỗi ý chính, thêm chi tiết và viết thành một câu văn.
3. Sắp xếp và nối những câu văn thành một đoạn văn.

Ý CHÍNH CỦA CHỦ ĐỀ

Thí dụ:

Hãy viết về ngày Tết của em.

Trước hết chúng ta tìm kiếm những ý chính của đoạn văn bằng cách đặt ra những câu hỏi liên quan đến chủ đề. Chúng ta có thể bắt đầu bằng cách đặt những câu hỏi như sau:

Tết là ngày như thế nào? Em làm gì hay được gì trong ngày Tết? Gia đình em thường làm gì? Cảm giác của em như thế nào?

Chủ Đề:

Tết là ngày vui.

Chi Tiết:

Em được lì-xì.

Chi Tiết:

Em được mặc quần áo mới.

Chi Tiết:

Gia đình sum họp.

Câu Kết:

Em rất thích Tết.

VIẾT THÀNH CÂU VĂN

Dựa trên các ý chính đã tìm được, chúng ta thêm những chi tiết về nơi chốn, thời gian, lý do, v.v. để viết thành một câu hoàn chỉnh.

Chủ Đề:

Tết là ngày vui nhất của em.

Chi Tiết:

Sau khi chúc Tết ông bà và cha mẹ, em được mọi người lì-xì.

Chi Tiết:

Sáng mùng một Tết, em được mặc bộ quần áo đẹp mẹ mới mua cho em.

Chi Tiết:

Gia đình sum họp đông đủ, quây quần trong bữa tiệc đầu năm.

Câu Kết:

Em rất thích Tết và không bao giờ quên ngày vui này.

SẮP XẾP THÀNH ĐOẠN VĂN

Cuối cùng, chúng ta sắp xếp lại các câu văn theo thứ tự. Để giúp cho việc sắp xếp, chúng ta chép mỗi câu văn trên một mảnh giấy dài.

Tết là ngày vui nhất của em.

Sau khi chúc Tết ông bà và cha mẹ, em được mọi người lì-xì.

Sáng mùng một Tết, em được mặc bộ quần áo đẹp mẹ mới mua cho em.

Gia đình sum họp đông đủ, quây quần trong bữa tiệc đầu năm.

Em rất thích Tết và không bao giờ quên ngày vui này.

Sau đó, chúng ta sắp xếp các mảnh giấy theo thứ tự cho hợp lý. Trong trường hợp này, chúng ta thay đổi vị trí của câu 2 và câu 3 như sau:

Tết là ngày vui nhất của em.

Sáng mùng một Tết, em được mặc bộ quần áo đẹp mẹ mới mua cho em.

Sau khi chúc Tết ông bà và cha mẹ, em được mọi người lì-xì.

Gia đình sum họp đông đủ, quây quần trong bữa tiệc đầu năm.

Em rất thích Tết và không bao giờ quên ngày vui này.

Như thế, chúng ta đã có được một đoạn văn như ý. Chúng ta chép đoạn văn đó vào vở:

Ngày Tết Của Em

Tết là ngày vui nhất của em. Sáng mùng một Tết, em được mặc bộ quần áo đẹp mẹ mới mua cho em. Sau khi chúc Tết ông bà và cha mẹ, em được mọi người lì-xì. Gia đình em sum họp đông đủ, quây quần trong bữa tiệc đầu năm. Em rất thích Tết và không bao giờ quên ngày vui này.

Bài Tập – Tập Làm Văn (Đoạn Văn)

Em hãy chọn một trong những chủ đề dưới đây để viết một đoạn văn:

- Người bạn thân nhất của em.
- Ngày nghỉ cuối tuần.
- Món ăn em thích nhất.
- Con vật nhà em nuôi.

Ý CHÍNH CỦA CHỦ ĐỀ

Dựa trên chủ đề đã chọn, em hãy tự đặt những câu hỏi liên quan đến chủ đề và viết những câu trả lời vào những ô sau đây:

Chủ Đề:

Chi Tiết:

Chi Tiết:

Chi Tiết:

Câu Kết:

VIẾT THÀNH CÂU VĂN

Em hãy dùng những ý chính đã kiếm được và thêm các chi tiết về nơi chốn, thời gian, lý do, v.v. để viết thành những câu hoàn chỉnh vào các ô sau đây:

Chủ Đề:

Chi Tiết:

Chi Tiết:

Chi Tiết:

Câu Kết:

SẮP XẾP THÀNH ĐOẠN VĂN

Em hãy sắp xếp các câu đã viết theo thứ tự và ráp thành một đoạn văn:

Bài 10: Mai Hắc Đế

Chống cự:	*resist*	**Sức vóc:**	*strength*
Tàn bạo:	*cruel*	**Khổ sở:**	*miserable*
Chiếm giữ:	*take possession by force*	**Đền thờ:**	*temple*

Mai Hắc Đế (Mai Thúc Loan) chống nhà Đường.

Năm 722 là năm Khai Nguyên thứ 10 về đời vua Huyền Tông nhà Đường, ở Hoan Châu có một người tên là Mai Thúc Loan nổi lên chống cự với quân nhà Đường.

Mai Thúc Loan là người huyện Thiên Lộc, tức là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh bây giờ, mặt mũi đen sì, sức vóc khỏe mạnh, thấy quan nhà Đường làm nhiều điều tàn bạo, dân gian khổ sở, lại nhân lúc bấy giờ lắm giặc giã, ông ấy bèn chiêu mộ những người nghĩa dũng, rồi chiếm giữ lấy một chỗ ở đất Hoan Châu (nay thuộc huyện Nam Đường tỉnh Nghệ An), xây thành đắp lũy, xưng hoàng đế, tức gọi là Hắc Đế.

Mai Hắc Đế lại kết hiếu với nước Lâm Ấp và nước Chân Lạp để làm ngoại viện. Vua nhà Đường sai quan Nội Thị là Dương Tư Húc đem quân sang cùng với quan Đô Hộ là Quang Sở Khách đi đánh Mai Hắc Đế. Mai Hắc Đế thế yếu chống không nổi phải thua chạy, được ít lâu thì mất. Nay ở núi Vệ Sơn huyện Nam Đường, tỉnh Nghệ An, còn có di tích thành cũ của vua Hắc Đế, và ở xã Hương Lãm, huyện Nam Đường còn có đền thờ.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Mai Hắc Đế là người của huyện nào?

_____

_____

_____

2. Tên tục của Mai Hắc Đế là gì?

_____

_____

_____

3. Vì sao Mai Hắc Đế khởi nghĩa chống lại nhà Đường?

_____

_____

_____

4. Vì sao Mai Hắc Đế kết hiếu với nước Lâm Ấp và Chân Lạp?

_____

_____

_____

5. Vì sao ông được gọi là Mai Hắc Đế?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...Mai Thúc Loan nổi lên **chống cự** với quân nhà Đường. Từ "**chống cự**" có nghĩa là:

   - *Đánh trả lại.*
   - *Đầu hàng giặc.*
   - *Đi theo giặc.*

2. Mai Thúc Loan là người huyện Thiên Lộc, tức là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh bây giờ, mặt mũi đen sì, **sức vóc** khỏe mạnh... Từ "**sức vóc**" có nghĩa là:

   - *Sức lực biểu hiện qua hình dáng.*
   - *Tài lực.*
   - *Trí lực.*

3. ...quan nhà Đường làm nhiều điều **tàn bạo**... Từ "**tàn bạo**" có nghĩa là:

   - *Độc ác và hung bạo.*
   - *Lợi ích.*
   - *Nhân từ.*

4. ...ông ấy bèn chiêu mộ những người **nghĩa dũng**... Từ "**nghĩa dũng**" có nghĩa là:

   - *Chất phác, thật thà.*
   - *Trung thành, gan dạ.*
   - *Xảo trá, nhát đảm.*

5. Mai Hắc Đế lại kết hiếu với nước Lâm Ấp và nước Chân Lạp để làm **ngoại viện**. Từ "**ngoại viện**" có nghĩa là:

   - *Sự giúp đỡ của triều đình.*
   - *Sự giúp đỡ ở bên ngoài.*
   - *Tiền trợ cấp của chính phủ.*

6. Nay ở núi Vệ Sơn huyện Nam Đường, tỉnh Nghệ An, còn có **di tích** thành cũ của vua Hắc Đế. Từ "**di tích**" có nghĩa là:

   - *Dấu vết còn lại từ xưa.*
   - *Được đăng trên báo.*
   - *Được ghi chép trong lịch sử.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Ơ Hoan Chau co mot nguoi ten la Mai Thuc Loan noi len chong cu voi quan nha Duong.

Thay quan nha Duong lam nhieu dieu tan bao, ong ay ben chieu mo nhung nguoi nghia dung, roi chiem giu lay mot cho o dat Hoan Chau.

Vua nha Duong sai quan Noi Thi la Duong Tu Huc dem quan sang cung voi quan Do Ho la Quang So Khach di danh Mai Hac De.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Mai Hắc Đế lại kết hiếu vối nước Lâm Ấp và nước Chân Lạp để làm nghoại viện. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Mai Hắc Đế thế yếu chốn không nỗi phải thua chại, được ít lâu thì mất. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Bài Tập – Tập Làm Văn (Đoạn Văn)

Em hãy chọn một trong những chủ đề dưới đây để viết một đoạn văn:

- Ngày tệ nhất của em.
- Môn thể thao em yêu thích.
- Bộ áo quần mới.
- Kể chuyện một chuyến đi chơi của em.

Ý CHÍNH CỦA CHỦ ĐỀ

Dựa trên chủ đề đã chọn, em hãy tự đặt những câu hỏi liên quan đến chủ đề và viết những câu trả lời vào những ô sau đây:

Chủ Đề:

Chi Tiết:

Chi Tiết:

Chi Tiết:

Câu Kết:

VIẾT THÀNH CÂU VĂN

Em hãy dùng những ý chính đã kiếm được và thêm các chi tiết về nơi chốn, thời gian, lý do, v.v. để viết thành những câu hoàn chỉnh vào các ô sau đây:

Chủ Đề:

Chi Tiết:

Chi Tiết:

Chi Tiết:

Câu Kết:

SẮP XẾP THÀNH ĐOẠN VĂN

Em hãy sắp xếp các câu đã viết theo thứ tự và ráp thành một đoạn văn:

Bài 11: Bố Cái Đại Vương

Sưu thuế:	*tax, paid by male adults*	**Bất ngờ:**	*unexpected, unforeseen*
Vây đánh:	*seige*	**Nghênh chiến:**	*engage in battle*
Trấn thủ:	*defend and protect*	**Hàng:**	*surrender*

Năm 791 quan Đô Hộ là Cao Chính Bình bắt dân đóng sưu thuế nặng quá, lòng dân oán hận. Khi bấy giờ ở quận Đường Lâm (bây giờ là làng Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây) có người tên là Phùng Hưng, cùng hai anh em là Phùng Hải và Phùng Dĩnh, nổi lên đem quân về phá phủ Đô Hộ.

Phùng Hưng chia ra làm 5 đạo quân, bất ngờ vây đánh thành Tống Bình. Cao Chính Bình đem 4 vạn quân ra nghênh chiến. Sau bảy ngày đêm xung sát, quân giặc núng thế phải rút lui vào thành trấn thủ. Nghĩa quân Phùng Hưng thừa thắng reo hò bủa vây khắp bốn mặt thành. Thấy quân mình bị chết nhiều, Cao Chính Bình lo sợ phát ốm rồi chết. Phùng Hưng chiếm lĩnh thành trì, vào phủ Đô Hộ điều khiển việc nước. Phùng Hưng mới chiếm giữ phủ thành được mấy tháng thì mất. Quân sĩ lập con Phùng Hưng là Phùng An lên nối nghiệp. Dân ái mộ Phùng Hưng mới lập đền thờ và tôn lên làm Bố Cái Đại Vương, bởi vì ta gọi cha là Bố, mẹ là Cái, nghĩa là tôn Phùng Hưng lên làm cha mẹ của toàn dân.

Tháng 7 năm ấy, vua nhà Đường sai Triệu Xương sang làm Đô Hộ. Phùng An liệu thế chống không nổi xin ra hàng.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vì sao dân chúng lại oán hận Cao Chính Bình?

_____

_____

_____

2. Ai đã đem quân phá phủ Đô Hộ?

_____

_____

_____

3. Vì sao Cao Chính Bình chết?

_____

_____

_____

4. Ai đã nối nghiệp Phùng Hưng?

_____

_____

_____

5. Bố Cái Đại Vương có nghĩa là gì?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...Cao Chính Bình bắt dân đóng sưu thuế nặng quá, lòng dân **oán hận**. Từ "**oán hận**" có nghĩa là:

   - *Căm thù, tức giận.*
   - *Kính phục.*
   - *Thương mến.*

2. Phùng Hưng chia ra làm 5 đạo quân, **bất ngờ** vây đánh thành Tống Bình. Từ "**bất ngờ**" có nghĩa là:

   - *Đã biết trước.*
   - *Không nghĩ tới, ngoài dự tính.*
   - *Tính toán kỹ lưỡng.*

3. Cao Chính Bình đem 4 vạn quân ra **nghênh chiến**. Từ "**nghênh chiến**" có nghĩa là:

   - *Chia quân để giữ nơi hiểm yếu.*
   - *Đưa quân ra chặn, đánh.*
   - *Rút quân về để bảo vệ.*

4. Sau 7 ngày đêm xung sát, quân giặc **núng thế** phải rút lui vào thành trấn thủ. Từ "**núng thế**" có nghĩa là:

   - *Đang thắng.*
   - *Đang thua.*
   - *Đang huề.*

5. Sau bảy ngày đêm xung sát, quân giặc núng thế phải rút lui vào thành **trấn thủ**. Từ "**trấn thủ**" có nghĩa là:

   - *Bảo vệ, giữ cho khỏi bị chiếm mất.*
   - *Bao vây để đánh chiếm.*
   - *Đưa quân ra đầu hàng.*

6. Dân **ái mộ** Phùng Hưng mới lập đền thờ và tôn lên làm Bố Cái Đại Vương... Từ "**ái mộ**" có nghĩa là:

   - *Ghét bỏ và khinh khi.*
   - *Mến chuộng và kính trọng.*
   - *Tin tưởng.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Khi bay gio o quan Duong Lam co nguoi ten la Phung Hung, cung hai anh em la Phung Hai va Phung Dinh, noi len dem quan ve pha phu Do Ho.

Sau bay ngay dem xung sat, quan giac nung the phai rut lui vao thanh tran thu.

Dan ai mo Phung Hung moi lap den tho va ton len lam Bo Cai Dai Vuong, nghia la ton Phung Hung len lam cha me cua toan dan.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Thấy quan mình bị chết nhiểu, Cao Chính Bình lo sợ phác ốm rồi chết. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Phùng Hưng mối chiếm giữ phủ thàng được mấy tháng thì mắt. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tập Làm Văn – Tường Thuật

Tường thuật là kể lại một câu chuyện, một sự việc đã xảy ra một cách mạch lạc, rõ ràng và thứ tự.

Một bài văn tường thuật cần có 3 phần trong mỗi một đoạn văn.

- **Chuyển Tiếp** – Những câu chuyển ngắn như:

  trước tiên, kế đến, sau đó, cùng lúc đó, cuối cùng, ...

  thường được viết ở đầu mỗi câu văn trong phần chi tiết để nối tiếp đoạn văn, và cũng để giới thiệu một đoạn văn kế tiếp.
- **Sự Kiện** – Sự việc xảy ra, cần được ghi chép theo thứ tự.
- **Chi Tiết** – Những chi tiết về những sự kiện đó.

LIỆT KÊ SỰ KIỆN

Thí dụ:

Hãy viết về ngày sinh nhật của em.

Để bắt đầu một bài văn tường thuật, chúng ta cần phải liệt kê những sự kiện đã xảy ra theo thứ tự. Chúng ta liệt kê những sự kiện vào bảng như sau:

CHUYỂN TIẾP	SỰ KIỆN	CHI TIẾT
	Làm bánh sinh nhật.	
	Soạn bàn ghế.	
	Nướng thịt.	
	Cắt bánh.	

THÊM CHI TIẾT

Sau khi liệt kê các sự kiện, chúng ta thêm chi tiết về những sự kiện:

CHUYỂN TIẾP	SỰ KIỆN	CHI TIẾT
	Làm bánh sinh nhật.	— Em vào bếp để cùng chị phụ mẹ làm bánh.
	Soạn bàn ghế.	— Bố và anh trai kê bàn ghế ở vườn sau để chuẩn bị cho bữa tiệc.
	Nướng thịt.	— Bố nướng thịt. — Anh trai phụ bố xâu thịt. — Mọi người ăn tiệc vui vẻ.
	Cắt bánh.	— Mọi người tặng quà và chúc mừng sinh nhật. — Cắt bánh và mời mọi người.

THÊM CÂU CHUYỂN TIẾP

Kế đến chúng ta thêm những câu chuyển tiếp nếu cần.

CHUYỂN TIẾP	SỰ KIỆN	CHI TIẾT
Thứ Bảy vừa qua	Làm bánh sinh nhật.	— Em vào bếp cùng chị phụ mẹ làm bánh.
Trong khi đó	Soạn bàn ghế.	— Bố và anh trai kê bàn ghế ở vườn sau để chuẩn bị cho bữa tiệc.
Sau khi kê bàn ghế	Nướng thịt.	— Bố nướng thịt. — Anh trai phụ bố xâu thịt. — Mọi người ăn tiệc vui vẻ.
Cuối bữa tiệc	Cắt bánh.	— Mọi người tặng quà và chúc mừng sinh nhật. — Cắt bánh và mời mọi người.

VIẾT THÀNH CÂU VĂN

Khi có đầy đủ thông tin, chúng ta dùng những thông tin đó để viết thành các câu văn:

Thứ Bảy vừa qua là sinh nhật của em. Buổi chiều em đã vào bếp để cùng chị phụ mẹ làm bánh.

Trong khi đó, bố và anh trai đang kê bàn ghế ở vườn sau để chuẩn bị cho bữa tiệc.

Sau khi đã kê bàn ghế, bố thì nướng thịt còn anh trai phụ xâu thịt vào những que tre nhỏ để lên lò nướng. Khi thịt đã nướng xong cả nhà ngồi ăn tiệc vui vẻ.

Cuối bữa tiệc, mọi người tặng quà và chúc mừng sinh nhật em. Em cắt bánh mời mọi người. Bánh rất thơm và ngon.

Cuối cùng chúng ta thêm câu kết để diễn tả cảm tưởng:

Em đã có một bữa tiệc sinh nhật bên những người thân. Em rất vui và hạnh phúc.

SẮP XẾP THÀNH ĐOẠN VĂN

Chúng ta ráp những câu trên thành một đọan văn.

Ngày Sinh Nhật Của Em

Thứ Bảy tuần trước là ngày sinh nhật của em. Buổi chiều em đã vào bếp để cùng chị phụ mẹ làm bánh. Trong khi đó, bố và anh trai kê bàn ghế ở vườn sau để chuẩn bị cho bữa tiệc. Sau khi đã kê bàn ghế, bố thì nướng thịt còn anh trai phụ xâu thịt vào những que tre nhỏ để lên lò nướng. Khi thịt đã nướng xong cả nhà ngồi ăn tiệc vui vẻ. Cuối bữa tiệc, mọi người tặng quà và chúc mừng sinh nhật em. Em cắt bánh mời mọi người. Bánh rất thơm và ngon. Em đã có một bữa tiệc sinh nhật bên những người thân. Em rất vui và hạnh phúc.

Bài Tập – Tập Làm Văn (Tường Thuật)

Dựa trên bài văn mẫu, em hãy lựa một trong những chủ đề dưới đây để viết một đoạn văn tường thuật.

- Ngày cuối tuần của em.
- Chuyến đi thăm ông bà.
- Em đi câu cá với bố.
- Em đến nhà bạn em chơi.

LIỆT KÊ SỰ KIỆN

CHUYỂN TIẾP	SỰ KIỆN	CHI TIẾT

SẮP XẾP THÀNH ĐOẠN VĂN

Em hãy sắp xếp các câu đã viết theo thứ tự và ráp thành một đoạn văn:

Bài 12: Khúc Thừa Dụ

Uy quyền:	*authority*	**Hào phú:**	*rich and influential*
Khoan hòa:	*generous and kind*	**Kính phục:**	*respect and admire*
Suy nhược:	*weak*	**Ngăn cấm:**	*prohibit, prevent*

Trước khi nhà Đường sắp mất ngôi, thì bên Tàu loạn, giặc cướp nổi lên khắp cả mọi nơi. Uy quyền nhà vua không ra đến bên ngoài, thế lực ai mạnh thì người ấy xưng đế, xưng vương. Ở Giao Châu, lúc bấy giờ có một người họ Khúc tên là Thừa Dụ, quê ở Hồng Châu (thuộc địa hạt Bàng Giang và Ninh Giang ở Hải Dương). Khúc Thừa Dụ vốn là một người hào phú trong xứ, mà tính lại khoan hòa, hay thương người, cho nên có nhiều người kính phục. Năm 906, nhân khi trong châu có loạn, dân chúng cử ông ấy lên làm Tiết Độ Sứ để cai trị Giao Châu. Nhà Đường lúc bấy giờ suy nhược, thế không ngăn cấm được, cũng thuận cho ông ấy làm Tĩnh Hải Tiết Độ Sứ và gia phong Đồng Bình Chương Sự.

Khúc Thừa Dụ làm Tiết Độ Sứ được non một năm thì mất, giao quyền lại cho con là Khúc Hạo. Khúc Hạo lên thay cha làm Tiết Độ Sứ, lập ra lộ, phủ, châu, xã ở các nơi, đặt quan lại, sửa sang việc thuế má, việc sưu dịch và lại cho con là Khúc Thừa Mỹ sang sứ bên Quảng Châu, tiếng là kết hiếu với nhau, nhưng cốt để dò thăm mọi việc hư thực.

Năm 917 Khúc Hạo mất, truyền nghiệp lại cho con là Khúc Thừa Mỹ.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Quê của Khúc Thừa Dụ ở đâu?

_____

_____

_____

2. Dân chúng đã đề cử Khúc Thừa Dụ lên làm chức vụ gì?

_____

_____

_____

3. Vì sao nhà Đường lại chấp thuận cho Khúc Thừa Dụ làm Tĩnh Hải Tiết Độ Sứ?

_____

_____

_____

4. Khúc Thừa Dụ làm Tiết Độ Sứ được bao lâu?

_____

_____

_____

5. Khúc Thừa Dụ trao quyền lại cho ai?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...**thế lực** ai mạnh thì người ấy xưng đế, xưng vương. Từ "**thế lực**" có nghĩa là:
   - *Sức mạnh của con người.*
   - *Sức mạnh dựa trên địa vị xã hội.*
   - *Tiền của.*

2. Khúc Thừa Dụ vốn là một người **hào phú** trong xứ... Từ "**hào phú**" có nghĩa là:
   - *Giàu có và có thế lực.*
   - *Nghèo khổ, túng thiếu.*
   - *Quen biết nhiều người.*

3. ...dân chúng **cử** ông ấy lên làm Tiết Độ Sứ để cai trị Giao Châu. Từ "**cử**" có nghĩa là:
   - *Được chọn ra để giao trách nhiệm.*
   - *Tự mình nhận lấy trách nhiệm.*
   - *Xóa bỏ khỏi danh sách.*

4. Cứ Nhà Đường lúc bấy giờ **suy nhược**, thế không ngăn cấm được... Từ "**suy nhược**" có nghĩa là:
   - *Giàu có hơn.*
   - *Sút kém và yếu đi.*
   - *Mạnh mẽ hơn.*

5. Nhà Đường lúc bấy giờ suy nhược, thế không **ngăn cấm** được... Từ "**ngăn cấm**" có nghĩa là:
   - *Cho phép làm.*
   - *Không cho phép làm.*
   - *Xem xét kỹ lưỡng.*

6. ...Khúc Thừa Mỹ sang sứ bên Quảng Châu, tiếng là kết hiếu với nhau, nhưng cốt để **thăm dò** mọi việc hư thực... Từ "**thăm dò**" có nghĩa là:
   - *Đi chơi.*
   - *Đi làm.*
   - *Tìm hiểu để biết cho rõ.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Khuc Thua Du von la mot nguoi hao phu trong xu, ma tinh lai khoan hoa, hay thuong nguoi, cho nen co nhieu nguoi kinh phuc.

Nha Duong luc bay gio suy nhuoc, the khong ngan cam duoc, cung thuan cho ong ay lam Tinh Hai Tiet Do Su va gia phong Dong Binh Chuong Su.

Khuc Thua Du lam Tiet Do Su duoc non mot nam thi mat, giao quyen lai cho con la Khuc Hao.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Năm 906, nhân khi trong trâu có loạn, dân chúng cữ ông ấy lên làm Tiết Độ Sứ để cay trị Giao Châu. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Năm 917 Khúc Hạo mấc, truyền nghiệp lạy tro con là Khúc Thừa Mỹ. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Bài Tập – Tập Làm Văn (Tường Thuật)

Dựa trên bài văn mẫu, em hãy lựa một trong những chủ đề dưới đây để viết một đoạn văn tường thuật.

- Một ngày lễ quan trọng.
- Một buổi tiệc sinh nhật.
- Một tai nạn.
- Một buổi cắm trại.

LIỆT KÊ SỰ KIỆN

CHUYỂN TIẾP	SỰ KIỆN	CHI TIẾT

SẮP XẾP THÀNH ĐOẠN VĂN

Em hãy sắp xếp các câu đã viết theo thứ tự và ráp thành một đoạn văn:

Bài 13: Ngô Quyền

Cử binh:	*send army to war*	**Tài trí:**	*talented, intelligent*
Phòng bị:	*take precaution*	**Thủy triều:**	*tide*
Khiêu chiến:	*to wage war*	**Chỉnh đốn:**	*reorganize*

Ngô Quyền đánh quân Nam Hán tại sông Bạch Đằng.

Năm 931 Dương Diên Nghệ là tướng của Khúc Hạo ngày trước nổi lên, mộ quân đánh đuổi bọn Lý Khắc Chính và Lý Tiến đi, rồi tự xưng làm Tiết Độ Sứ. Được sáu năm, Dương Diên Nghệ bị người nha tướng là Kiều Công Tiễn giết đi mà cướp lấy quyền.

Khi ấy có người tướng của Dương Diên Nghệ là Ngô Quyền cử binh đi đánh Kiều Công Tiễn để báo thù cho chúa. Ngô Quyền là người làng Đường Lâm, cùng một làng với Phùng Hưng ngày trước (huyện Phú Thọ, tỉnh Sơn Tây) làm quan với Dương Diên Nghệ. Dương Diên Nghệ thấy người có tài trí mới gả con gái và phong cho vào giữ Ái Châu (Thanh Hóa). Khi được tin Kiều Công Tiễn đã giết mất Dương Diên Nghệ, Ngô Quyền liền đem quân ra đánh.

Khi quân Hoằng Tháo vào gần đến sông Bạch Đằng, thì bên này Ngô Quyền đã giết được Kiều Công Tiễn (938), rồi một mặt truyền lệnh cho quân sĩ phải hết sức phòng bị, một mặt sai người lấy gỗ bọc sắt nhọn, cắm ngầm ở dưới lòng sông Bạch Đằng, xong rồi chờ đến lúc nước thủy triều lên, cho quân ra khiêu chiến. Quân Nam Hán đuổi theo. Đến lúc nước xuống, Ngô Quyền hồi quân đánh ập lại. Quân Nam Hán thua chạy, bao nhiêu thuyền mắc vào cọc gỗ thủng nát mất cả, người chết quá nửa. Hoằng Tháo bị Ngô Quyền bắt được, đem về giết đi.

Năm 939 Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa (thuộc huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên). Ngô Vương đặt quan chức, chế triều nghi, định phục sắc và chỉnh đốn việc chính trị trong nước, chí muốn dựng nghiệp lâu dài, nhưng chỉ làm vua được có 6 năm, đến năm 944 thì mất, thọ 47 tuổi.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Ai đã giết Dương Diên Nghệ?

_____

_____

_____

2. Ngô Quyền và Dương Diên Nghệ có quan hệ như thế nào?

_____

_____

_____

3. Vì sao Ngô Quyền lại giết Kiều Công Tiễn?

_____

_____

_____

4. Ngô Quyền xưng vương năm nào? Đóng đô ở đâu?

_____

_____

_____

5. Ngô Quyền làm vua được bao lâu?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...Dương Diên Nghệ bị người nha tướng là Kiều Công Tiễn giết đi mà **cướp** lấy quyền. Từ "**cướp**" có nghĩa là:

   - *Dùng bạo lực để giành lấy.*
   - *Nhường cho người khác.*
   - *Xin từ người khác.*

2. Khi ấy có người tướng của Dương Diên Nghệ là Ngô Quyền **cử binh** đi đánh Kiều Công Tiễn để báo thù cho chúa. Từ "**cử binh**" có nghĩa là:

   - *Đem quân đi đánh.*
   - *Kiếm người khác giúp.*
   - *Tự mình làm.*

3. ...truyền lệnh cho quân sĩ phải hết sức **phòng bị**... Từ "**phòng bị**" có nghĩa là:

   - *Cố gắng.*
   - *Chuẩn bị sẵn sàng để đối phó.*
   - *Không có chuẩn bị.*

4. ...chờ đến lúc nước **thủy triều** lên, cho quân ra khiêu chiến... Từ "**thủy triều**" có nghĩa là:

   - *Nước chảy.*
   - *Nước lên xuống.*
   - *Nước tụ lại.*

5. ...quân Nam Hán thua chạy, bao nhiêu thuyền **mắc** vào cọc gỗ thủng nát mất cả. Từ "**mắc**" có nghĩa là:

   - *Cắm xuống.*
   - *Treo lên.*
   - *Vướng, dính vào.*

6. Ngô Vương đặt quan chức, chế triều nghi, định phục sắc và **chỉnh đốn** việc chính trị trong nước... Từ "**chỉnh đốn**" có nghĩa là:

   - *Cứ theo như cũ.*
   - *Sắp đặt lại cho đúng phép tắc.*
   - *Xóa bỏ, không dùng nữa.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Duoc sau nam, Duong Dien Nghe bi nguoi nha tuong la Kieu Cong Tien giet di ma cuop lay quyen.

Khi duoc tin Kieu Cong Tien da giet mat Duong Dien Nghe, Ngo Quyen lien dem quan ra danh.

Quan Nam Han thua chay, bao nhieu thuyen mac vao coc go thung nat mat ca, nguoi chet qua nua.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Dương Diên Nghệ thấi người có tài trí mới gả con ghái và phông cho vào giữ Ái Châu. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Quân Nam Hán đuổi thêo. Đến lúc nướt xuống, Ngô Quyền hồi quân đáng ập lại. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tập Làm Văn – Miêu Tả Sự Vật

Khi miêu tả một sự vật như: một cây bút, một đóa hoa, một cái tủ, một cái máy thu thanh v.v., phương pháp chính được áp dụng là phương pháp ký họa. Ký họa là ghi và vẽ lại bằng lời văn cho người đọc cảm giác được mùi vị, âm thanh, màu sắc, hình dáng, v.v. của sự vật được miêu tả. Trong bài này chúng ta học về cách miêu tả những sự vật ở cùng chung với nhau.

Chúng ta biết rằng, trong thực tế các sự vật không đứng riêng rẽ nhưng ở chung với những sự vật khác và được xếp đặt bài trí trong một không gian giới hạn, như đồ đạc trong một phòng khách, trong một văn phòng, sách vở bày biện trên một bàn giấy v.v.. Sự vật phải miêu tả tùy theo tập hợp. Thí dụ: tập hợp sự vật là một phòng thì các sự vật là những đồ đạc trong phòng đó; tập hợp sự vật là một ngôi nhà lớn thì các sự vật là những căn phòng, những buồng, v.v..

PHƯƠNG PHÁP

Phương pháp căn bản để miêu tả một tập hợp sự vật là liệt kê miêu tả. Liệt kê nghĩa là kể ra từng sự vật; liệt kê miêu tả là vừa kể ra vừa miêu tả những sự vật. Tuy nhiên, khi miêu tả những sự vật trong một tập hợp, người ta không miêu tả rõ ràng từng chi tiết nhưng chỉ tả lại một vài nét đặc biệt của mỗi sự vật.

- **Kỹ Thuật Liệt Kê** – Trong việc liệt kê các sự vật, ta nên liệt kê trước hết các sự vật to lớn hoặc làm cho ta chú ý đến một cách đặc biệt.
- **Kỹ Thuật Miêu Tả** – Muốn mô tả các sự vật trong một tập hợp sự vật, ta nêu lên đặc điểm của sự vật đó hoặc định vị trí các sự vật.

LIỆT KÊ

Thí dụ:

Hãy tả một căn nhà vắng.

Trước hết, ta liệt kê tất cả các sự vật trong căn nhà, bắt đầu với sự vật lớn nhất và tiếp đến các sự vật ở chung quanh.

LIỆT KÊ	MIÊU TẢ
Cái giường.	
Cái tủ.	
Cái mắc áo.	
Bức địa đồ.	
Cái bàn.	
Thứ lặt vặt.	
Mấy đôi giày.	

MIÊU TẢ

Sau khi liệt kê tất cả các sự vật, ta tiếp tục miêu tả những sự vật đó. Chú ý tới vị trí, hình dáng và tình trạng các sự vật.

LIỆT KÊ	MIÊU TẢ
Cái giường.	— Giữa gian buồng. — Nhỏ.
Cái tủ.	— Bên cạnh giường. — Cao, khóa kín.
Cái mắc áo.	— Gần đó. — Nằm lay lắt.
Bức địa đồ.	— Trên tường. — Cũ kỹ.
Cái bàn.	— Dưới đất, xế cửa. — Con con.
Thứ lặt vặt.	— Trên bàn.
Mấy đôi giày.	— Trên bàn. — Lủng củng mấy đôi.

VIẾT THÀNH CÂU VĂN

Khi có đầy đủ thông tin, chúng ta dùng những thông tin đó để viết thành các câu văn:

Giữa gian buồng, có một cái giường nhỏ.

Bên cạnh, một chiếc tủ cao khóa kín.

Gần đấy, một cái mắc áo nằm lay lắt.

Trên tường có một bức địa đồ cũ kỹ.

Dưới đất, xế cửa một cái bàn con con.

Trên để mươi thứ lặt vặt và lủng củng mấy đôi giày...

SẮP XẾP THÀNH ĐOẠN VĂN

Chúng ta ráp những câu trên thành một đọan văn.

Một Căn Nhà

Nhà vắng teo. Giữa gian buồng, có một cái giường nhỏ. Bên cạnh, một chiếc tủ cao khóa kín. Gần đấy, một cái mắc áo nằm lay lắt; trên tường có một bức địa đồ cũ kỹ. Dưới đất, xế cửa một cái bàn con con, trên để mươi thứ lặt vặt và lủng củng mấy đôi giày...

Trong đoạn văn trên đây tác giả đã áp dụng triệt để phương pháp liệt kê miêu tả.

Liệt Kê: Một cái *giường*, một chiếc *tủ*, một cái *mắc áo*, một *bức địa đồ*, một cái *bàn*, mươi *thứ lặt vặt*, mấy *đôi giày*.

Miêu Tả: Để miêu tả, tác giả cho biết vị trí, hình dáng hoặc tình trạng các sự vật trong căn nhà bằng những tĩnh từ, trạng từ, động từ và giới từ.

Cho biết vị trí: *bên cạnh*, *gần đấy*, *giữa*, *trên*, *dưới*.

Cho biết tình trạng và hình dáng: *nhỏ*, *cao*, *nằm lay lắt*, *cũ kỹ*, *con con*, *lặt vặt*, *lủng củng*.

Bài Tập – Tập Làm Văn (Miêu Tả Sự Vật)

Áp dụng kỹ thuật trên đây, hãy chọn một trong những đề sau và thực tập miêu tả bằng những đoạn văn chừng 5 dòng:

- Tả căn phòng riêng của em.
- Tả lớp học của em.
- Tả sân vườn nhà em.

LIỆT KÊ	MIÊU TẢ

Dùng những chi tiết trong bảng Liệt Kê/Miêu Tả để viết thành một đoạn văn khoảng 5 dòng:

Bài 14: Đinh Bộ Lĩnh

Khôi ngô:	*bright, intelligent*	**Hào kiệt:**	*brave, talented person*
Hùng cứ:	*occupy and rule over*	**Hoàng đế:**	*emperor*
Trận mạc:	*battle area*	**Hàn vi:**	*poor, humble*

Đinh Bộ Lĩnh lập trận cờ lau.

Đinh Bộ Lĩnh là người ở Hoa Lư (huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình), con ông Đinh Công Trứ làm Thứ Sử ở Hoan Châu về đời Dương Diên Nghệ và đời Ngô Quyền. Đinh Công Trứ mất sớm. Bộ Lĩnh theo mẹ về quê ở, thường đi chơi với trẻ chăn trâu bò, bắt chúng khoanh tay làm kiệu để ngồi cho chúng rước, và lại lấy bông lau làm cờ bày trận đánh nhau. Trẻ xứ ấy đứa nào cũng sợ, tôn lên làm anh. Đến lúc khôn lớn lên, dân làng ở đấy theo phục rất nhiều, nhưng sau vì không hòa với chú, cho nên Bộ Lĩnh cùng với con là Liễn sang ở với Sứ Quân Trần Minh Công ở Bố Hải Khẩu (Phủ Kiến Xương, Thái Bình). Trần Minh Công thấy người khôi ngô có chí khí, đem lòng yêu mến, cho được giữ binh quyền. Đến khi Trần Minh Công mất, Đinh Bộ Lĩnh đem quân về giữ Hoa Lư, chiêu mộ những người hào kiệt, hùng cứ một phương. Năm 951 đời hậu Ngô Vương, Nam Tấn Vương và Thiên Sách Vương đã đem quân vào đánh không được. Đến khi nhà Ngô mất rồi, Đinh Bộ Lĩnh hàng được Sứ Quân Phạm Phòng Át, phá được Đỗ Cảnh Thạc. Từ đó đánh đâu được đấy, cho nên dân chúng tôn là Vạn Thắng Vương. Chỉ trong một năm mà dẹp được loạn 12 sứ quân và lập thành nghiệp đế.

Năm 968 Vạn Thắng Vương lên ngôi hoàng đế, tức là Tiên Hoàng Đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Năm 970 Tiên Hoàng đặt niên hiệu là Thái Bình Nguyên Niên. Tiên Hoàng bỏ trưởng lập ấu, cho đứa con út là Hạng Lang làm Thái Tử. Con trưởng là Nam Việt Vương Liễn đã theo Tiên Hoàng đi trận mạc từ thuở hàn vi, nay không được ngôi Thái Tử, lấy sự ấy làm tức giận bèn khiến người giết Hạng Lang đi. Ấy là gây nên mối loạn ở trong nhà.

Năm 979 vua Tiên Hoàng và Nam Việt Vương Liễn bị tên Đỗ Thích giết chết. Đình thần tìm bắt được Đỗ Thích đem làm tội, và tôn Vệ Vương Đinh Tuệ lên làm vua. Tiên Hoàng làm vua được 12 năm, thọ được 56 tuổi.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Bố của Đinh Bộ Lĩnh là ai?

_____

_____

_____

2. Hồi nhỏ Đinh Bộ Lĩnh thường chơi với các trẻ chăn trâu bò như thế nào?

_____

_____

_____

3. Đinh Bộ Lĩnh đã phò Sứ Quân nào?

_____

_____

_____

4. Vì sao Đinh Bộ Lĩnh được tôn làm Vạn Thắng Vương?

_____

_____

_____

5. Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế năm nào, lấy danh hiệu gì, đặt quốc hiệu là gì và đóng đô ở đâu?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Trần Minh Công thấy người **khôi ngô** có chí khí, đem lòng yêu mến, cho được giữ binh quyền. Từ "**khôi ngô**" có nghĩa là:

   - *Chậm chạp.*
   - *Khờ khạo.*
   - *Sáng sủa, thông minh.*

2. Đinh Bộ Lĩnh đem quân về giữ Hoa Lư, chiêu mộ những người hào kiệt, **hùng cứ** một phương. Từ "**hùng cứ**" có nghĩa là:

   - *Bỏ đi, nhường cho người khác.*
   - *Chiếm giữ một vùng.*
   - *Giao cho người khác cai quản.*

3. Đinh Bộ Lĩnh **hàng** được Sứ Quân Phạm Phòng Át. Từ "**hàng**" có nghĩa là:

   - *Bắt người khác chịu thua.*
   - *Cho người khác thắng.*
   - *Kêu mời người khác cộng tác.*

4. Từ đó đánh đâu được đấy, cho nên dân chúng **tôn** là Vạn Thắng Vương. Từ "**tôn**" có nghĩa là:

   - *Đày ra biên ải.*
   - *Đưa lên làm vua.*
   - *Giáng xuống làm thường dân.*

5. Tiên Hoàng bỏ trưởng lập ấu, cho đứa **con út** là Hạng Lang làm Thái Tử. Từ "**con út**" có nghĩa là:

   - *Con đầu tiên.*
   - *Con sau cùng.*
   - *Con trai.*

6. Con trưởng là Nam Việt Vương Liễn đã theo Tiên Hoàng đi trận mạc từ thuở **hàn vi**... Từ "**hàn vi**" có nghĩa là:

   - *Giàu sang.*
   - *Nghèo hèn.*
   - *Lúc còn nhỏ.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Bo Linh theo me ve que o, thuong di choi voi tre chan trau bo, bat chung khoanh tay lam kieu de ngoi, va lai lay bong lau lam co bay tran danh nhau.

Tran Minh Cong thay nguoi khoi ngo co chi khi, dem long yeu men, cho duoc giu binh quyen.

Nam 968 Van Thang Vuong len ngoi hoang de, tuc la Tien Hoang De, dat quoc hieu la Dai Co Viet, dong do o Hoa Lu.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Đến khi Trần Minh Công mấc, Đinh Bộ Lĩnh đem quân về giữ Hoa Lư, triêu mộ nhứng người hào kiệt, hùng cứ một phương. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Từ đó đáng đâu được đấi, cho nên dăn chúng tôn là Vạn Thắng Vương. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Bài Tập – Tập Làm Văn (Miêu Tả Sự Vật)

Hãy chọn một trong những đề sau và thực tập miêu tả bằng những đoạn văn chừng 5 dòng:

- Tả một căn phòng trong nhà em.
- Tả một công viên.
- Tả một ngôi nhà thờ hay ngôi chùa.

LIỆT KÊ	MIÊU TẢ

Dùng những chi tiết trong bảng Liệt Kê/Miêu Tả để viết thành một đoạn văn khoảng 5 dòng:

Đinh Bộ Lĩnh

Bài 15: Lê Đại Hành

Lộn xộn:	*disorder, disarray*	**Quân thủy chiến:**	*navy, naval force*
Ngăn địch:	*engage the enemy*	**Hội họp:**	*meet, discuss*
Thân chinh:	*personally lead the armed forces*	**Sứ giả:**	*ambassador*

Lê Hoàn người làng Bảo Thái, huyện Thanh Liêm nay là tỉnh Hà Nam, đã giúp vua Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn 12 sứ quân và làm quan đến chức Thập Đạo Tướng Quân dưới đời nhà Đinh. Khi triều đình nước ta lộn xộn, nhà Tống bên Tàu cử đại binh sang đánh.

Lê Hoàn được tôn làm vua, lấy hiệu là Lê Đại Hành.

Lê Hoàn cử Phạm Cự Lượng làm đại tướng quân, đem binh ra ải Chi Lăng chống cự, tự mình xuất quân thủy chiến ngăn địch ở sông Bạch Đằng. Trước khi xuất binh, Phạm Cự Lượng hội họp tướng sĩ bàn về việc lập Lê Hoàn lên làm vua. Quân sĩ và triều đình tôn ông lên làm vua. Lê Hoàn xưng đế, lấy hiệu là Lê Đại Hành rồi thân chinh đi đánh giặc.

Lê Đại Hành phá được quân Tống ở phía Bắc, xong đem quân đi dẹp loạn tại 49 bộ lạc Mường ở Hà Nam. Sau đó sang đánh Chiêm Thành ở phía Nam vì vua Chiêm bắt giam sứ giả nước ta. Quân ta chiến thắng và chiếm kinh đô của Chiêm Thành. Từ đấy Vua Lê Đại Hành cùng các quan cùng lo việc nước. Lê Đại Hành mất năm 1005, thọ 65 tuổi, làm vua được 24 năm. Nhà Tiền Lê làm vua được 3 đời.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Lê Đại Hành làm quan đến chức gì dưới triều nhà Đinh?

_____

_____

_____

2. Ai đã hội họp chiến sĩ để bàn việc lập Lê Hoàn lên làm vua?

_____

_____

_____

3. Lê Hoàn xưng đế, lấy hiệu là gì?

_____

_____

_____

4. Lê Đại Hành mất năm nào? Thọ bao nhiêu tuổi? Làm vua được bao nhiêu năm?

_____

_____

_____

5. Nhà Tiền Lê làm vua được bao nhiêu đời?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Lê Hoàn ... tự mình **xuất quân** thủy chiến ngăn địch ở sông Bạch Đằng. Từ "**xuất quân**" có nghĩa là:
   - *Đem quân đi đánh giặc.*
   - *Giữ quân ở một chỗ để bảo vệ.*
   - *Tập dợt binh lính.*

2. Lê Hoàn ... tự mình xuất quân thủy chiến **ngăn** địch ở sông Bạch Đằng. Từ "**ngăn**" có nghĩa là:
   - *Cản lại, chặn lại không cho tiến tới.*
   - *Cho qua.*
   - *Đuổi đi.*

3. ...Phạm Cự Lượng **hội họp** tướng sĩ bàn về việc lập Lê Hoàn lên làm vua. Từ "**hội họp**" có nghĩa là:
   - *Chia nhau để làm việc.*
   - *Cùng nhau làm việc.*
   - *Gặp mặt để bàn bạc.*

4. Lê Hoàn xưng đế, lấy hiệu là Lê Đại Hành rồi **thân chinh** đi đánh giặc. Từ "**thân chinh**" có nghĩa là:
   - *Bị người khác đánh.*
   - *Sai người khác đem quân đi đánh.*
   - *Tự mình đem quân đánh.*

5. Lê Đại Hành **phá** được quân Tống ở phía Bắc. Từ "**phá**" có nghĩa là:
   - *Đánh thắng, đánh tan.*
   - *Thua, bỏ chạy.*
   - *Thua, đầu hàng.*

6. Sau đó sang đánh Chiêm Thành ở phía Nam vì vua Chiêm bắt giam **sứ giả** nước ta. Từ "**sứ giả**" có nghĩa là:
   - *Người buôn bán ở nước ngoài.*
   - *Người đi lính.*
   - *Người được sai đi giao tiếp với nước khác.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Truoc khi xuat binh, Pham Cu Luong hoi hop tuong si ban ve viec lap Le Hoan len lam vua.

Le Hoan xung de, lay hieu la Le Dai Hanh roi than chinh di danh giac.

Le Dai Hanh pha duoc quan Tong o phia Bac, xong dem quan di dep loan tai 49 bo lac Muong o Ha Nam.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Khi triều đình nước ta lộng xộn, nhà Tống bên Tàu cữ đạy binh sang đánh. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Sau đó sanh đánh Chiêm Thành ở phía Nam vì vua Chiêm bắc giam sứ giã nước ta. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tập Làm Văn – Thư Tín

Nền văn minh của nhân loại đã thay đổi và đem lại nhiều phương tiện liên lạc mới. Những lá thư đã được viết vào những thế kỷ trước có thể được xem như những tài liệu lịch sử vì chúng chứa đựng rất nhiều thông tin về sự sinh sống, làm việc, trưởng thành và tử vong của con người thời ấy. Khi nhận được thư của thân bằng quyến thuộc từ phương xa, người ta vui mừng khôn tả. Vào lúc cả gia đình quây quần bên bếp lửa hoặc bàn ăn, họ cùng đọc và chia sẻ nội dung của thư. Ngày nay, sự tiến triển của khoa học và kỹ thuật đã cho phép những người thân cận giữ liên lạc với nhau một cách nhanh chóng và gần gũi, mặc dù họ ở những nơi xa cách nhau.

Những phương tiện liên lạc trong thời đại hiện nay gồm có điện thoại và điện tín (e-mail, texting, twitter, v.v..). Việc viết thư được coi như một tập tục cổ xưa của những thế hệ trước, thế nhưng một lá thư bằng giấy bằng mực vẫn có thể đem lại nhiều niềm vui cho người đọc và người viết. Bất kể là vài dòng ngắn gọn để thăm hỏi bạn hữu hoặc một văn bản cho người có thẩm quyền để giao dịch, việc viết thư chứng tỏ mình có sự cố gắng, tôn trọng, và lo lắng cho người khác.

Thư tín có nhiều loại như:

- Thư tín thăm viếng quyến thuộc,
- Thư tín xã giao thông thường,
- Thư tín thương mại,
- Văn thư hành chánh, ngoại giao, v.v..

Trong bài này, chúng ta sẽ học cấu trúc chung của thư tín và sẽ chú tâm vào loại thư tín xã giao thông thường.

PHƯƠNG PHÁP

1. Cho biết bối cảnh của thư

Em cần cung cấp tất cả những thông tin mà người đọc muốn biết ở phần đầu của thư, trước khi bắt đầu viết thân bài. Nếu em đang viết thư cho một người bạn thân, em không cần gì nhiều, ngoài ngày tháng để giúp bạn em biết được lá thư đã được viết lúc nào.

2. Bắt đầu với lời chào thích hợp

Phần mở đầu của bài thư phải được viết ở phía trái của trang thư, chứ không phải ở giữa hoặc bên phải. Thông thường trong một bản thư cho bạn hữu, người viết gọi tên người nhận và đi sau là hai chữ "thân mến" và dấu phết (Thí dụ: "*Ân Đức thân mến,*", "*Hương thân mến,*", v.v.). Nếu người nhận là người thân lớn tuổi, em có thể dùng "kính mến", "kính thương" để mở đầu (Thí dụ: "*Bác Dũng kính mến,*", "*Cậu Năm kính thương,*", v.v.).

3. Viết đoạn văn mở đầu

Nếu là thư bình thường giản dị, em có thể bắt đầu bằng việc thăm hỏi sức khoẻ và thời tiết (Thí dụ: "*Khoẻ không nào?*", "*Bạn vẫn mạnh giỏi chứ?*", "*Có gì mới mẻ không?*", v.v.). Nếu người nhận thư là người lớn tuổi hoặc chưa thân thuộc lắm, em nên xưng hô lễ phép và trịnh trọng hơn.

4. Viết thân bài thư

Đây là phần khác biệt giữa mọi lá thư. Thư thăm hỏi xã giao có thể dài hoặc ngắn tùy theo nội dung em muốn. Bất kể người nhận là ai, em cố gắng đừng nói lung tung. Làm sao giữ mỗi đoạn văn cho được hấp dẫn.

5. Dùng đoạn kết để cho biết sự đáp lời mà em mong mỏi

Nếu em muốn một lá thư hồi âm, em có thể viết, "*Nhớ viết thư cho tớ nhé*" hoặc "*Xin hồi âm cho tôi qua thư tín*". Nếu em muốn được gọi điện thoại, em có thể viết, "*Gọi tớ sơm sớm nhé*" hoặc "*Xin liên lạc với tôi bằng điện thoại*", v.v..

6. Viết lời chào tạm biệt

Những câu kết thư thông dụng cho thư xã giao gồm có "*Thân mến*", "*Thương mến*", và những xưng hô quan hệ như "*Học sinh của thầy*", v.v.. Cho những thư trịnh trọng hơn, em có thể dùng "*Thành thật cảm ơn*", "*Kính thư*", v.v..

BÀI MẪU

Thí dụ:

Hãy viết thư cảm ơn người bạn ở xa đã dẫn em đi chơi.

Chú thích: Trong lá thư này người viết xưng hô với bạn mình bằng "*tớ-cậu*".

Bối cảnh:

Ngày 4 tháng 7 năm 2009

Grand Prairie, TX 75051

Lời chào:

Khang thân mến,

Đoạn văn mở đầu:

Mới đây đã gần một tháng rồi. Cậu vẫn khỏe chứ?

Thân bài:

Cậu thật tận tâm dẫn tớ đi chơi vòng quanh thành phố rất xinh đẹp của California. Gia đình cậu rất hiếu khách và quảng đại. Cảm ơn cậu đã tập cho tớ lướt sóng ngoài biển. Tớ sẽ nhớ mãi thời gian ở San Diego vừa qua. Cho dù hơi ngắn ngủi, nhưng tớ giữ nhiều kỷ niệm và cảm tình với thành phố nắng mát, sạch sẽ của cậu.

Tớ muốn đề nghị với cậu và gia đình sang nhà tớ ở Grand Prairie, TX để thăm chơi. Bố mẹ tớ có thể chở chúng ta đi chỗ nào ăn ngon và những nơi thăm viếng rất thú vị. Ở đây đất đai rộng rãi, thoải mái, có chỗ xem đua ngựa và những di tích lịch sử nổi tiếng.

Đoạn văn kết thúc:

Tớ rất mong cậu sẽ sang đây thăm chơi. Đừng ngại về chỗ ăn ở. Gia đình tớ sẽ lo, như gia đình cậu đã hậu đãi chúng tớ vậy. Nhớ gửi thư cho tớ biết nếu cậu sang đây được.

Lời chào tạm biệt:

Mến thân,

Nguyễn Việt Nam

Bài Tập – Tập Làm Văn (Thư Tín)

Em hãy viết thư theo một trong những đề sau:

- Hỏi thăm một người bạn cũ nay theo học một trường khác ở thành phố khác.
- Cảm ơn người thân đã tặng quà sinh nhật.
- Hỏi thăm một người thân ở nơi xa.

Lê Đại Hành

Bài 16: Lý Công Uẩn

Nằm mộng:	*dream*	**Con nuôi:**	*adopted child*
Lập mưu:	*scheme, plot*	**Chật hẹp:**	*small, cramped*
Mở mang:	*expand, develop*	**Đô hội:**	*center of commerce*

Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long.

Lý Công Uẩn người ở làng Cổ Pháp, nay thuộc về huyện Đông Ngạn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (ở làng Đình Bảng có lăng và đền thờ nhà Lý).

Tục truyền rằng Công Uẩn không có cha. Mẹ là Phạm Thị đi chơi chùa Tiêu Sơn (làng Tiêu Sơn, phủ Từ Sơn), nằm mộng thấy đi lại với thần nhân rồi về có thai sanh ra đứa con trai. Lên ba tuổi đem cho người sư ở chùa Cổ Pháp tên là Lý Khánh Văn làm con nuôi, mới đặt tên là Lý công Uẩn.

Công Uẩn lớn lên vào Hoa Lư làm quan nhà Tiền Lê, đến chức Tả Thân Vệ Điện Tiền Chỉ Huy Sứ. Khi Lê Long Đĩnh mất, thì Lý Công Uẩn đã ngoài 35 tuổi. Bấy giờ lòng người đã oán giận nhà Tiền Lê lắm. Ở trong triều có bọn Đào Cam Mộc cùng với sư Vạn Hạnh lập mưu tôn Lý Công Uẩn lên làm vua. Lý Công Uẩn bèn lên ngôi hoàng đế, tức là vua Thái Tổ nhà Lý.

Thái Tổ thấy đất Hoa Lư chật hẹp không thể mở mang ra làm chỗ đô hội được, bèn định dời đô về Đại La. Tháng 7 năm 1010, thì khởi sự dời đô. Khi ra đến Đại La, Thái Tổ lấy cớ có điềm trông thấy rồng vàng hiện ra, bèn đổi Đại La thành Thăng Long, tức là thành Hà Nội bây giờ. Cải Hoa Lư làm Trường An Phủ và Cổ Pháp làm Thiên Đức Phủ.

Thái Tổ trị vì được 19 năm thì mất, thọ 55 tuổi.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Lý Công Uẩn là con nuôi của ai?

_____

_____

_____

2. Lý Công Uẩn làm quan đến chức nào dưới triều nhà Tiền Lê?

_____

_____

_____

3. Ai đã lập mưu để đưa Lý Công Uẩn lên làm vua?

_____

_____

_____

4. Khi Lý Công Uẩn lên ngôi, lấy hiệu là gì?

_____

_____

_____

5. Vì sao Đại La được đổi tên thành Thăng Long?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...Phạm Thị đi chơi chùa Tiêu Sơn, **nằm mộng** thấy đi lại với thần nhân... Từ "**nằm mộng**" có nghĩa là:

   - *Đọc sách.*
   - *Gặp mặt.*
   - *Ngủ mơ.*

2. Lên ba tuổi đem cho người sư ở chùa Cổ Pháp tên là Lý Khánh Văn làm **con nuôi**. Từ "**con nuôi**" có nghĩa là:

   - *Con đẻ.*
   - *Không phải con đẻ.*
   - *Mồ côi.*

3. ...Đào Cam Mộc cùng với sư Vạn Hạnh **lập mưu** tôn Lý Công Uẩn lên làm vua. Từ "**lập mưu**" có nghĩa là:

   - *Cãi nhau.*
   - *Cùng đi với nhau.*
   - *Đặt ra mưu kế để đạt mục đích.*

4. Thái Tổ thấy đất Hoa Lư **chật hẹp** không thể mở mang... Từ "**chật hẹp**" có nghĩa là:

   - *Không đẹp, xấu.*
   - *Quá nhỏ, quá đông.*
   - *Rộng lớn.*

5. Thái Tổ thấy đất Hoa Lư chật hẹp không có thể **mở mang**... Từ "**mở mang**" có nghĩa là:

   - *Làm cho đẹp hơn.*
   - *Làm cho rộng lớn hơn.*
   - *Làm cho thẳng hơn.*

6. Tháng 7 năm 1010, thì **khởi sự** dời đô. Từ "**khởi sự**" có nghĩa là:

   - *Bắt đầu.*
   - *Kết thúc.*
   - *Tiếp tục.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Ly Cong Uan ben len ngoi hoang de, tuc la vua Thai To nha Ly.

Thai To thay dat Hoa Lu chat hep khong the mo mang ra lam cho do hoi duoc, ben dinh doi do ve Dai La.

Khi ra den Dai La, Thai To lay co co diem trong thay rong vang hien ra, ben doi Dai La thanh Thang Long.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Công Uẩn lớn lân vào Hoa Lư làm quanh nhà Tiền Lê, đễn chức Tả Thân Vệ Điện Tiền Chỉ Huy Sứ. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Đào Cam Mộc cũng với sư Vạn Hạnh lật mưu tôn Lý Công Uẩn lên lám vua. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Bài Tập – Tập Làm Văn (Thư Tín)

Em hãy viết thư theo một trong những đề sau:

- Chúc mừng sinh nhật của một người bạn.
- Mời một người bạn tới tham dự một buổi tiệc.
- Hỏi thăm sức khỏe của một người thân.

Bài 17: Lý Thường Kiệt

Cương trực:	*righteous, ethical*	**Nản lòng:**	*discouraged*
Xâm phạm:	*invade*	**Trừng phạt:**	*punish*
Chính sách:	*policy*	**Ngoại giao:**	*diplomacy*

Lý Thường Kiệt

Lý Thường Kiệt là người Thăng Long, tướng mạo đẹp đẽ, võ nghệ cao cường, tính tình cương trực.

Đời Lý Nhân Tông, thấy nhà Tống có ý gây chiến với nước ta, Lý Thường Kiệt xin vua cho đem quân đi đánh trước. Chỉ trong một tháng, quân Đại Việt đã chiếm được ba thành lớn của nhà Tống. Cuối năm 1077, nhà Tống sai Quách Quỳ đem quân sang đánh nước ta nhưng bị Lý Thường Kiệt đánh tan tại sông Như Nguyệt và Kháo Túc. Trong trận chiến đó, Lý Thường Kiệt sợ quân Đại Việt nản lòng, nên đã làm 4 câu thơ sau:

Nam Quốc sơn hà Nam Đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành kha tiểu bại hư.

Nghĩa là nước Nam trời đã dành cho người Nam, quân nào xâm phạm sẽ bị trừng phạt.

Đến khi ông 70 tuổi, quân Chiêm Thành sang phá nước ta. Lý Thường Kiệt xin vua cho đem quân đi dẹp giặc. Sau khi chiến thắng, Lý Thường Kiệt kéo binh về nước, được một năm thì mất.

Lý Thường Kiệt có công "phá Tống bình Chiêm", tài cầm quân cao đã đành mà đến chính sách nội trị và ngoại giao cũng khéo. Lý Thường Kiệt lại không tự ái quá, biết trọng quyền lợi chung.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vị anh Hùng nào đã "Phá Tống bình Chiêm"?

_____

_____

_____

2. Tại sao Lý Thường Kiệt xin vua cho ông đem binh đánh Tống trước?

_____

_____

_____

3. Chỉ trong vòng một tháng, quân ta chiếm được bao nhiêu thành của nhà Tống?

_____

_____

_____

4. Nhà Tống sai Quách Quỳ đem quân sang đánh nước ta, nhưng bị Lý Thường Kiệt đánh ở đâu?

_____

_____

_____

5. Lý Thường Kiệt đem binh đi đánh Chiêm Thành lúc ông bao nhiêu tuổi?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Lý Thường Kiệt là người Thăng Long, tướng mạo đẹp đẽ, võ nghệ cao cường, tính tình **cương trực**. Từ "**cương trực**" có nghĩa là:

   - *Cứng rắn, ngay thẳng.*
   - *Nhu nhược, mềm yếu.*
   - *Xảo quyệt, dối trá.*

2. ...Lý Thường Kiệt sợ quân Đại Việt **nản lòng**, nên đã làm 4 câu thơ... Từ "**nản lòng**" có nghĩa là:

   - *Hăng hái.*
   - *Không muốn tiếp tục, sợ khó khăn.*
   - *Lười biếng, không muốn làm.*

3. ...nước Nam trời đã dành cho người Nam, quân nào **xâm phạm** sẽ bị trừng phạt... Từ "**xâm phạm**" có nghĩa là:

   - *Giúp đỡ.*
   - *Lấn quyền lợi, làm tổn hại.*
   - *Xây dựng.*

4. ...nước Nam trời đã dành cho người Nam, quân nào xâm phạm sẽ bị **trừng phạt**... Từ "**trừng phạt**" có nghĩa là:

   - *Giúp đỡ.*
   - *Khen thưởng.*
   - *Trị tội.*

5. ...tài cầm quân cao đã đành mà đến chính sách nội trị và **ngoại giao** cũng khéo. Từ "**ngoại giao**" có nghĩa là:

   - *Buôn bán với nước ngoài.*
   - *Giao thiệp với nước ngoài.*
   - *Thần phục nước ngoài.*

6. Lý Thường Kiệt lại không **tự ái** quá, biết trọng quyền lợi chung. Từ "**tự ái**" có nghĩa là:

   - *Coi trọng mình, dễ bực tức khi bị xúc phạm.*
   - *Coi trọng người khác.*
   - *Khinh thường người khác.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Doi Ly Nhan Tong, thay nha Tong co y gay chien voi nuoc ta, Ly Thuong Kiet xin vua cho dem quan di danh truoc.

Sau khi chien thang, Ly Thuong Kiet keo binh ve nuoc, duoc mot nam thi mat.

Ly Thuong Kiet co cong "pha Tong binh Chiem", tai cam quan cao da danh ma den chinh sach noi tri va ngoai giao cung kheo.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Lý Thường Kiệt là người Thăng Long, tướng mạo đẹp đẽ, võ ngệ cao cường, tính tìn cươn trực. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Chỉ trong một thánh, quân Đại Việt đá chiếm đượt ba thành lớn của nhà Tống. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tập Làm Văn – So Sánh

So sánh là sự xem xét và đối chiếu sự vật, cái này với cái kia, sự việc này sự việc kia, để thấy sự giống nhau, khác nhau, hơn kém nhau. Trong sinh hoạt hàng ngày, chúng ta thường có sự so sánh khi chọn lựa một vật, một sự việc, hoặc một vị trí, và sau sự chọn lựa, chúng ta luôn quyết định để lấy cái tốt nhất, giá trị nhất và thuận tiện nhất với những lý do chúng ta cho rằng hợp lý và chính đáng.

Trong một bài văn thể loại so sánh, chúng ta tập trung ý tưởng và viết ra những chi tiết của hai vật mà chúng ta muốn so sánh, với mục đích là cho người đọc thấy được những điểm giống nhau hoặc khác nhau của những vật đó, cùng với những ưu điểm và những khuyết điểm của chúng. Do đó, khi viết một bài văn so sánh, chúng ta cần phải có đầy đủ những tin tức và nắm rõ những chi tiết của hai sự vật chúng ta muốn so sánh.

CẤU TRÚC

Có hai cách để bố trí bài văn:

Theo Sự Vật	Theo Điểm So Sánh
Người viết miêu tả tất cả các điểm so sánh cho một sự vật rồi sau đó miêu tả sự vật còn lại theo đúng thứ tự chi tiết của đoạn trước. Phương pháp này thường được dùng cho những bài viết ngắn hoặc khi có ít các điểm so sánh. I. Mở Bài II. Vật A ▪ Điểm So Sánh 1 ▪ Điểm So Sánh 2 ▪ Điểm So Sánh 3 III. Vật B ▪ Điểm So Sánh 1 ▪ Điểm So Sánh 2 ▪ Điểm So Sánh 3 IV. Kết Luận	Người viết lần lượt bàn về sự vật này rồi đến sự vật kia theo từng điểm. Trong những bài văn dài, phương pháp này có vẻ tự nhiên hơn. I. Mở Bài II. Điểm So Sánh 1 ▪ Vật A ▪ Vật B III. Điểm So Sánh 2 ▪ Vật A ▪ Vật B IV. Điểm So Sánh 3 ▪ Vật A ▪ Vật B V. Kết Luận

ĐIỂM SO SÁNH

Thí dụ:

So sánh thức ăn tươi và đồ hộp

Trước hết chúng ta viết xuống các điểm so sánh giữa thức ăn tươi và đồ hộp như sau:

ĐIỂM SO SÁNH	A Thức Ăn Tươi	B Đồ Hộp
Mùi vị		
Lợi ích sức khỏe		
Sự thuận tiện		

Sau đó, chúng ta thêm chi tiết cho từng điểm so sánh:

ĐIỂM SO SÁNH	A Thức Ăn Tươi	B Đồ Hộp
Mùi vị	— thơm ngon — tự nhiên	— có chất hóa học
Lợi ích sức khỏe	— giữ được những dinh dưỡng tự nhiên	— được ướp với hóa chất — có thể gây độc
Sự thuận tiện	— tốn thời gian và công sức	— thuận tiện, không đòi hỏi thời gian khi chuẩn bị, nấu

CHỌN CẤU TRÚC

Kế đến chúng ta chọn một trong hai cách cấu trúc để trình bày. Trong trường hợp này, chúng ta bố trí theo từng điểm so sánh. Chúng ta dùng những chi tiết được liệt kê để viết thành câu văn:

> Thức ăn tươi rất thơm ngon và ngọt ngào vì chúng còn giữ được tất cả những tính chất tự nhiên.

> Đồ hộp mất đi rất nhiều mùi vị tự nhiên, và thay vào đó, chúng có thêm những hóa chất.

Chúng ta tuần tự viết từng câu văn cho từng điểm so sánh.

CHUYỂN CÂU

Ngoài những chi tiết về các điểm giống và khác nhau của sự vật, chúng ta cũng cần phải chú trọng dùng những từ nối chuyển câu hoặc các câu chuyển tiếp để giúp những ý chính của bài văn được rõ nghĩa hơn và làm tăng sự gợi hình gợi cảm cho người đọc.

1. Khi so sánh các chi tiết giống nhau, chúng ta có thể dùng những từ nối chuyển câu như:

   Thêm vào đó, giống như vậy, cũng thế, không khác gì, ...

2. Khi so sánh các chi tiết khác nhau, chúng ta có thể dùng những từ nối chuyển câu như:

   Tuy nhiên, nói một cách khác, trái lại, ngược lại, ngay cả, không như, mặc dù, ...

Sau khi chúng ta có các chi tiết về những điểm giống và khau nhau, chúng ta có thể thêm những từ nối chuyển câu như sau:

Điểm khác nhau dễ chú ý nhất giữa hai loại thức ăn là mùi vị.

Thức ăn tươi rất thơm ngon và ngọt ngào vì chúng còn giữ được tất cả những tính chất tự nhiên.

Ngược lại, đồ hộp mất đi rất nhiều mùi vị tự nhiên, và thay vào đó, chúng có thêm những hóa chất.

SẮP XẾP THÀNH BÀI VĂN

Cuối cùng với những chi tiết cùng các từ nối chuyển câu, chúng ta viết thành một bài văn.

Dùng Thức Ăn Tươi Thay Vì Đồ Hộp

Con người chúng ta ăn ít nhất hai lần trong mỗi ngày. Đất nước nơi chúng ta sống có rất nhiều thứ thức ăn khác nhau, và chúng ta phải chịu trách nhiệm cho những gì chúng ta tiêu dùng. Những món chúng ta chọn sẽ ảnh hưởng đến cơ thể của chúng ta. Thức ăn tươi và đồ hộp có ba điểm khác nhau: mùi vị, lợi ích sức khoẻ, và sự thuận tiện.

Điểm khác nhau dễ chú ý nhất giữa hai loại thức ăn là mùi vị. Thức ăn tươi rất thơm ngon và ngọt ngào vì chúng còn giữ được tất cả những tính chất tự nhiên. Ngược lại, đồ hộp mất đi rất nhiều mùi vị tự nhiên, và thay vào đó, chúng có thêm những hóa chất. Cho nên, thức ăn tươi ngon hơn đồ hộp.

So sánh giữa hai loại thức ăn, chúng ta thấy thêm một điểm khác biệt nữa. Thức ăn tươi cung cấp dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể chúng ta. Mặt khác, đồ hộp đã đánh mất đi những chất bổ nguyên gốc từ khi được chứa đựng. Hơn nữa chúng đã được ướp với những hóa chất để giữ gìn được lâu, nhưng những chất đó có thể trở nên độc hại cho cơ thể.

Còn một điểm khác nữa là sự thuận tiện. Đồ hộp được dễ dàng tìm trong những siêu thị, và chúng không đòi hỏi nhiều thời giờ để chuẩn bị trước khi dùng. Trong khi đó, thức ăn tươi cần phải được rửa sạch sẽ và tốn nhiều công sức để nấu. So với thức ăn tươi, đồ hộp thuận tiện hơn.

Như chúng ta thấy, thức ăn tươi và đồ hộp có ba điểm khác biệt. Mỗi người đều có những sở thích riêng về thức ăn, tùy theo thời giờ mỗi người có và tầm quan trọng họ đặt trên sức khoẻ. Vì thế, điều đáng nhắc là bạn nên lưu ý và chọn loại thức ăn thích hợp nhất cho cuộc sống của bạn.

Bài Tập – Tập Làm Văn (So Sánh)

Hãy chọn một trong những đề sau để viết một bài văn so sánh:

- Hai loại trái cây.
- Hai trò chơi.
- Hai món ăn.
- Hai căn nhà.

ĐIỂM SO SÁNH	A	B

Dùng những chi tiết trong bảng So Sánh để viết thành một bài văn:

Bài 18: Hà Nội – Ngàn Năm Văn Vật

Kinh đô:	*capital*	**Di tích:**	*remains, vestige*
Lưu truyền:	*handed down, passed on*	**Nhân tạo:**	*man-made*
Mồ:	*grave*	**Du khách:**	*tourist*

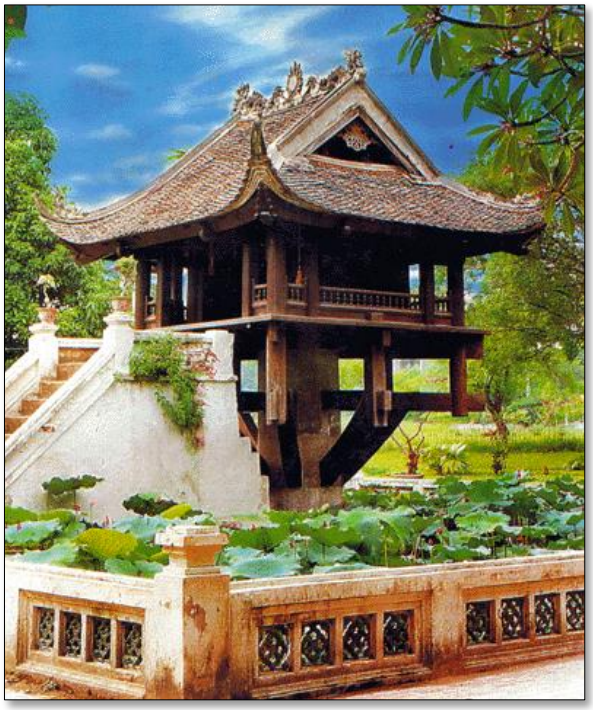

Hà Nội đất ngàn năm văn vật, đã từng là kinh đô của các vị vua nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê... nên có rất nhiều di tích lịch sử còn lưu truyền lại từ đời xưa.

Về núi thì có Núi Nùng, một gò đất không cao lắm, trên có bàn thờ Long Đỗ, nên còn có tên là Núi Rốn Rừng. Mấy núi khác như Núi Sưa (Sưa Sơn), Núi Khăn, Núi Cung, Núi Ngũ Nhạc đều là núi nhân tạo thấp bé. Ngoài dòng Sông Nhị, còn Sông Tô Lịch ngày nay nhỏ hẹp, nhiều đoạn đã bị lấp thành phố xá. Hồ Tây, Hồ Trúc Bạch, Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Bảy Mẫu là những hồ lớn mà tên tuổi đã gắn liền với đất Thăng Long. Gò Đống Đa là một trong số hàng chục gò dùng làm mồ chôn xác quân nhà Mãn Thanh hiện nay còn sót lại. Chùa tại Hà Nội thường được xây cất từ đời nhà Lý như Chùa Một Cột, Chùa Hòe Nhai, Chùa Kim Liên cũng gọi là Chùa Từ Hoa (kỷ niệm công chúa Lý Từ Hoa ra đó chăn tằm, niệm Phật), Chùa Quán Sứ... Đền thì có Đền Ngọc Sơn, Đền Quan Thánh, Đền Hai Bà Trưng, Đền Đồng Cổ, Đền Bạch Mã, Đền Bích Câu ghi dấu vết chàng Tú Uyên đời Trần đã gặp tiên. Ngoài ra lại có Văn Miếu thờ đức Khổng Tử và Võ Miếu, nơi Tổng Đốc Hoàng Diệu đã treo cổ chết theo thành Hà Nội.

Di tích lịch sử tại Hà Nội còn rất nhiều ở rải rác khắp ba mươi sáu phố phường, mà du khách muốn tới thăm phải để ra nhiều ngày mới có thể thăm viếng.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Hà Nội đã từng là kinh đô dưới những triều đại nào?

_____

_____

_____

2. Núi Nùng còn được gọi là gì?

_____

_____

_____

3. Chùa Một Cột được xây cất dưới triều đại nào?

_____

_____

_____

4. Vì sao chùa Kim Liên còn được gọi là chùa Từ Hoa?

_____

_____

_____

5. Hà Nội có bao nhiêu phố phường?

_____

_____

_____

◄ *Văn Miếu Quốc Tự Giám*

Hồ Hoàn Kiếm ▼

Đền Ngọc Sơn ►

▲ *Hậu Lâu (Thành Cổ Hà Nội)*

Chùa Một Cột ▼

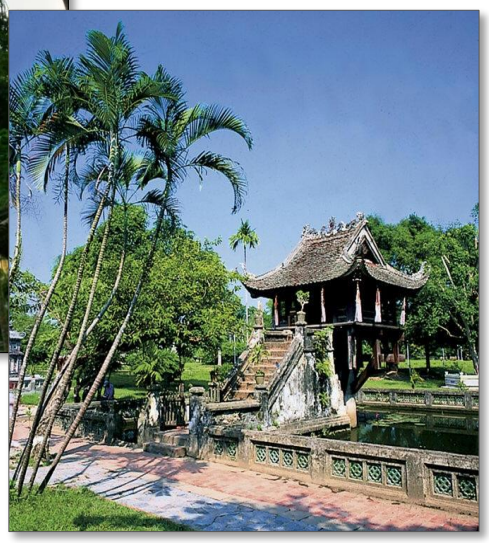

◄ *Chùa Trấn Quốc*

Chùa Thầy ▼

▲ *Đền Quán Thánh, một trong bốn đền thờ để trấn giữ bốn cửa ngõ thành Thăng Long khi xưa. Đền Quán Thánh trấn giữ cửa Bắc kinh thành.*

Phố Cổ Hà Nội ►

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Hà Nội đất ngàn năm văn vật, đã từng là **kinh đô** của các vị vua nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê ... Từ "**kinh đô**" có nghĩa là:

   - *Nơi nhà vua đánh giặc.*
   - *Nơi nhà vua đóng đô.*
   - *Nơi nhà vua nghỉ mát.*

2. ...nên có rất nhiều **di tích** lịch sử còn lưu truyền lại từ đời xưa. Từ "**di tích**" có nghĩa là:

   - *Dấu vết từ xưa còn lại.*
   - *Sách vở cũ của thời xưa.*
   - *Truyện cổ tích thời xưa.*

3. ...nên có rất nhiều di tích lịch sử còn **lưu truyền** lại từ đời xưa. Từ "**lưu truyền**" có nghĩa là:

   - *Chuyển từ đời này đến đời kia.*
   - *Chuyển từ người này tới người kia.*
   - *Chuyển từ nơi này đến nơi kia.*

4. Mấy núi khác như núi Sưa (Sưa Sơn), núi Khăn, núi Cung, núi Ngũ Nhạc đều là núi **nhân tạo** thấp bé. Từ "**nhân tạo**" có nghĩa là:

   - *Do con người làm ra.*
   - *Do mua lại của nước khác.*
   - *Tự nhiên có.*

5. Di tích lịch sử tại Hà Nội còn rất nhiều ở **rải rác** khắp ba mươi sáu phố phường... Từ "**rải rác**" có nghĩa là:

   - *Ở bên cạnh.*
   - *Ở một chỗ.*
   - *Ở nhiều nơi.*

6. ...**du khách** muốn tới thăm phải để ra nhiều ngày mới có thể thăm viếng. Từ "**du khách**" có nghĩa là:

   - *Khách được mời.*
   - *Khách du lịch.*
   - *Khách tham dự buổi tiệc.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Ha Noi dat ngan nam van vat, da tung la kinh do cua cac vi vua nha Ly, nha Tran, nha Le...

Ho Tay, Ho Truc Bach, Ho Hoan Kiem, Ho Bay Mau la nhung ho lon ma ten tuoi da gan lien voi dat Thang Long.

Di tich lich su tai Ha Noi con rat nhieu o rai rac khap ba muoi sau pho phuong.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Về núi thì có Núi Nùng, mộc gò đất không cao lắm, trên có bàng thờ Long Đỗ, nên còn có tên là Núi Rốn Rừng. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Gò Đống Đa là một trông số hằng chục gò dùng làm mồ trôn xác quân nhà Mãn Thanh hiện nay còn sót lại. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Bài Tập – Tập Làm Văn (So Sánh)

Hãy chọn một trong những đề sau để viết một bài văn so sánh:

- Hai cái áo.
- Hai bộ phim.
- Hai môn thể thao.
- Hai chiếc xe.

ĐIỂM SO SÁNH	A	B

Dùng những chi tiết trong bảng So Sánh để viết thành một bài văn:

Bài 19: Cố Đô Huế

Kinh đô:	*capital*	**Cung điện:**	*palace*
Nổi tiếng:	*famous*	**Dân cư:**	*inhabitants*
Bình phong:	*screen*	**Che chở:**	*protect*

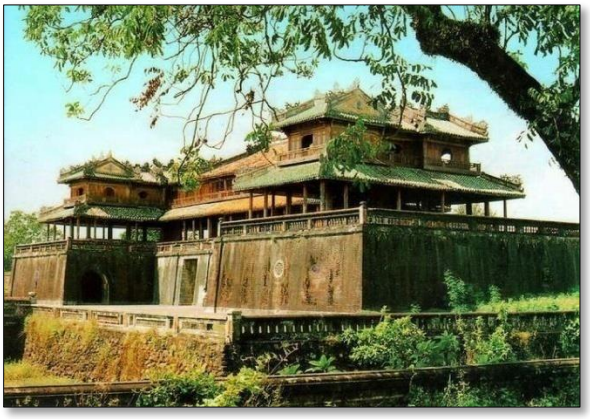

Ở miền Trung có thành phố Huế còn được gọi là "*Cố Đô Huế*", vì Huế là kinh đô của các vua nhà Nguyễn.

Huế gồm có hai phần là Thành Nội và các phường buôn bán cũ ở phía sông Hương, cùng các phố xá kiểu mới, ở bờ nam Sông Hương. Nối hai bên là cầu Trường Tiền dài khoảng 401 m, cầu Bạch Hổ cho xe lửa chạy qua và cầu Mới. Trong Thành Nội có lâu đài, cung điện của các vị vua triều Nguyễn. Phía dân chúng ở ngoài Thành Nội, có Chợ Đông Ba, Chợ Kim Long, Phường Gia Hội, Chùa Diệu Đế, Chùa Thiên Mụ...

Xuôi dòng sông Hương qua Đập Đá là các làng nổi tiếng trong thơ văn như Làng Vĩ Dạ, Làng Nam Phổ, trên đường ra bãi biển nghỉ mát Thuận An. Phía Nam gần đường sắt là phường Phú Cam, rất đông dân cư rồi tới bến Ngự, nơi vua Tự Đức đã tới xem chiếc tàu thủy chạy bằng máy lần đầu tiên do Pháp đem sang Việt Nam. Kế đó là đàn Nam Giao, một khu đất rộng, lộ thiên là nơi trước đây ba năm một lần các vị vua nhà Nguyễn ra làm lễ tế trời đất. Bên phải Nam Giao là núi Ngự Bình, cao chưa tới một trăm mét, nhưng được triều Nguyễn rất quý, coi như là tấm bình phong che chở cho kinh thành Huế.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Thành phố Huế ở miền nào?

_____

_____

_____

2. Vì sao thành phố Huế còn được gọi là "Cố Đô Huế"?

_____

_____

_____

3. Lâu đài, cung điện của các vua nhà Nguyễn ở đâu?

_____

_____

_____

4. Vua Tự Đức đã tới đâu để xem chiếc tàu thủy chạy bằng máy lần đầu tiên?

_____

_____

_____

5. Các vì vua nhà Nguyễn làm lễ tế trời đất ở đâu?

_____

_____

_____

◄ *Kinh Thành Huế*

Chùa Thiên Mụ ▼

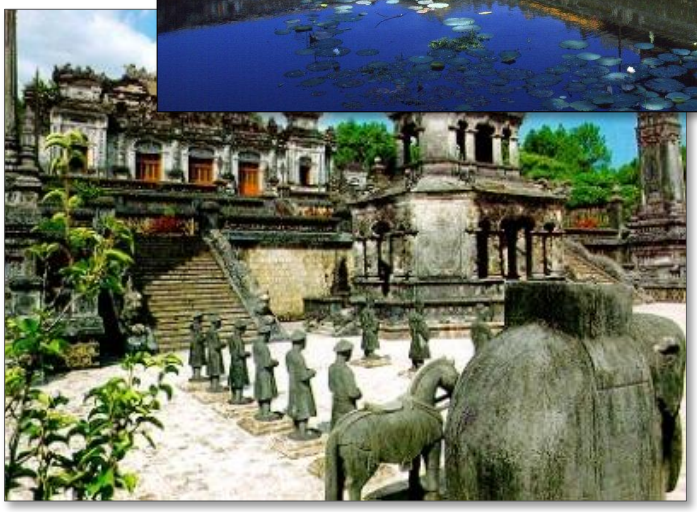

▲ *Lăng Khải Định*

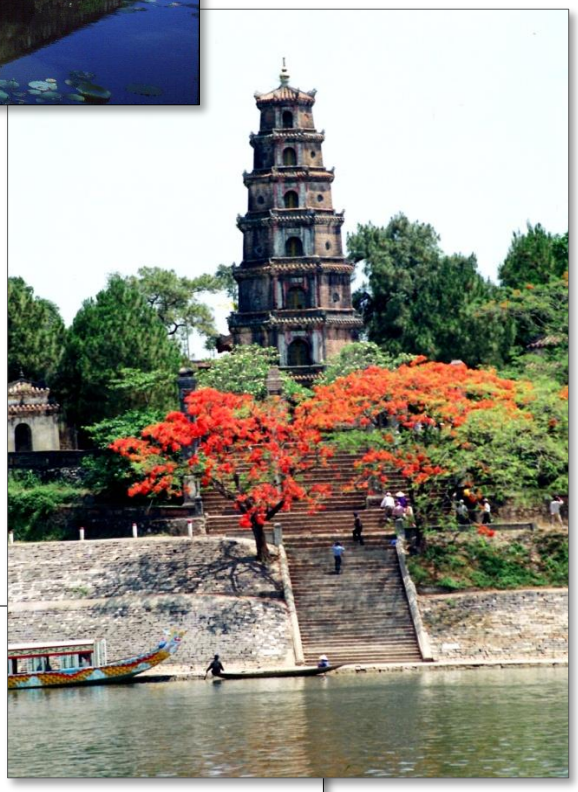

▲ *Lăng Tự Đức*

Sông Hương ►

▼ *Núi Ngự*

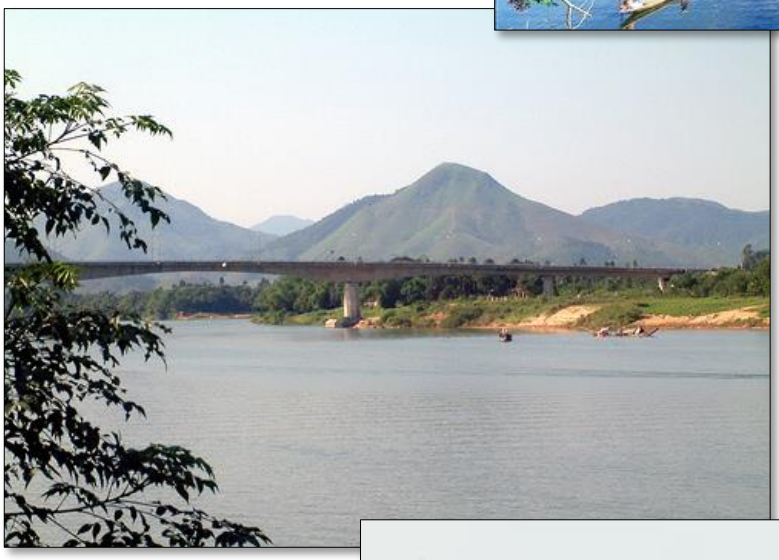

▲ *Cầu Tràng Tiền*

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. **Xuôi dòng** sông Hương qua Đập Đá là các làng nổi tiếng trong thơ văn... Từ "**xuôi dòng**" có nghĩa là:

   - *Đầu dòng nước chảy.*
   - *Ngược dòng nước chảy.*
   - *Theo dòng nước chảy.*

2. Xuôi dòng sông Hương qua Đập Đá là các làng **nổi tiếng** trong thơ văn... Từ "**nổi tiếng**" có nghĩa là:

   - *Được nhiều người biết.*
   - *Rất ít người biết.*
   - *Rất rộng lớn.*

3. Phía Nam gần đường sắt là phường sắt là phường Phú Cam, rất đông **dân cư**... Từ "**dân cư**" có nghĩa là:

   - *Người địa phương.*
   - *Người hàng xóm.*
   - *Người ngoại quốc.*

4. Kế đó là đàn Nam Giao, một khu đất rộng, **lộ thiên** là nơi... các vị vua nhà Nguyễn ra làm lễ tế trời đất. Từ "**lộ thiên**" có nghĩa là:

   - *Ở ngoài trời, không có gì che.*
   - *Ở trên thành.*
   - *Ở trong nhà.*

5. ...núi Ngự Bình... được triều Nguyễn... coi như là **tấm bình phong** che chở cho kinh thành Huế. Từ "**tấm bình phong**" có nghĩa là:

   - *Vật dùng để ngăn.*
   - *Vật dùng làm biểu tượng.*
   - *Vật được giữ kín.*

6. ...núi Ngự Bình... được triều Nguyễn... coi như là tấm bình phong **che chở** cho kinh thành Huế. Từ "**che chở**" có nghĩa là:

   - *Bảo vệ.*
   - *Phá đổ.*
   - *Tấn công.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

O mien Trung co thanh pho Hue con duoc goi la "Co Do Hue", vi Hue la kinh do cua cac vua nha Nguyen.

Trong Thanh Noi co lau dai, cung dien cua cac vi vua trieu Nguyen.

Ke do la dan Nam Giao, mot khu dat rong, lo thien la noi truoc day ba nam mot lan cac vi vua nha Nguyen ra lam le te troi dat.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Huế gờm có hai phần là Thành Nội và cách phường buôn bán cũ ở phía Xông Hương. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Xuôi dồng sông Hương qua Đập Đá là cắc làng nổi tiếng chong thơ văn như Làng Vĩ Dạ, Làng Nam Phổ... (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tập Làm Văn – Tranh Luận

Một văn bản tranh luận được dùng để chứng minh rằng sự khẳng định (quan điểm, lý thuyết, hoặc giả thuyết) của mình là đúng hơn so với những ý kiến của người khác. Văn tranh luận có nhiều loại như:

- Nêu ra những thuận lợi và bất lợi,
- Bày tỏ quan điểm/cung cấp giải pháp,
- Bày tỏ sự đồng ý hoặc khác ý về một vấn đề, hoặc
- So sánh và tương phản các vật hoặc người.

Sự tranh luận xảy ra khi hai nhóm người không đồng ý với nhau. Chúng ta có thể đưa ra những lý do để xác minh quan điểm của mình, nhưng việc thuyết phục nhóm đối lập sẽ gặp khó khăn nếu lý lẽ của chúng ta không vững chắc. Vì thế, nền tảng của bài văn phải là một quan điểm có thể biện hộ được với bằng chứng và chi tiết. Mục đích chính của loại văn này là để thay đổi ý kiến của người đọc, làm cho họ đồng ý với người viết. Cho nên, chúng ta phải viết với sự khách quan, hợp lý, và tôn trọng.

Sau đây là những điều đáng ghi nhớ:

- Khi em viết một bản văn tranh luận, người đọc có thể không đồng ý với em.
- Vì vậy, việc làm văn để thuyết phục có thể là một thử thách và gánh nặng to lớn.
- Mục đích của em có thể là để thay đổi tâm trí người đọc hoặc thúc đẩy họ đi tới hành động.
- Mục đích của em có thể là quảng cáo một chương trình, bảo vệ một tư tưởng, hoặc bác bỏ một địch thủ.
- Khi em trình bày lý lẽ để ủng hộ hoặc chống đối một chủ đề nào, em nên trình bày chúng một cách công bằng. Bàn luận kỹ lưỡng và không thiên vị.
- Trong tất cả những trường hợp này, em nên xem việc viết văn tranh luận như một phương thức quan trọng để biến đổi môi trường chung quanh trở thành thực tại mà em mong muốn.

VIỆC CHUẨN BỊ

Lúc em chuẩn bị cho bài tranh luận, hãy nhớ rằng văn bản nên:

- **Trình Bày Vấn Dề** – Người đọc cần hiểu biết về vấn đề sắp được tranh luận.
- **Lý Do Biện Minh** – Nói cách khác, bài văn nên chứng minh mọi điểm được ủng hộ.
- **Bác Bỏ Luận Chứng Đối Lập –** Chứng minh ý kiến bất đồng là không chính xác/không đúng/không hợp lý/vô căn cứ.

CẤU TRÚC

I. Phần mở bài
   - Bối Cảnh
   - Luận Đề

II. Thân bài
   - Ưu điểm yếu nhất để ủng hộ cho quan điểm của em,
   - Ưu điểm mạnh hơn để ủng hộ cho quan điểm của em,
   - Ưu điểm mạnh nhất để ủng hộ cho quan điểm của em, và
   - Khuyết điểm của phe đối lập và sự bác bỏ.

III. Kết luận
   - Sự tóm tắt, giải pháp, tuyên đoán, hoặc yêu cầu.

LUẬN ĐỀ

Luận đề của bài văn sẽ chọn một mặt của cuộc tranh luận để bênh vực, và nó thường vạch hướng cho người đọc đi tới hành động với từ "nên" hoặc "phải". Tuy nhiên, luận đề không bắt buộc phải có những từ ấy.

Thí dụ:

> Chính phủ các nước *nên* cấm xây dựng thêm những nhà máy năng lượng hạt nhân.

Người khác có thể lý luận rằng:

> Nước Mỹ *nên* tiếp tục xây dựng những nhà máy năng lượng hạt nhân.

NHỮNG MẸO NÊN DÙNG

Để các đoạn văn được rõ ràng:

- Tránh những cảm xúc mạnh (đừng nói: *không ai làm chuyện này*, hoặc *không thể nào bất đồng với tôi được*).
- Dùng những câu tổng quát này (Thí dụ: người ta nói/tin/cho rằng…)
- Đừng dùng những câu tổng quát này (Thí dụ: *mọi người ai cũng biết/tin/thấy…*)
- Dùng những từ chuyển tiếp (Thí dụ: *cho nên, mặc dù, nhưng mà, v.v..*)
- Dùng những từ chỉ thứ tự (Thí dụ: *trước tiên, thứ hai, thứ ba, sau hết, v.v..*)
- Dùng điển tích, trích tài liệu/người khác (Thí dụ: *chính phủ nhận chắc là, v.v..*)
- Cho thí dụ không phải ý tưởng riêng tư (Thí dụ: *những sản phẩm như bình phun thuốc có thể làm hại môi trường*)
- Đừng mở bài một cách vô vị, tầm thường (Đừng viết: *từ xưa đến nay vấn đề này rất quan trọng. Từ khi nào? Quá mơ hồ,* không rõ ràng.).

NHỮNG TỪ CHUYỂN TIẾP

Để liệt kê những luận điểm:

Lý do thứ nhất …	*Trước tiên, …*
Lý do thứ hai …	*Thứ hai, …*
Lý do thứ ba và quan trọng nhất …	*Cuối cùng, …*
Còn một lý do nữa …	*Một ưu điểm lớn*
Lý do cuối cùng …	*Lợi điểm nữa là…*
Thêm vào đó …	*Một khuyết điểm lớn …*
Ngoài ra …	*Cũng vậy …*

Cho điểm đối lập, tương phản:

Mặt khác …	*Chưa nói …*
Trong khi …	*Ngoại trừ …*
Mặc dù …	*Nhưng …*
Tuy nhiên …	*Có người tranh luận rằng …*

BỐI CẢNH/LUẬN ĐỀ

Thí dụ:

Án tử hình nên được hủy bỏ.

Trước hết, ta trình bày bối cảnh và quan điểm của mình về luận đề.

Bối Cảnh/Luận Đề:

Đa số các tiểu bang của Mỹ còn án tử hình.

Án tử hình không thể bào chữa được.

CHUYỂN TIẾP	LUẬN ĐIỂM	CHI TIẾT

Kết Luận:

LUẬN ĐIỂM

Sau khi trình bày bối cảnh và quan điểm của mình về luận đề, ta liệt kê các luận điểm hỗ trợ luận đề hay bác bỏ ý kiến đối lập.

Bối Cảnh/Luận Đề:

Đa số các tiểu bang của Mỹ còn án tử hình.

Án phạt với cái chết không thể bào chữa được.

CHUYỂN TIẾP	LUẬN ĐIỂM	CHI TIẾT
Thứ nhất	Một ví dụ xấu.	— Pháp luật cần phản ảnh lòng nhân đạo. — Cá nhân không có quyền tước đoạt sinh mạng thì chính phủ cũng không có quyền.
Thứ hai và quan trọng nhất	Bị cáo có thể vô tội.	— Trong quá khứ có người vô tội đã bị án tử hình.
	*Án tử hình là một sự ngăn chặn.	— Vụ án thường xảy ra trong giây lát và bởi cảm xúc mạnh. — Thiếu suy nghĩ chín chắn.

Kết Luận:

* Lập luận của phe đối lập.

KẾT LUẬN

Cuối cùng, ta nên tóm tắt quan điểm của mình và cung cấp các giải pháp nếu có.

Bối Cảnh/Luận Đề:

Đa số các tiểu bang của Mỹ còn án tử hình.

Án phạt với cái chết không thể bào chữa được.

CHUYỂN TIẾP	LUẬN ĐIỂM	CHI TIẾT
Thứ nhất	Một ví dụ xấu.	— Pháp luật cần phản ảnh lòng nhân đạo. — Cá nhân không có quyền tước đoạt sinh mạng thì chính phủ cũng không có quyền.
Thứ hai và quan trọng nhất	Bị cáo có thể vô tội.	— Trong quá khứ có người vô tội đã bị án tử hình.
	*Án tử hình là một sự ngăn chặn.	— Vụ án thường xảy ra trong giây lát và bởi cảm xúc mạnh. — Thiếu suy nghĩ chín chắn.

Kết Luận:

Án tử hình không thể bào chữa và nên được hủy bỏ.

Có cách khác để trừng phạt cải hóa tội phạm.

* Lập luận của phe đối lập.

Án Tử Hình

Đa số các tiểu bang của Mỹ vẫn còn án tử hình, nhưng nó không còn tồn tại ở tiểu bang Massachussets. Tuy nhiên, sau một vài vụ án bạo lực, đôi khi người dân Massachussets kêu gọi cho nó được tái lập. Theo tôi, án phạt với cái chết không thể bào chữa được vì một số lý do.

Lý do thứ nhất là nó đặt ra một ví dụ xấu. Pháp luật của xã hội cần phản ảnh lòng nhân đạo. Nếu việc một cá nhân tước đoạt sinh mạng của người khác là sai, thì việc chính phủ lấy đi sinh mạng cá nhân đó cũng là sai.

Lý do thứ hai và quan trọng nhất là không ai có thể hoàn toàn chắc chắn rằng các bị can, bị cáo là thủ phạm thật sự. Trong quá khứ, có người đã phải chết và sau đó được phát hiện rằng họ đã hoàn toàn vô tội.

Có người tin rằng án tử hình ngăn ngừa tội phạm và nguy cơ bị tử phạt là một sự ngăn chặn. Tuy nhiên, rất nhiều vụ án nghiêm trọng xảy ra trong một giây lát bất ngờ và bởi những cảm xúc mạnh mẽ. Trong những trường hợp này, các phạm nhân không suy nghĩ chín chắn để xem xét những hậu quả.

Nói tóm lại, án tử hình không thể bào chữa và nên được hủy bỏ. Xã hội có những cách khác để trừng phạt tội nhân và phải luôn cố gắng tìm cách cải hóa những con người ấy.

Bài Tập – Tập Làm Văn (Tranh Luận)

Hãy chọn một trong những đề sau và viết một bài tranh luận:

- Sự bắt buộc mặc đồng phục ở trường công.
- Việc học tiếng Việt.

Bối Cảnh/Luận Đề:

CHUYỂN TIẾP	LUẬN ĐIỂM	CHI TIẾT

Kết Luận:

Dùng những chi tiết trong bảng Tranh Luận để viết thành một đoạn văn:

Bài 20: Sài Gòn – Hòn Ngọc Viễn Đông

Mệnh danh:	*known by another name*	**Danh lam, thắng cảnh:**	*famous landmark, beautiful landscape*
Mỹ thuật:	*artistic*	**Kiến trúc:**	*architecture*
Trang nghiêm:	*solemn*	**Vãn cảnh:**	*sightseeing*

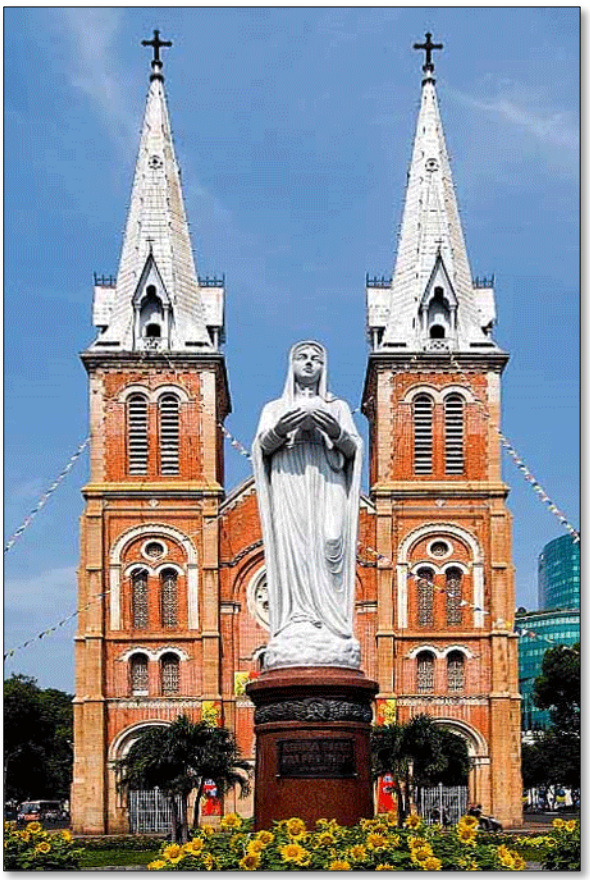

Sài Gòn được mệnh danh là "*Hòn Ngọc Viễn Đông*", có rất nhiều danh lam, thắng cảnh. Trong số những công trình xây cất mỹ thuật là Dinh Độc Lập, Dinh Gia Long, Bưu Điện, Chợ Bến Thành... Vương Cung Thánh Đường phía trước có tượng Đức Mẹ là nơi các giáo dân Công Giáo thường tới dự lễ, đã được xây cất từ thế kỷ thứ 19 với hai gác chuông cao vút. Chùa Xá Lợi, Chùa Vĩnh Nghiêm, Chùa Ấn Quang, mỗi chùa theo một kiến trúc riêng, vừa trang nghiêm, vừa mỹ thuật, đã đón tiếp rất nhiều du khách tới vãn cảnh. Ngoài ra công viên Tao Đàn, vườn Bách Thảo hay Sở Thú cũng là nơi mà nam thanh, nữ tú hằng lui tới trong các ngày Chúa Nhật hoặc các ngày lễ.

Về di tích lịch sử thì có đồn Kỳ Hòa, nơi Nguyễn Tri Phương đã cố thủ chống lại liên quân Pháp và Tây Ban Nha vào năm 1861, cùng Mả Ngụy nơi chôn cất hàng chục ngàn quân lính của Lê Văn Khôi con nuôi của Lê Văn Duyệt đã chống lại triều đình.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Sài Gòn được mệnh danh là gì?

_____

_____

_____

2. Vương Cung Thánh Đường được xây cất từ thế kỷ nào?

_____

_____

_____

3. Nguyễn Tri Phương đã cố thủ chống lại liên quân Pháp và Tây Ban Nha vào năm 1861 ở đâu?

_____

_____

_____

4. Quân lính của Lê Văn Khôi được chôn cất ở nơi nào?

_____

_____

_____

5. Em hãy kể ra ba thắng cảnh của Sài Gòn.

_____

_____

_____

▲ *Sài Gòn vào đêm*

▲ *Dinh Độc Lập*

▼ *Nhà Hát Lớn*

◄ *Viện Bảo Tàng*

▼ *Tòa Đô Chính*

▲ *Bưu Điện*

Nhà Thờ Ba Chuông ▲

Thánh Thất Cao Đài ▼

Thiền Viện Vạn Hạnh ►

Chùa Nam Thiên Nhất Trụ (Chùa Một Cột ở miền Nam) ▲

◄ Nhà Thờ Đức Bà

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Sài Gòn được **mệnh danh** là "Hòn Ngọc Viễn Đông"... Từ "**mệnh danh**" có nghĩa là:

   - *Đổi tên là...* ▪ *Mang họ là...* ▪ *Mang tên là...*

2. Trong số những công trình xây cất **mỹ thuật** là Dinh Độc Lập, Dinh Gia Long, Bưu Điện, chợ Bến Thành... Từ "**mỹ thuật**" có nghĩa là:

   - *Đẹp, khéo.* ▪ *Đẹp, khéo.* ▪ *Xấu.*

3. ...mỗi chùa theo một **kiến trúc** riêng, vừa trang nghiêm, vừa mỹ thuật... Từ "**kiến trúc**" có nghĩa là:

   - *Nơi chốn.* ▪ *Kiểu xây cất.* ▪ *Màu sắc.*

4. ...mỗi chùa theo một kiến trúc riêng, vừa **trang nghiêm**, vừa mỹ thuật... Từ "**trang nghiêm**" có nghĩa là:

   - *Có thái độ bỡn cợt.* ▪ *Có thái độ khinh khi.* ▪ *Có thái độ kính trọng.*

5. ...đón tiếp rất nhiều du khách tới **vãn cảnh**. Từ "**vãn cảnh**" có nghĩa là:

   - *Đến để hỏi thăm.* ▪ *Đến để ngắm cảnh.* ▪ *Đến để ở.*

6. ...nơi Nguyễn Tri Phương đã **cố thủ** chống lại liên quân Pháp và Tây Ban Nha vào năm 1861... Từ "**cố thủ**" có nghĩa là:

   - *Bảo vệ, chống lại sự xâm chiếm.* ▪ *Bỏ chạy.* ▪ *Xâm chiếm.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Sai Gon duoc menh danh la "Hon Ngoc Vien Dong", co rat nhieu danh lam, thang canh.

Vuong Cung Thanh Duong phia truoc co tuong Duc Me la noi cac giao dan Cong Giao thuong toi du le, da duoc xay cat tu the ky thu 19.

Chua Xa Loi, Chua Vinh Nghiem, Chua An Quang, moi chua theo mot kien truc rieng, vua trang nghiem, vua my thuat.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Trong số nhữn kông trình xây cất mỹ thuậc là Dinh Độc Lập, Dinh Gia Long, Bưu Điện, Chợ Bến Thành... (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Về di tíc lịch sử thì có đồng Kỳ Hòa, nơi Nguyễn Tri Phương đã cố thủ trống lại liên quân Pháp và Tây Ban Nha vào năm 1861. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Bài Tập – Tập Làm Văn (Tranh Luận)

Hãy chọn một trong những đề sau và viết một bài tranh luận:

- Việc mang theo điện thoại di động tới trường học.
- Việc coi ti-vi mỗi ngày.

Bối Cảnh/Luận Đề:

CHUYỂN TIẾP	LUẬN ĐIỂM	CHI TIẾT

Kết Luận:

Dùng những chi tiết trong bảng Tranh Luận để viết thành một đoạn văn:

Phụ Lục

Bài Tập

Bài 1: Quả Bong Bóng Đen

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Chú ơi, những quả bóng màu đen có bay cao được như những quả bóng khác không ạ?*
- *Có chứ, những quả bóng màu đen cũng sẽ bay cao như những quả bóng khác, và cháu cũng vậy.*
- *Quả bóng màu đen, màu vàng, màu đỏ... cho dù là màu gì thì cũng đều là quả bóng.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Phía bên kia đường, một người đàn ông đang thả nhẹ những quả bóng lên bầu trời, những quả bóng đủ màu sắc, xanh, đỏ, tím, vàng, và có cả màu đen nữa.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Chú ơi, những quả bóng màu đen có bay cao được như những quả bóng khác không ạ?*
- *Người đàn ông quay lại, bất giác giấu đi những giọt nước mắt sắp lăn nhẹ trên đôi gò má.*

Bài 2: Chỉ Có Một Người Thôi

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Bác đặt trước cửa một khúc gỗ và đứng dựa bên bờ tường quan sát khách khứa ra khỏi nhà.*
- *Chỉ có một bà lão quay lại đẩy khúc gỗ sang bên.*
- *Chỉ có con người, khác với thú vật, mới lo cho đồng loại và làm như vậy.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Nhưng một bà lão đã dẹp khúc gỗ sang bên để người khác khỏi vấp ngã.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Này, anh qua nhà bên cạnh xem có bao nhiêu người đến dự tiệc cưới bên ấy.*
- *Bởi vì tôi để khúc gỗ trước cửa nhà, tất cả đều vấp phải, nhưng chẳng ai buồn dẹp đi.*

Bài 3: Tình Bạn

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Đến một đoạn, họ có một cuộc tranh luận khá gay gắt, và một người đã không kiềm chế được giơ tay tát vào mặt bạn mình.*
- *Người bị tát không may bị vọp bẻ và suýt chết đuối, may mà được người bạn cứu.*
- *Anh bạn kia ngạc nhiên hỏi: "Tại sao khi tôi đánh anh, anh viết trên cát, còn bây giờ anh lại viết trên đá?"*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Khi hết hoảng sợ, anh viết lên đá: "Hôm nay, người bạn thân nhất đã cứu sống tôi."*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Người bị tát không may bị vọp bẻ và suýt chết đuối, may mà được người bạn cứu.*
- *Và khi có người giúp đỡ chúng ta, chúng ta nên khắc nó lên đá như khắc sâu vào ký ức, nơi không ngọn gió nào có thể xóa nhòa được.*

Bài 4: Hoa Hồng Tặng Mẹ

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Nhân ngày Lễ Hiền Mẫu, Hiếu dừng lại tiệm bán hoa để gửi hoa tặng mẹ qua đường bưu điện.*
- *Rồi nó chỉ đường cho anh đến một nghĩa trang, nơi có một phần mộ vừa mới đắp.*
- *Tức thì, anh quay lại tiệm bán hoa, hủy bỏ việc đặt gửi hoa vừa rồi và mua một bó hồng thật đẹp.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Anh liền mua hoa cho cô bé và đặt một bó hồng để gửi cho mẹ anh.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Cháu muốn mua hoa hồng để tặng mẹ nhưng cháu chỉ có 75 xu trong khi giá một hoa hồng đến 2 đô-la.*
- *Suốt đêm đó, anh đã lái một mạch 300 km về nhà mẹ anh để trao tận tay bà bó hoa.*

Bài 5: Cái Bàn Nhỏ

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Năm tháng đã làm hao mòn sức khoẻ của bà, đôi mắt kèm nhèm, tay lại run rẩy.*
- *Từ đó bà lão chỉ biết ngồi ăn một mình và nhìn những người khác trong nước mắt.*
- *Người con trai và con dâu không còn bực tức nữa khi đôi lúc bà lại làm đổ thức ăn ra bàn như trước.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Bà dọn đến ở cùng hai vợ chồng người con và đứa cháu gái yêu quý.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Con đang xếp một cái bàn nhỏ cho cha và mẹ, để cha mẹ có thể tự ăn một mình như bà khi con lớn lên!*
- *Đêm đó họ đã dẫn mẹ quay về chiếc bàn ăn của gia đình.*

Bài 6: Một Nụ Cười

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Anh nhớ đến sự tử tế của một người bạn cũ và viết cho người ấy một lá thư cảm ơn.*
- *Người ăn mày rất biết ơn vì đã hai ngày anh ta chẳng được ăn gì.*
- *Chú sủa cho đến khi đánh thức tất cả mọi người trong nhà dậy và cứu họ thoát chết.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Người bạn này vui sướng vì nhận được thư của người bạn cũ lâu ngày không gặp.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Nụ cười làm cho anh ta cảm thấy phấn chấn hơn.*
- *Đêm ấy, trong khi mọi người đang ngủ say thì ngôi nhà bốc cháy, chú chó con sủa ráo riết.*

Bài 7: Nghèo Đến Mức Nào?

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Họ đến vùng ngoại ô yên bình và trả một ít tiền để thuê nhà trọ của một người nông dân.*
- *Bây giờ con có thể hình dung ra rằng một con người có thể nghèo đến mức nào rồi chứ?*
- *Cảm ơn cha đã cho con thấy chúng ta nghèo đến mức nào!*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Chúng ta phải trả tiền để mua đèn trong nhà, còn họ có cả một bầu trời sao vào buổi tối.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Chúng ta có một mảnh đất nhỏ để xây nhà mà sống, còn họ có những cánh đồng rộng mênh mông.*
- *Chúng ta phải mua rau và cây cảnh, còn họ tự trồng được.*

Bài 8: Đường Hầm Xuyên Trái Đất

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Cậu bé đào hố hào hứng trả lời rằng anh em cậu muốn đào một đường hầm xuyên qua trái đất.*
- *Mấy đứa trẻ cười phá lên, chế giễu anh em cậu.*
- *Nhưng nếu bạn luôn lo sợ và không dám bắt đầu, bạn sẽ không bao giờ có cơ hội để thành công.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Khi hai cậu bé đang đào, vài đứa trẻ khác đến xem và hỏi họ đang làm gì.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Hai anh em cậu bé kia có lần quyết định đào một cái hố sâu phía sau nhà.*
- *Mấy đứa trẻ cười phá lên, chế giễu anh em cậu.*

Bài 9: Hai Hạt Giống

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Tôi muốn đâm rễ sâu xuống đất, vươn mầm lên cao, nhú chồi non đón mùa xuân đang đến.*
- *Tôi sợ làm tổn thương những mầm non yếu ớt của tôi khi vươn mình lên khỏi mặt đất cứng này.*
- *Một con gà mái bươi đất tìm món điểm tâm, nó tóm ngay hạt thứ hai và nuốt trôi.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Tôi sợ đối diện với bóng tối khi rễ của tôi đâm xuống đất.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Thế là hạt thứ nhất vươn mình một cách mạnh mẽ và đầy quyết tâm, bất chấp mọi trở ngại.*
- *Tôi sợ lũ con nít sẽ ngắt hoa khi tôi vừa mới nở.*

Bài 10: Những Vết Đinh

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Mỗi khi con nổi nóng với ai đó thì hãy chạy ra sau nhà và đóng một cái đinh lên chiếc hàng rào gỗ.*
- *Ngày lại ngày trôi qua, rồi cũng đến một hôm cậu bé đã vui mừng hãnh diện tìm bố mình báo rằng đã không còn một cái đinh nào trên hàng rào nữa.*
- *Cho dù sau đó con có nói xin lỗi bao nhiêu lần đi nữa, vết thương đó vẫn còn lại mãi mãi.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Nếu con nói điều gì trong cơn giận dữ, những lời nói ấy cũng giống như những lỗ đinh này, chúng để lại những vết thương rất khó lành trong lòng người khác.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Nhưng sau vài tuần, cậu bé đã tập kiềm chế cơn giận của mình và số lượng đinh cậu đóng trên lên hàng rào ngày một ít đi.*
- *Đến một ngày, cậu đã không nổi giận một lần nào suốt cả ngày.*

Bài 11: Bài Kiểm Tra

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Hôm đó, thầy giáo vào lớp và phát cho mỗi người chúng tôi một bài kiểm tra toán.*
- *Một tuần sau, khi thầy giáo trả bài kiểm tra, chúng tôi còn ngạc nhiên hơn lúc nhận được đề bài vì thầy không hề chấm.*
- *Thầy đã nói với chúng tôi rằng đó không phải là bài kiểm tra kiến thức mà là bài kiểm tra sự tự tin.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Thầy nói ai trong chúng tôi cũng muốn đạt 100 điểm nhưng ít ai dám vượt qua thử thách để biến ước mơ đó thành sự thật.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Bài kiểm tra được chia làm đề riêng lẻ, có ghi chú rất rõ ràng ngay từ đầu.*
- *Cứ ai làm đề nào thì thầy cho đúng tổng điểm của đề đó, bất kể sai hay đúng.*

Bài 12: Bức Tranh Tuyệt Vời

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Tôi nghĩ điều đẹp nhất trần gian là niềm tin vì niềm tin nâng cao giá trị con người.*
- *Tình yêu là điều đẹp nhất trần gian, bởi tình yêu làm cho cay đắng trở nên ngọt ngào.*
- *Chính những điều đó làm tâm hồn ông ngập tràn hạnh phúc và bình an.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Một họa sĩ suốt đời ước mơ về một bức tranh đẹp nhất trần gian.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Tình yêu là điều đẹp nhất trần gian, bởi tình yêu làm cho cay đắng trở nên ngọt ngào.*
- *Sau khi hoàn thành tác phẩm, ông đặt tên cho nó là: "Gia Đình".*

Bài 13: Có Bao Nhiêu Người Bạn?

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Bạn là người có bờ vai mềm mại để cô dựa vào mà khóc.*
- *Nhưng cái cần thiết nhất của một người bạn là một trái tim.*
- *Cảm ơn cụ vì cụ đã trở thành bạn của cháu.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Để từ trái tim của những người bạn đó ta sẽ có tình yêu tuyệt vời nhất.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Bạn không phải chỉ là người để cô nói: "Xin chào!"*
- *Bạn là một bàn tay nâng đỡ cô khi cô tuyệt vọng.*

Bài 14: Con Yêu Mẹ

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Lúc con đang chơi ngoài sân còn bố đang gọi điện thoại thì Hiếu lấy bút chì màu viết lên tường.*
- *Thế rồi bà sải bước vào phòng của đứa con trai nhỏ, nơi nó đang trốn.*
- *Dòng chữ viết "Con yêu mẹ" được viền bằng một trái tim!*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Sau khi than phiền về những việc phải làm để sửa lại giấy dán tường, người mẹ kết tội đứa con là thiếu quan tâm đến người khác.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Những gì bà đọc được nhu một mũi tên xuyên qua tâm hồn người mẹ.*
- *Nhưng khi nhìn bức tường, đôi mắt bà tràn ngập nước mắt.*

Bài 15: Hai Cái Chậu

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Một trong hai cái chậu có vết nứt, vì vậy khuân nước từ giếng về, nước trong chậu chỉ còn một nửa.*
- *Quả thật, dọc bên vệ đường là những luống hoa rực rỡ.*
- *Ta gieo những hạt giống hoa bên vệ đường phía bên ngươi và trong những năm qua, ngươi đã tưới cho chúng.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Chiếc chậu còn nguyên rất tự hào về sự hoàn hảo của mình, còn chiếc chậu nứt luôn buồn bã và bị cắn rứt vì không thể hoàn thành nhiệm vụ.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Không đâu, khi đi về ngươi hãy chú ý đến những luống hoa bên vệ đường.*
- *Nếu không có ngươi nhà ta sẽ không ấm cúng và duyên dáng như thế này đâu.*

Bài 16: Món Quà Của Cha

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Ngạc nhiên, chàng trai mở hộp quà và thấy một quyển sách được bọc bằng da, có tên anh được mạ vàng.*
- *Và bất chợt, anh nhìn thấy quyển sách khi xưa nằm lẫn trong mớ giấy tờ quan trọng của bố ở trên bàn.*
- *Kèm theo đó là tấm danh thiếp ghi tên người chủ tiệm xe, nơi có bán chiếc xe thể thao mà anh từng mơ ước.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Đã từ lâu anh mơ ước một chiếc xe thể thao tuyệt đẹp được trưng bày ở tiệm xe.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Với tất cả tiền bạc bố có, mà chỉ có thể tặng con một quyển sách này thôi sao?*
- *Trên tấm danh thiếp còn ghi ngày tốt nghiệp của anh và dòng chữ: "Đã trả đủ."*

Bài 17: Đôi Tai Của Tâm Hồn

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại ra khỏi ca đoàn cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi một bộ quần áo vừa bẩn, vừa cũ lại vừa rộng nữa.*
- *Cháu hát hay quá! Cảm ơn cháu, cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ.*
- *Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ, nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Hôm sau, khi cô bé tới công viên đã thấy ông già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước, khuôn mặt hiền từ mỉm cười chào cô bé.*
- *Cụ già ngày ngày vẫn chăm chú lắng nghe và khen cô hát lại là một người điếc!*

Bài 18: Một Ly Sữa

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Bụng đói cồn cào mà lục túi chỉ còn mấy đồng tiền ít ỏi, cậu liều xin một bữa ăn tại một căn nhà gần đó.*
- *Bạn không nợ tôi gì cả. Mẹ dạy rằng chúng tôi không bao giờ nhận tiền khi làm một điều tốt.*
- *Trước khi tờ hóa đơn thanh toán viện phí được chuyển đến cô gái, ông đã viết gì đó lên bên cạnh.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Trưa hôm đó, có một cậu bé nghèo bán hàng rong ở các khu nhà để kiếm tiền đi học.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Cô bé trông cậu có vẻ đang đói nên bưng ra một ly sữa lớn.*
- *Các bác sĩ trong vùng bó tay và chuyển cô lên bệnh viện trung tâm thành phố để các chuyên gia chữa trị.*

Bài 19: Giá Trị

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Tôi sẽ đưa tờ 20 đô-la này cho một người trong số các bạn nhưng đầu tiên hãy để tôi làm điều này đã...*
- *Ông ném tờ 20 đô-la xuống sàn, dùng giày dẫm mạnh lên.*
- *Dù tôi có làm gì với đồng tiền này thì các bạn vẫn muốn nó vì giá trị của nó vẫn không hề giảm sút.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Đừng ngồi đếm những nỗi buồn mà hãy thử đếm xem bao nhiêu lần bạn được hạnh phúc.*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Các bạn thân mến, các bạn vừa được học một bài học về giá trị.*
- *Giá trị của bạn là ở chính con người bạn.*

Bài 20: Con Mắt Của Mẹ

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Bà là đầu đề để bạn bè trong lớp chế giễu, châm chọc tôi.*
- *Tôi lén vợ thỉnh thoảng gởi một ít tiền về biếu mẹ, tự nhủ thế là đầy đủ bổn phận.*
- *Mẹ đã bán tất cả gia tài để bác sĩ có thể thay mắt cho con, nhưng chưa bao giờ mẹ hối hận về việc đó.*

Thứ Tư: Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em viết chính tả vào sách Bài Tập:

- *Ngày hôm sau, một đứa bạn học la lên: "Ê, tao thấy rồi. Mẹ mày chỉ có một mắt!'*

Sửa Lỗi Chính Tả

Đọc các câu sau đây cho các em sửa lỗi chính tả:

- *Khi thấy một bà già trông có vẻ lam lũ đứng trước cửa, mấy đứa con tôi có đứa cười nhạo, có đứa hoảng sợ.*
- *Mẹ không thể ngồi yên nhìn con lớn lên mà chỉ có một mắt, nên mẹ đã cho con con mắt của mẹ.*

Trường Thánh Tôma Thiện

Giáo Xứ Thánh Giuse
1902 S. Belt Line Road
Grand Prairie, Texas 75051
www.tomathien.org